

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG
KHOA KINH TẾ
BỘ MÔN KẾ TOÁN



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP
ĐỀ TÀI
KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH
TẠI DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI HẢI ÂU

Giảng viên hướng dẫn : Th.S Nguyễn Xuân Hiệp
Sinh viên thực hiện : Nguyễn Thị Liễu
Mã số sinh viên : 2254010117
Khóa học : 2022 - 2026
Lớp : 22KH2

Đà Nẵng, tháng 05 năm 2026

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG
KHOA KINH TẾ
BỘ MÔN KẾ TOÁN**



**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP
ĐỀ TÀI
KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH
TẠI DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI HẢI ÂU**

Giảng viên hướng dẫn : Th.S Nguyễn Xuân Hiệp
Sinh viên thực hiện : Nguyễn Thị Liễu
Mã số sinh viên : 2254010117
Khóa học : 2022 - 2026
Lớp : 22KH2

Đà Nẵng, tháng 05 năm 2026

Đà Nẵng, ngày 02 tháng 03 năm 2026

NHIỆM VỤ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP
Năm học: 2025 – 2026

1. Thông tin tác giả thực hiện

- Họ và tên sinh viên : Nguyễn Thị Liễu
- Chuyên ngành : Kế toán
- Trình độ đào tạo : Đại học
- Khóa học : 2022 – 2026

2. Tên đề tài Khóa luận tốt nghiệp: Kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Doanh Nghiệp Tư Nhân Thương Mại Hải Âu

3. Các số liệu ban đầu thực hiện Khóa luận tốt nghiệp: Số liệu thực tế tại Doanh Nghiệp Tư Nhân Thương Mại Hải Âu

4. Các bảng biểu: Hệ thống các bảng biểu

5. Cán bộ hướng dẫn: Th.S Nguyễn Xuân Hiệp

6. Ngày giao nhiệm vụ làm Khóa luận tốt nghiệp: 02/03/2026

7. Ngày sinh viên phải hoàn thành khóa luận: 01/06/2026

Giảng viên hướng dẫn

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH..... 1

1.1. Tổng quan về công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh..... 1

1.1.1. Khái niệm về bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh 1

1.1.2. Nhiệm vụ và vai trò của bán hàng và xác định kết quả kinh doanh 1

1.1.2.1. Nhiệm vụ của kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh 1

1.1.2.2. Vai trò của kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh 2

1.2. Các phương thức bán hàng và phương thức thanh toán. 2

1.2.1. Các phương thức bán hàng..... 2

1.2.2. Các phương thức thanh toán..... 3

1.3. Kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh. 4

1.3.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu. 4

1.3.1.1. Nội dung 4

1.3.1.2. Chứng từ sử dụng..... 5

1.3.1.3. Tài khoản sử dụng..... 5

1.3.1.4. Phương pháp hạch toán 6

1.3.2. Kế toán giá vốn hàng bán 8

1.3.2.1. Nội dung 8

1.3.2.2. Chứng từ sử dụng..... 10

1.3.2.3. Tài khoản sử dụng..... 10

1.3.2.4. Phương pháp hạch toán 11

1.3.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính 12

1.3.3.1. Nội dung 12

1.3.3.2. Chứng từ sử dụng..... 12

1.3.3.3. Tài khoản sử dụng..... 12

1.3.3.4. Phương pháp hạch toán 13

1.3.4. Kế toán chi phí tài chính..... 14

1.3.4.1. Nội dung 14

1.3.4.2. Chứng từ sử dụng..... 14

1.3.4.3. Tài khoản sử dụng..... 14

1.3.4.4. Phương pháp hạch toán 16

1.3.5. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.....	16
1.3.5.1. Nội dung	16
1.3.5.2. Chứng từ sử dụng.....	18
1.3.5.3. Tài khoản sử dụng.....	17
1.3.5.4. Phương pháp hạch toán	19
1.3.6. Kế toán thu nhập khác	21
1.3.6.1. Nội dung	21
1.3.6.2. Chứng từ sử dụng.....	21
1.3.6.3. Tài khoản sử dụng.....	21
1.3.6.4. Phương pháp kế toán	22
1.3.7. Kế toán chi phí khác	23
1.3.7.1. Nội dung	23
1.3.7.2. Chứng từ sử dụng.....	23
1.3.7.3. Tài khoản sử dụng.....	23
1.3.7.4. Phương pháp kế toán	25
1.3.8. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	25
1.3.8.1. Nội dung	25
1.3.8.2. Chứng từ sử dụng.....	27
1.3.8.3. Tài khoản sử dụng.....	27
1.3.8.4. Phương pháp kế toán	27
1.3.9. Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh.....	28
1.3.9.1. Nội dung	28
1.3.9.2. Tài khoản sử dụng.....	28
1.3.9.3. Phương pháp hạch toán	29

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI HẢI ÂU.....30

2.1. Khái quát chung về Doanh nghiệp tư nhân thương mại Hải Âu	30
2.1.1. Giới thiệu chung về doanh nghiệp tư nhân thương mại Hải Âu.....	30
2.1.2. Quá trình hình thành và phát triển của doanh nghiệp tư nhân thương mại Hải Âu.....	30
2.1.3. Chức năng, nhiệm vụ của Doanh nghiệp tư nhân thương mại Hải Âu...	30
2.1.4. Cơ cấu tổ chức tại Doanh nghiệp tư nhân thương mại Hải Âu.....	31
2.1.5. Đặc điểm tổ chức tại Doanh nghiệp tư nhân thương mại Hải Âu	33
2.1.5.1. Tổ chức bộ máy kế toán.....	33

2.1.5.2. Hình thức kế toán tại công ty.....	33
2.1.5.3. Chế độ kế toán và một số chính sách kế toán áp dụng tại doanh nghiệp tư nhân thương mại Hải Âu.....	36
2.1.5.4. Các phân hành kế toán tại doanh nghiệp.....	36
2.2. Thực trạng công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Doanh nghiệp tư nhân thương mại Hải Âu	37
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.	37
2.2.1.1. Quy trình kế toán	37
2.2.1.2. Kế toán chi tiết doanh thu	39
2.2.1.3. Kế toán tổng hợp doanh thu	48
2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán	50
2.2.2.1. Quy trình kế toán	50
2.2.2.2. Kế toán chi tiết giá vốn hàng bán	51
2.2.2.3. Kế toán tổng hợp giá vốn	56
2.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	57
2.2.3.1. Quy trình kế toán	57
2.2.3.2. Kế toán chi tiết doanh thu tài chính.	57
2.2.3.3. Kế toán tổng hợp doanh thu tài chính.	62
2.2.4. Kế toán chi phí tài chính.....	62
2.2.5. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.....	62
2.2.5.1. Quy trình kế toán:	62
2.2.5.2. Kế toán chi tiết chi phí kinh doanh	63
2.2.5.3. Kế toán tổng hợp chi phí kinh doanh	67
2.2.6. Kế toán thu nhập khác	68
2.2.7. Kế toán chi phí khác	68
2.2.8. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	68
2.2.8.1. Quy trình kế toán	67
2.2.9. Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh	73
2.2.9.1. Quy trình kế toán.....	72
CHƯƠNG 3: ĐÁNH GIÁ VÀ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẠI DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI HẢI ÂU.....	78
3.1. Đánh giá chung	78
3.1.1. Đánh giá chung về công tác kế toán tại đơn vị.....	78
3.1.2. Đánh giá về kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh	78
3.1.1.1. Ưu điểm	78

3.1.1.2. Nhược điểm.....	79
3.2. Khuyến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị.....	80

DOANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 2.1. Giao diện phần mềm kế toán SIVIP	35
Hình 2.2. Hóa đơn GTGT bán ra số 00000055.....	40
Hình 2.3. Giấy báo có thanh toán hóa đơn GTGT số 00000055	41
Hình 2.4. Giao diện hạch toán doanh thu vào phần mềm theo hóa đơn số 00000055	42
Hình 2.5. Giao diện mở sổ chi tiết tài khoản.	43
Hình 2.6. Hóa đơn GTGT bán ra số 00000049.....	45
Hình 2.7. Giấy báo có thanh toán hóa đơn GTGT số 00000049	46
Hình 2.8. Giao diện hạch toán doanh thu vào phần mềm theo hóa đơn số 00000049	47
Hình 2.9. Giao diện mở sổ cái tài khoản	48
Hình 2.10. Phiếu xuất kho theo hóa đơn số 00000055	52
Hình 2.11. Hóa đơn giá trị gia tăng số 533639.....	54
Hình 2.12. Giao diện hạch toán phiếu chi theo hóa đơn 533639.....	55
Hình 2.13. Giấy báo có lãi tiền gửi từ ngân hàng	58
Hình 2.14. Sao kê tài khoản ngân hàng	59
Hình 2.15. Giao diện hạch toán doanh thu hoạt động tài chính	60
Hình 2.16. Hóa đơn GTGT số 12727.....	64
Hình 2.17. Giao diện hạch toán chi phí dịch vụ mua ngoài	65
Hình 2.18. Giao diện mở sổ nhật ký chung.	76

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hoạch toán doanh thu trường hợp bán hàng tại kho và vận chuyển.....	6
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hoạch toán doanh thu trường hợp thông qua đại lý.....	6
Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hoạch toán doanh thu trường hợp thông qua đại lý.....	7
Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán doanh thu trường hợp bán hàng trả chậm, trả góp.....	7
Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán Giá vốn hàng hóa.....	11
Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính.....	13
Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán chi phí tài chính.....	16
Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác.....	22
Sơ đồ 1.10: Sơ đồ hạch toán chi phí khác.....	25
Sơ đồ 1.11: Sơ đồ hạch toán chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp.....	27
Sơ đồ 1.12: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh.....	29
Sơ đồ 2.1: Sơ đồ bộ máy quản lý tại Doanh nghiệp tư nhân thương mại Hải Âu....	31
Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán tại Doanh nghiệp tư nhân thương mại Hải Âu.....	33
Sơ đồ 2.3: Sơ đồ trình tự ghi sổ theo hình thức kế toán nhật ký chung tại công ty..	34
Sơ đồ 2.4: Sơ đồ tổ chức kế toán máy tại Doanh nghiệp tư nhân thương mại Hải Âu.....	35
Sơ đồ 2.5: Sơ đồ Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng tại doanh nghiệp tư nhân thương mại Hải Âu.....	39
Sơ đồ 2.6: Sơ đồ quy trình hoạch toán giá vốn hàng hóa tại doanh nghiệp tư nhân thương mại Hải Âu.....	50
Sơ đồ 2.7: Sơ đồ quy trình hoạch toán giá vốn dịch vụ tại doanh nghiệp tư nhân thương mại Hải Âu.....	51
Sơ đồ 2.8: Sơ đồ quy trình hạch toán doanh thu tài chính tại doanh nghiệp.....	57
Sơ đồ 2.9: Sơ đồ quy trình hoạch toán chi phí kinh doanh tại doanh nghiệp.....	63

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Ký hiệu	Diễn giải	Ký hiệu	Diễn giải
XĐKQKD	Xác định kết quả kinh doanh	GVHB	Giá vốn hàng bán
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp	CP	Chi phí
KH & CN	Khoa học và công nghệ	HTK	Hàng tồn kho
HĐKD	Hoạt động kinh doanh	CKTM	Chiết khấu thương mại
TNCN	Thu nhập cá nhân	GGHB	Giá vốn hàng bán
TT& BTC	Thông tư và bộ tài chính	TSCĐ	Tài sản cố định
GTGT	Giá trị gia tăng	HĐKT	Hợp đồng kinh tế
TTĐB	Tiêu thụ đặc biệt	CCDC	Công cụ dụng cụ
XK	Xuất khẩu	TK	Tài khoản
BVMT	Bảo vệ môi trường	SXKD	Sản xuất kinh doanh
BH&CCDV	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	DN	Doanh nghiệp

LỜI CẢM ƠN!

Trong quá trình thực hiện khóa luận tốt nghiệp với đề tài: “Kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Doanh nghiệp tư nhân thương mại Hải Âu”, em đã nhận được sự giúp đỡ tận tình từ phía nhà trường, quý thầy cô và đơn vị thực tập.

Trước hết, em xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Ban Giám hiệu Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng, cùng toàn thể quý thầy cô Khoa Kinh tế, Bộ môn Kế toán đã tận tình giảng dạy, truyền đạt cho em những kiến thức quý báu trong suốt thời gian học tập tại trường. Những kiến thức này là nền tảng quan trọng giúp em có thể vận dụng vào thực tiễn và hoàn thành khóa luận tốt nghiệp của mình.

Đặc biệt, em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến Th.S Nguyễn Xuân Hiệp – giảng viên hướng dẫn, người đã tận tình chỉ bảo, định hướng và góp ý cho em trong suốt quá trình thực hiện đề tài. Nhờ sự hướng dẫn chu đáo của thầy, em đã có thể hoàn thiện bài khóa luận một cách tốt nhất.

Em cũng xin chân thành cảm ơn ban lãnh đạo cùng các anh, chị trong Doanh nghiệp tư nhân thương mại Hải Âu đã tạo điều kiện thuận lợi cho em trong quá trình thực tập, cung cấp tài liệu và tận tình hướng dẫn em tiếp cận với thực tế công tác kế toán tại doanh nghiệp. Những kiến thức và kinh nghiệm thực tiễn mà em học hỏi được trong thời gian này là hành trang vô cùng quý giá cho công việc sau này.

Trong quá trình thực hiện đề tài, do hạn chế về thời gian, kinh nghiệm thực tế và kiến thức chuyên môn, bài khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự góp ý, chỉ bảo của quý thầy cô để bài khóa luận được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng, em xin kính chúc quý thầy cô Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng luôn dồi dào sức khỏe và thành công trong sự nghiệp giảng dạy. Kính chúc Ban lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ, nhân viên Doanh nghiệp tư nhân thương mại Hải Âu ngày càng phát triển và đạt được nhiều thành công trong hoạt động kinh doanh.

Em xin chân thành cảm ơn!

Đà Nẵng, tháng 5 năm 2026

Sinh viên thực hiện

Nguyễn Thị Liễu

PHẦN MỞ ĐẦU

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường ngày càng phát triển và cạnh tranh gay gắt như hiện nay, hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp ngày càng chịu nhiều áp lực từ sự biến động của thị trường. Để tồn tại và phát triển bền vững, các doanh nghiệp không chỉ chú trọng đến việc mở rộng quy mô mà còn phải nâng cao hiệu quả hoạt động, trong đó hoạt động bán hàng giữ vai trò đặc biệt quan trọng. Bán hàng là khâu cuối cùng trong quá trình kinh doanh, quyết định trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp.

Kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh là công cụ quan trọng giúp doanh nghiệp phản ánh chính xác tình hình tiêu thụ hàng hóa, doanh thu, chi phí và lợi nhuận. Thông qua đó, doanh nghiệp có thể đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh, từ đó đưa ra các quyết định quản lý phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Vì vậy, việc tổ chức tốt công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với mỗi doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại.

Xuất phát từ vai trò quan trọng đó, cùng với quá trình học tập tại Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng và thời gian thực tập tại Doanh nghiệp tư nhân thương mại Hải Âu, em đã có cơ hội tiếp cận với thực tế công tác kế toán tại đơn vị. Nhận thức được tầm quan trọng của kế toán bán hàng trong hoạt động kinh doanh, em đã lựa chọn đề tài: “Kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Doanh nghiệp tư nhân thương mại Hải Âu” làm đề tài khóa luận tốt nghiệp của mình.

Kết cấu khóa luận gồm 3 chương:

- **Chương 1:** Cơ sở lý luận về kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại.
- **Chương 2:** Thực trạng kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Doanh nghiệp tư nhân thương mại Hải Âu.
- **Chương 3:** Nhận xét và một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Doanh nghiệp tư nhân thương mại Hải Âu.

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

1.1. Tổng quan về công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh

1.1.1. Khái niệm về bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh

- Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) số 14, doanh thu được định nghĩa như sau: “Doanh thu: Là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu”.

- Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu.

- Kết quả hoạt động kinh doanh là kết quả doanh nghiệp đạt được sau một kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh; là biểu hiện số tiền lãi, lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ nhất định (tháng, quý, năm,...). Đây chỉ là chỉ tiêu tổng hợp rất quan trọng để đánh giá hiệu quả sản xuất của doanh nghiệp.

1.1.2. Nhiệm vụ và vai trò của bán hàng và xác định kết quả kinh doanh

1.1.2.1. Nhiệm vụ của kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh

- Tổ chức theo dõi phản ánh chính xác đầy đủ, kịp thời và giám sát chặt chẽ về tình hình hiện có và sự biến động của từng loại hàng hoá trên các mặt hiện vật và giá trị.

- Theo dõi, phản ánh và giám sát chặt chẽ quá trình bán hàng, ghi chép đầy đủ các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, doanh thu bán hàng cũng thu nhập các hoạt động khác.

- Xác định chính xác kết quả bán hàng, phản ánh và giám sát tình hình phân phối kết quả, đơn đốc thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước.

- Cung cấp thông tin kế toán cần thiết cho các bộ phận bán hàng, thu nhập và phân phối kết quả.

- Để thực hiện tốt nhiệm vụ đó, kế toán bán hàng cần phải hoàn thiện tốt các nội dung sau:

- + Tổ chức tốt hệ thống ghi chép ban đầu và trình tự luân chuyển chứng từ.
- + Báo cáo kịp thời tình hình nhập - xuất - hàng hoá, tình hình bán hàng và thanh toán, đơn đốc thu thập tiền hàng, xác định kết quả kinh doanh.

- Tổ chức tốt hệ thống tài khoản kế toán, hệ thống sổ sách kế toán kế toán phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của đơn vị.

1.1.2.2. Vai trò của kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh

- Kế toán được coi như là một công cụ hữu hiệu, phục vụ công tác quản lý nói chung và công tác quản lý hàng hoá, bán hàng và xác định kết quả bán hàng nói riêng.
- Thông tin do kế toán cung cấp là cơ sở để các nhà quản lý nắm được tình hình quản lý hàng hoá trên hai mặt: hiện vật và giá trị. Tình hình thực hiện kế hoạch bán hàng, chính sách giá cả hợp lý và đánh giá đúng đắn năng lực kinh doanh của doanh nghiệp thông qua kết quả kinh doanh đạt được.
- Thông tin do kế toán cung cấp là căn cứ để đánh giá tính hiệu quả, phù hợp của các quyết định bán hàng đã được thực thi, từ đó phân tích và đưa ra các biện pháp quản lý, chiến lược kinh doanh, bán hàng phù hợp với thị trường tương ứng với khi năng của doanh nghiệp.

1.2. Các phương thức bán hàng và phương thức thanh toán.

1.2.1. Các phương thức bán hàng.

- Hiện nay, có rất nhiều phương thức bán hàng khác nhau. Ở mỗi doanh nghiệp, tùy vào sản phẩm và mô hình kinh doanh để chọn phương thức bán hàng riêng phù hợp. Dưới đây là một số phương thức bán hàng phổ biến:

+ Bán hàng hóa qua kho: là hàng mua về nhập kho, sau đó xuất từ kho của doanh

nghiệp thương đến cho người mua

+ Bán hàng hóa vận chuyển thẳng: doanh nghiệp thương mại mua hàng nhưng không đem về nhập kho mà chuyển thẳng cho bên mua.

Theo khâu luân chuyển hàng hóa có bán buôn và bán lẻ:

- Phương thức bán buôn: là hình thức bán hàng với khối lượng lớn hoặc theo lô hàng, thường hướng đến các trung gian thương mại như đại lý, nhà phân phối,...

- Phương thức bán lẻ hàng hóa: là hình thức bán hàng trực tiếp cho người tiêu dùng cuối cùng và thường mua với số lượng ít, giá bán ổn định.

- Để tạo điều kiện thuận lợi cho người mua tiếp cận với hàng hóa và mua hàng hóa thuận lợi có phương thức bán hàng theo hợp đồng, đơn đặt hàng và thuận mua vừa bán.

- + Phương thức bán hàng theo hợp đồng và đơn đặt hàng: tùy thuộc vào vai trò quan trọng của hàng hóa mà người bán yêu cầu người mua phải ký kết hợp đồng và gửi đơn đặt hàng cho người bán. Thông thường hàng hóa quan trọng, bán với khối lượng lớn, để tạo điều kiện cho người bán chuẩn bị hàng hóa theo yêu cầu của người mua, trong quá trình thực hiện hợp đồng, hai bên cùng thể hiện trách nhiệm và tôn trọng lợi ích của nhau.
- + Đối với một số hàng hóa không quan trọng có thể thuận mua vừa bán mà không cần ký kết hợp đồng, không gửi đơn đặt hàng dựa trên sự tin tưởng và mối quan hệ lâu dài mà mua bán.
- Dựa trên mối quan hệ thanh toán mà người mua có thể lựa chọn mua và thanh toán ngay hoặc sử dụng hình thức thanh toán trả chậm, trả góp...
 - + Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp: là hình thức bán hàng mà khách hàng chỉ thanh toán một phần tiền mua hàng để nhận hàng và khoản còn lại trả dần trong một thời gian nhất định và chịu lãi theo quy định hợp đồng thỏa thuận. Khoản doanh thu bán hàng được ghi nhận theo giá bán trả tiền ngay và khoản lãi sẽ hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính.
 - + Phương thức bán hàng qua đại lý: là phương thức doanh nghiệp ký gửi hàng cho bên đại lý và bên đại lý sẽ là người bán trực tiếp. Doanh thu của doanh nghiệp sẽ được ghi nhận khi bên đại lý thanh toán số hàng hóa gửi đi đại lý sau khi bán được. Doanh nghiệp phải trả một khoản chi phí bán hàng cho bên đại lý là hoa hồng theo tỷ lệ phần trăm hoặc bán chênh lệch giá.

1.2.2. Các phương thức thanh toán.

- Sau khi giao hàng cho bên mua và chấp nhận thanh toán thì bên bán có thể nhận tiền hàng theo nhiều phương thức khác nhau tùy thuộc vào sự tín nhiệm và thỏa thuận giữa hai bên mà lựa chọn phương thức thanh toán phù hợp.
- Các doanh nghiệp thương mại thường áp dụng phương pháp thanh toán ngay và phương pháp thanh toán chậm trả:
 - + Phương pháp thanh toán ngay: là phương thức mà người mua sau khi nhận hàng sẽ trả tiền ngay bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản qua ngân hàng.
 - + Phương pháp thanh toán chậm trả: là phương thức thanh toán mà bên mua nhận hàng trước và thanh toán tiền hàng sau một khoảng thời gian nhất định theo thỏa thuận giữa hai bên. Thời hạn thanh toán thường được quy định cụ thể trong hợp đồng kinh tế hoặc hóa đơn bán hàng

1.3. Kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

1.3.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu.

1.3.1.1. Nội dung

* Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

- Theo thông tư 133/2016/TT-BTC - Điều 57. Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là khoản doanh thu mà doanh nghiệp thu được từ hoạt động kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất hoặc do doanh nghiệp mua vào sau đó bán ra.
- Trong đó:
 - + Doanh thu bán hàng hóa: là doanh thu bán sản phẩm mà doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hóa mua vào và bán bất động sản đầu tư.
 - + Doanh thu cung cấp dịch vụ: Thực hiện công việc đã thỏa thuận theo hợp đồng trong một kỳ, hoặc nhiều kỳ kế toán, như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động, doanh thu hợp đồng xây dựng....

* Các khoản giảm trừ doanh thu:

- Khoản giảm trừ doanh thu là chi phí phát sinh được điều chỉnh làm giảm doanh thu bán hàng của một công ty trong kỳ kế toán. Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán.
- Chiết khấu thương mại: Là một khoản mà bên người bán giảm trừ hoặc thanh toán cho người mua do đã mua hàng với số lượng lớn và theo thương lượng bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại (đã được ghi trên hợp đồng mua bán hoặc các cam kết mua, bán hàng).
- Hàng bán bị trả lại: Là số sản phẩm, hàng hóa doanh nghiệp đã xác định tiêu thụ nhưng bị khách hàng trả lại do vi phạm các điều kiện đã cam kết trong hợp đồng kinh tế như: hàng kém phẩm chất, sai quy cách, chủng loại. Hàng bán bị trả lại phải có văn bản đề nghị của người mua ghi rõ lý do trả lại hàng, số lượng hàng bị trả lại, đính kèm hóa đơn (nếu trả lại toàn bộ) hoặc bản sao hóa đơn (nếu trả lại một phần. Và đính kèm theo chứng từ nhập lại kho của doanh nghiệp số hàng nói trên).
- Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ được doanh nghiệp (bên bán) chấp thuận một cách đặc biệt trên giá đã thỏa thuận trong hóa đơn, vì lý do hàng bán

bị kém phẩm chất, không đúng quy cách, hoặc không đúng thời hạn ghi trong hợp đồng.

1.3.1.2. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn bán hàng
- Phiếu xuất kho
- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Phiếu thu, giấy báo có

1.3.1.3. Tài khoản sử dụng

Theo điều 57 Thông tư 133/2016/TT-BTC tài khoản 511-"Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ". Kết cấu và nội dung phản ánh TK 511 như sau:

NỢ	Tài khoản 511	CÓ
+ Các khoản thuế gián thu phải nộp (GTGT, TTĐB, XK, BVMT); + Các khoản giảm trừ doanh thu; + Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".		Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ

- Tài khoản 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, có 4 tài khoản cấp 2:

+ Tài khoản 5111 - Doanh thu bán hàng hóa: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng hàng hóa được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp. Tài khoản này chủ yếu dùng cho các ngành kinh doanh hàng hóa, vật tư, lương thực,...

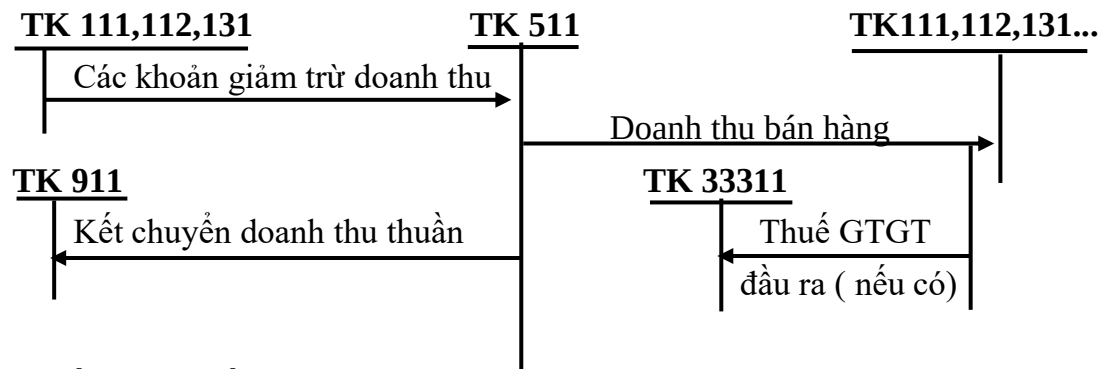
+ Tài khoản 5112 - Doanh thu bán thành phẩm: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng sản phẩm (thành phẩm, bán thành phẩm) được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp. Tài khoản này chủ yếu dùng cho các ngành sản xuất vật chất như: Công nghiệp, nông nghiệp, xây lắp, ngư nghiệp, lâm nghiệp,...

+ Tài khoản 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng dịch vụ đã hoàn thành, đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán. Tài khoản này chủ yếu dùng cho các ngành kinh doanh dịch vụ như: Giao thông vận tải, bưu điện, du lịch, dịch vụ công cộng, dịch vụ khoa học, kỹ thuật, dịch vụ kế toán, kiểm toán,...

+ Tài khoản 5118 - Doanh thu khác: Tài khoản này dùng để phản ánh về doanh thu nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư, các khoản trợ cấp, trợ giá của Nhà nước...

1.3.1.4. Phương pháp hạch toán

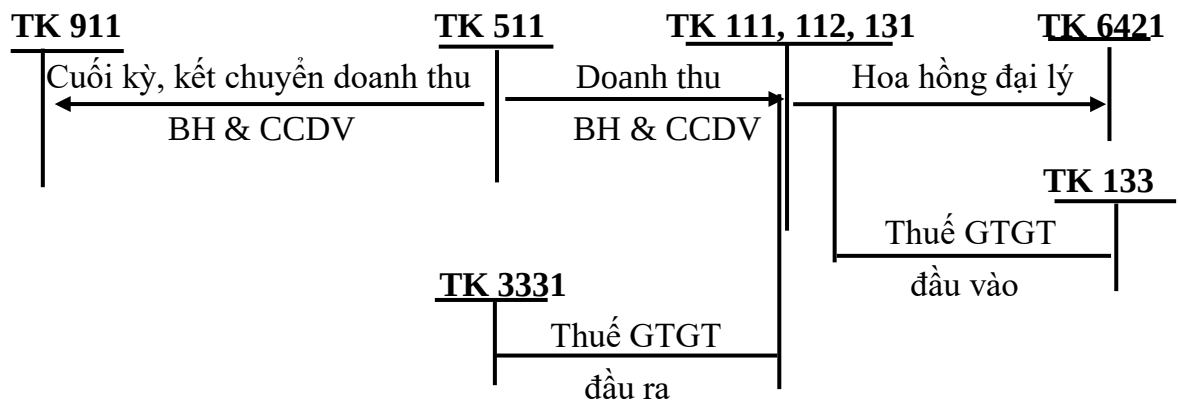
- Trường hợp bán hàng tại kho và vận chuyển hàng



Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán doanh thu trường hợp bán hàng tại kho và vận chuyển

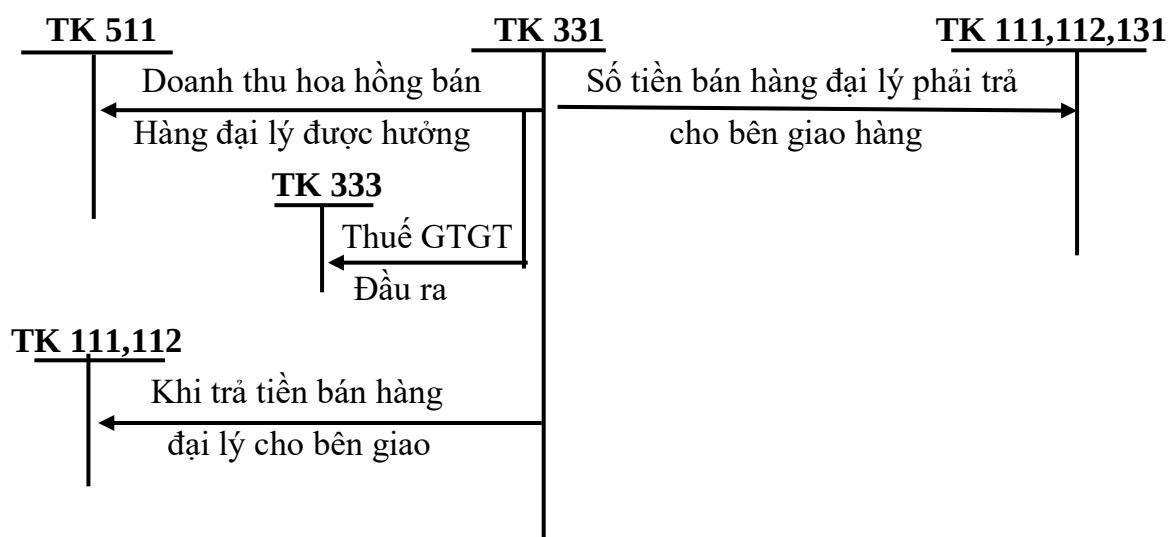
- Trường hợp bán hàng thông qua đại lý

+ Ở đơn vị giao hàng đại lý



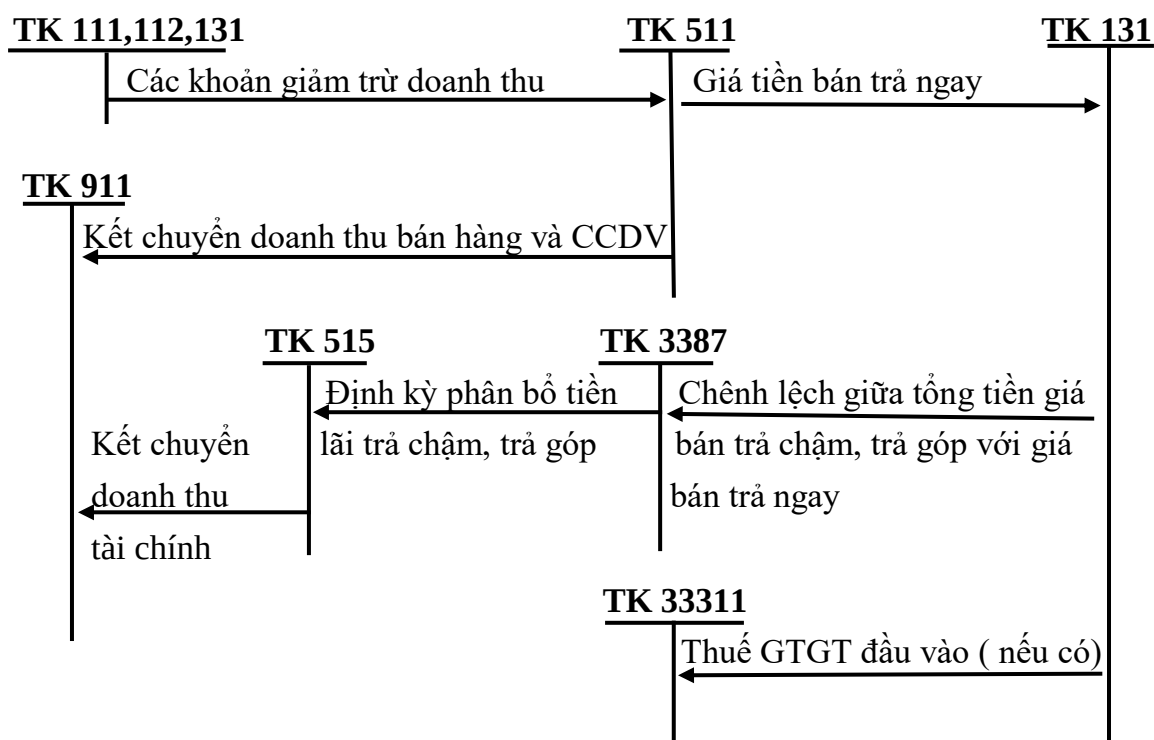
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán doanh thu trường hợp thông qua đại lý

+ Ở đơn vị nhận đại lý



Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán doanh thu trường hợp thông qua đại lý

- Kế toán bán hàng trả góp, trả chậm



Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán doanh thu trường hợp bán hàng trả chậm, trả góp

1.3.2. Kế toán giá vốn hàng bán

1.3.2.1. Nội dung

- Giá vốn hàng bán là giá trị phản ánh lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động

sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp đã bán được của doanh nghiệp trong một khoảng thời gian. Nó phản ánh mức tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ... cũng như tham gia xác định lợi nhuận của doanh nghiệp trong một chu kỳ kinh doanh.

- Giá vốn hàng bán bao gồm chi phí của tất cả các mặt hàng có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến việc sản xuất hoặc mua hàng hóa, dịch vụ đã được bán.

- Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản thì giá vốn hàng bán bao gồm: Chi phí

khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê bất động sản đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động (trường hợp phát sinh không lớn); chi phí nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư...

- Giá vốn hàng bán phải được ghi nhận cùng một thời kỳ với doanh thu liên quan. Do đó. Doanh thu và chi phí liên quan luôn được ghi nhận phù hợp với nhau (theo nguyên tắc phù hợp).

* Phương pháp tính giá vốn

a) Phương pháp thực tế đích danh

- Theo phương pháp này, vật tư, hàng hóa thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính.

+ Ưu điểm: Nó tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán, chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị của hàng xuất kho đem đi bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra. Hơn nữa, giá trị hàng tồn kho được phản ánh đúng theo giá trị thực tế của nó.

+ Nhược điểm: Chỉ áp dụng cho những doanh nghiệp có ít loại mặt hàng, hàng tồn kho có giá trị lớn, mặt hàng ổn định và loại hàng tồn kho phải nhận diện được. Còn với những doanh nghiệp có nhiều loại hàng thì không thể áp dụng phương pháp này.

b) Phương pháp bình quân gia quyền

- Theo phương pháp này thì giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ hoặc vào mỗi khi nhập một lô hàng, phụ thuộc vào tình hình của doanh nghiệp.

• Đơn giá bình quân gia quyền cuối kỳ:

Theo phương pháp này, đến cuối kỳ mới tính giá trị giá vốn của hàng xuất kho trong kỳ. Tùy theo kỳ dự trữ của doanh nghiệp áp dụng mà kế toán hàng tồn kho căn cứ giá nhập, lượng hàng tồn kho đầu kỳ và nhập trong kỳ để tính giá đơn vị bình quân:

Đơn giá xuất kho bình quân cả kỳ dự Trữ	=	$\frac{\text{Giá trị hàng tồn đầu kỳ} + \text{Giá trị hàng nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng nhập trong kỳ}}$
---	---	---

+ Ưu điểm: Đơn giản, chỉ cần tính toán một lần vào cuối kỳ.

+ Nhược điểm: Độ chính xác không cao, công việc tính toán dồn vào cuối tháng gây ảnh hưởng đến tiến độ các phần hành khác. Ngoài ra, phương pháp này chưa đáp ứng yêu cầu kịp thời của thông tin kế toán ngay tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

• Đơn giá bình quân thời điểm sau mỗi lần nhập (bình quân thời điểm):

- Sau mỗi lần nhập sản phẩm, vật tư, hàng hóa, kế toán phải xác định lại giá trị thực của hàng tồn kho và giá đơn vị bình quân. Giá đơn vị bình quân được tính theo công thức sau:

Đơn giá bình quân sau mỗi lần nhập i	=	$\frac{\text{Trị giá hàng tồn kho sau lần nhập thứ i}}{\text{Số lượng hàng tồn kho sau lần nhập thứ i}}$
---	---	--

+ Ưu điểm: Khắc phục được những hạn chế của phương pháp theo đơn giá bình quân gia quyền cuối kỳ.

+ Nhược điểm: Việc tính toán phức tạp, nhiều lần, tốn nhiều công sức. Phương pháp này chỉ áp dụng ở các doanh nghiệp có ít chủng loại hàng tồn kho, có lưu lượng xuất nhập ít.

c) Phương pháp nhập trước xuất trước

- Phương pháp này áp dụng dựa trên giả định là hàng được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước và giá trị xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập trước hoặc xuất trước và thực hiện tuần tự cho đến khi chúng được xuất hết.

+ Ưu điểm: Phương pháp này cho phép chúng ta có thể tính ngay được trị giá vốn hàng xuất kho từng lần xuất hàng, do vậy đảm bảo cung cấp số liệu kịp thời cho các ghi chép các khâu tiếp theo cũng như cho quản lý. Trị giá của hàng tồn kho tương đối sát với giá trị trường của mặt hàng đó. Vì vậy chỉ tiêu hàng tồn kho trên báo cáo kế toán có ý nghĩa thực tế hơn.

+ Nhược điểm: Làm cho doanh thu hiện tại không phù hợp với những khoản chi phí hiện tại vì theo phương pháp này, doanh thu hiện tại được tạo ra bởi giá trị sản phẩm, vật tư, hàng hóa đã có được từ đó rất lâu. Đồng thời nếu số lượng chủng loại mặt hàng nhiều, phát sinh nhập xuất liên tục dẫn đến những chi phí cho việc hạch toán cũng như khối lượng công việc tăng lên rất nhiều.

1.3.2.2. Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT
- Hóa đơn bán hàng
- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ khác có liên quan

1.3.2.3. Tài khoản sử dụng

Theo thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ tài chính, để phản ánh giá vốn hàng bán, kế toán sử dụng TK 632

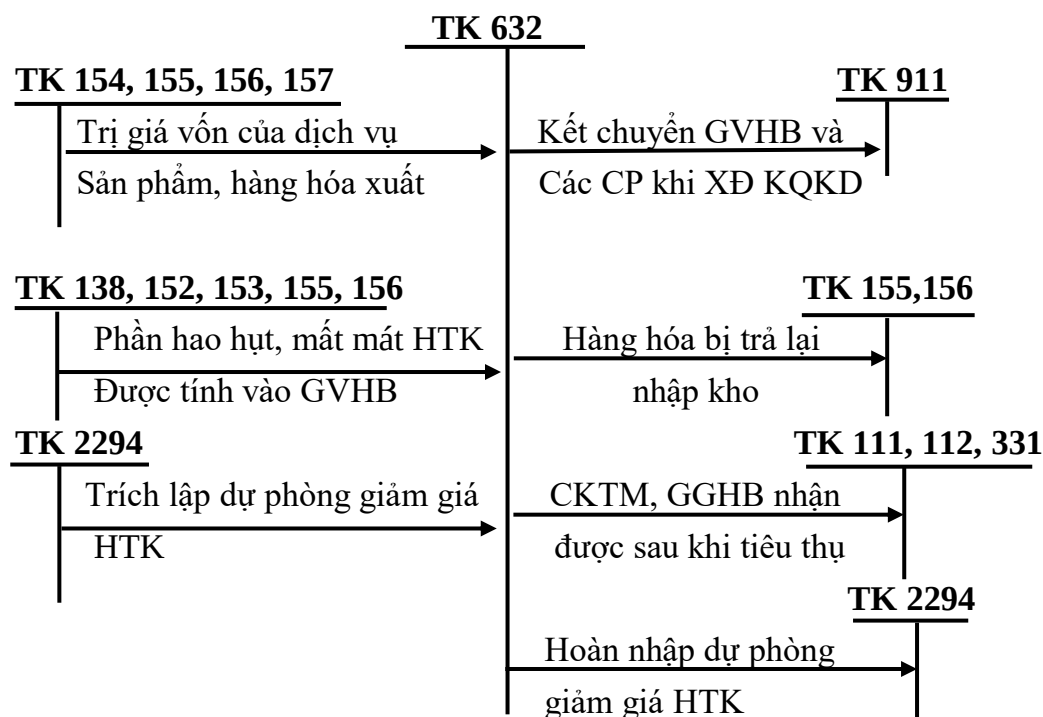
Kết cấu TK 632 “Giá vốn hàng bán”

NỢ	TK 632	CÓ
+ Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ. + Chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi doanh”; - phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung hàng - cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ; đặc + Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra; + Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho		+ Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh + Trị giá hàng bán bị trả lại; + Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ; + Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ - biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại.

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ

1.3.2.4. Phương pháp hạch toán

Theo phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán Giá vốn hàng hóa

1.3.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

1.3.3.1. Nội dung

- Theo thông tư 133/2016/TT-BTC – Điều 58. Doanh thu hoạt động tài chính. Doanh thu từ hoạt động tài chính là khoản thu nhập mà doanh nghiệp nhận được từ các hoạt động tài chính, bao gồm:
 - + Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ;...
 - + Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư;
 - + Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn; Lãi chuyển nhượng vốn khi thanh lý các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác;
 - + Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác;
 - + Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ và đánh giá lại khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ; lãi do bán ngoại tệ;
 - + Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

1.3.3.2. Chứng từ sử dụng:

- Sổ phụ ngân hàng
- Giấy báo có
- Phiếu thu
- Hóa đơn GTGT

1.3.3.3. Tài khoản sử dụng

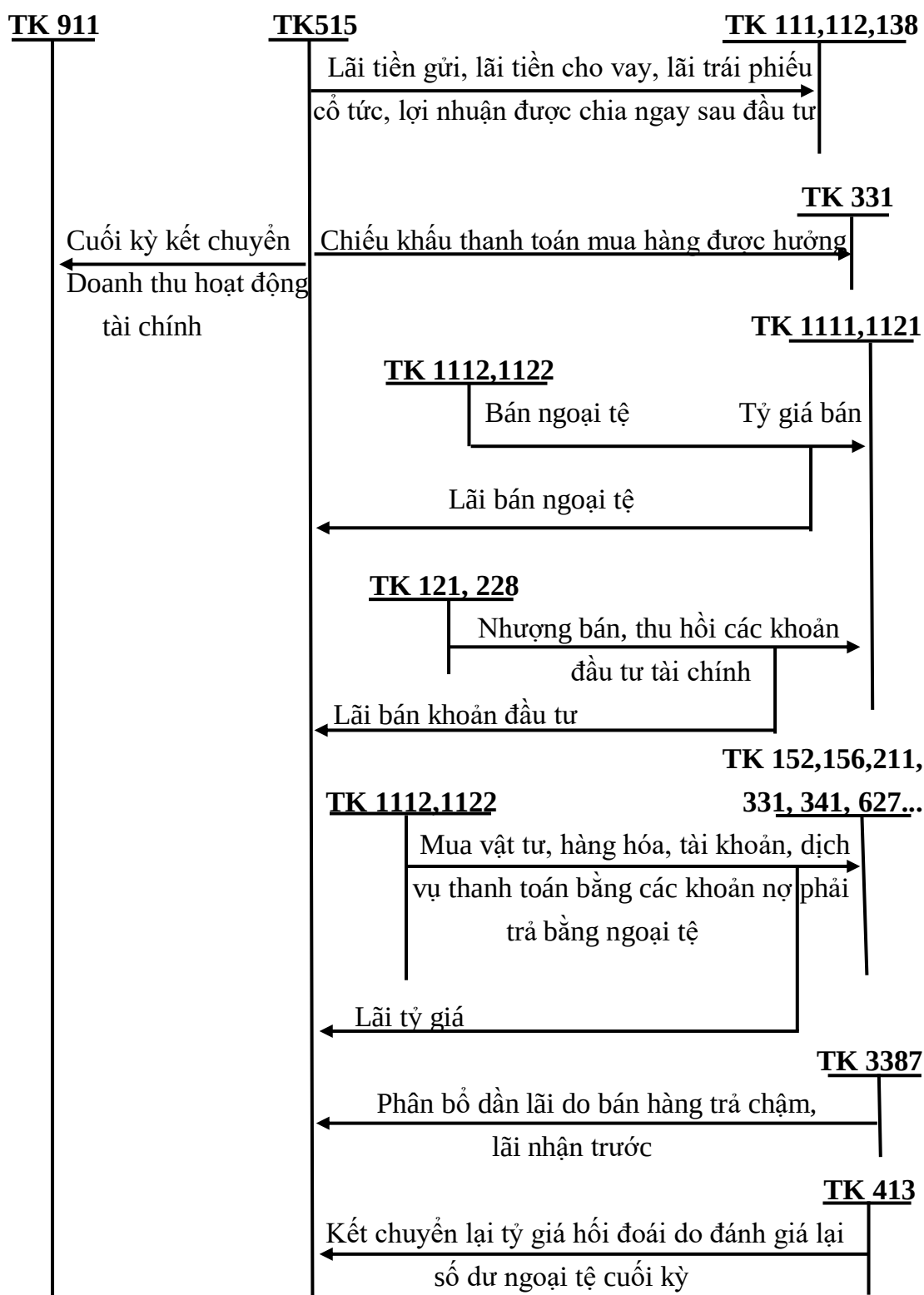
- Tài khoản 515: Doanh thu hoạt động tài chính

TK 515 không có số dư cuối kỳ

* Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Nợ	Tài khoản 515	Có
- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có); - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.		- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ
 Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ		

1.3.3.4. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính

1.3.4. Kế toán chi phí tài chính

1.3.4.1. Nội dung

Theo thông tư 133/2016/TT-BTC – Điều 63. Chi phí tài chính.

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến các hoạt động về vốn, các hoạt động đầu tư tài chính và các nghiệp vụ mang tính chất tài chính của doanh nghiệp.

Chi phí tài chính, bao gồm:

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính;
- Chiết khấu thanh toán cho người mua;
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ; Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối kỳ các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ; Lỗ bán ngoại tệ;
- Số trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác;
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác;
- Các khoản chi phí tài chính khác.

1.3.4.2. Chứng từ sử dụng

- Giấy báo nợ
- Bảng sao kê giao dịch ngân hàng
- Giấy thông báo trả tiền lãi
- Phiếu chi, các chứng từ có liên quan khác...

1.3.4.3. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 635: Chi phí tài chính

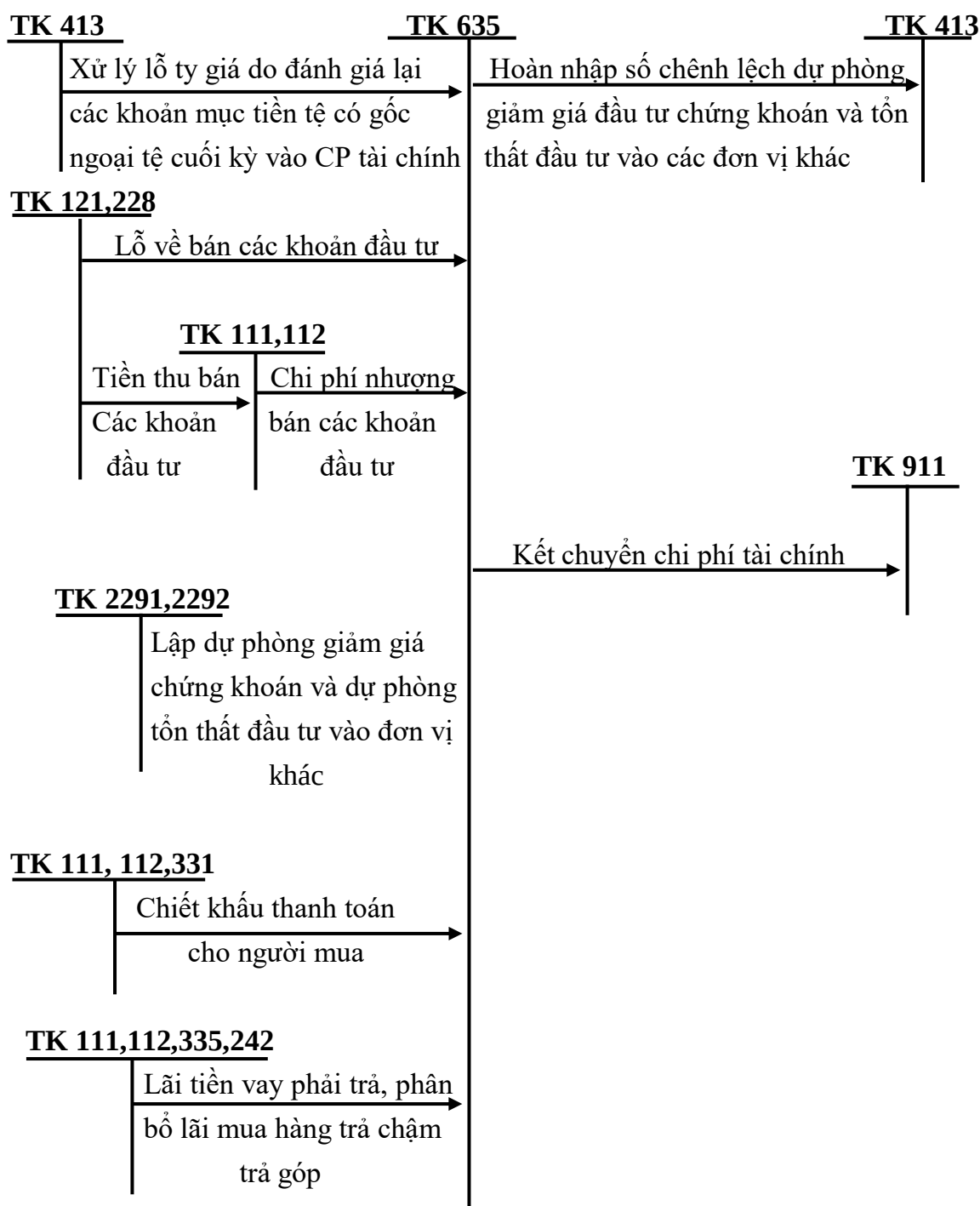
Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

* Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 635 – Chi phí tài chính.

Nợ	Tài khoản 635	Có
- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính; - Lỗ bán ngoại tệ; - Chiết khấu thanh toán cho người mua; - Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; - Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ; - Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ; - Số trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; - Các khoản chi phí hoạt động đầu tư khác.		- Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; - Các khoản được ghi giảm chi phí tài chính - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ

1.3.4.4. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán chi phí tài chính

1.3.5. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

1.3.5.1. Nội dung

Theo quy định tại điều 64 của thông tư 133/2016/TT-BTC:

*Chi phí kinh doanh gồm các khoản sau:

- Đối với chi phí bán hàng

- + Chi phí nhân viên: Phản ánh các khoản phải trả cho nhân viên bán hàng, nhân viên đóng gói, vận chuyển, bảo quản sản phẩm, hàng hóa,... bao gồm tiền lương, tiền ăn giữa ca, tiền công và các khoản trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp,...
- + Chi phí vật liệu, bao bì: Phản ánh các chi phí vật liệu, bao bì xuất dùng cho việc bảo quản, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, như chi phí vật liệu đóng gói sản phẩm, hàng hóa, chi phí vật liệu, nhiên liệu dùng cho bảo quản, bốc vác, vận chuyển sản phẩm, hàng hóa trong quá trình tiêu thụ, vật liệu dùng cho sửa chữa, bảo quản tài sản cố định(TSCĐ),... dùng cho bộ phận bán hàng.
- + Chi phí dụng cụ, đồ dùng: Phản ánh chi phí về công cụ, dụng cụ phục vụ cho quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa như dụng cụ đo lường, phương tiện tính toán, phương tiện làm việc,...
- + Chi phí khấu hao TSCĐ: Phản ánh chi phí khấu hao TSCĐ ở bộ phận bảo quản, bán hàng, như nhà kho, cửa hàng, bến bãi, phương tiện bốc dỡ, vận chuyển, phương tiện tính toán, đo lường, kiểm nghiệm chất lượng,...
- + Chi phí bảo hành: Dùng để phản ánh khoản chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa. Riêng chi phí sửa chữa và bảo hành công trình xây lắp phản ánh ở tài khoản 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang” mà không phản ánh ở tài khoản này.
- + Chi phí dịch vụ mua ngoài: Phản ánh các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho bán hàng như chi phí thuê ngoài sửa chữa TSCĐ phục vụ trực tiếp cho khâu bán hàng, tiền thuê kho, thuê bãi, tiền thuê bốc vác, vận chuyển sản phẩm, hàng hóa đi bán, tiền trả hoa hồng cho đại lý bán hàng, cho đơn vị nhận ủy thác xuất khẩu,...
- + Chi phí bằng tiền khác: Phản ánh các chi phí bằng tiền khác phát sinh trong khâu bán hàng ngoài các chi phí nêu trên như chi phí tiếp khách ở bộ phận bán hàng, chi phí giới thiệu sản phẩm, hàng hóa, khuyến mại, quảng cáo, chào hàng, chi phí hội nghị khách hàng...
- Đối với chi phí quản lý doanh nghiệp:
 - + Chi phí nhân viên quản lý: Phản ánh các khoản phải trả cho cán bộ nhân viên quản lý doanh nghiệp, như tiền lương, các khoản phụ cấp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của Ban Giám đốc, nhân viên quản lý ở các phòng, ban của doanh nghiệp.

- + Chi phí vật liệu quản lý: Phản ánh chi phí vật liệu xuất dùng cho công tác quản lý doanh nghiệp như văn phòng phẩm... vật liệu sử dụng cho việc sửa chữa TSCĐ, công cụ, dụng cụ,... (giá có thuế hoặc chưa có thuế GTGT).
- + Chi phí đồ dùng văn phòng: Phản ánh chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng dùng cho công tác quản lý (giá có thuế hoặc chưa có thuế giá trị gia tăng).
- + Chi phí khấu hao TSCĐ: Phản ánh chi phí khấu hao TSCĐ dùng chung cho doanh nghiệp như: Nhà cửa làm việc của các phòng ban, kho tàng, vật kiến trúc, phương tiện vận tải truyền dẫn, máy móc thiết bị quản lý dùng trên văn phòng,...
- + Thuế, phí và lệ phí: Phản ánh chi phí về thuế, phí và lệ phí như: thuế môn bài, tiền thuê đất,... và các khoản phí, lệ phí khác.
- + Chi phí dự phòng: Phản ánh các khoản dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.
- + Chi phí dịch vụ mua ngoài: Phản ánh các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho công tác quản lý doanh nghiệp; các khoản chi mua và sử dụng các tài liệu kỹ thuật, bằng sáng chế,... (không đủ tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ) được tính theo phương pháp phân bổ dần vào chi phí quản lý doanh nghiệp; tiền thuê TSCĐ, chi phí trả cho nhà thầu phụ.
- + Chi phí bằng tiền khác: Phản ánh các chi phí khác thuộc quản lý chung của doanh nghiệp, ngoài các chi phí nêu trên, như: Chi phí hội nghị, tiếp khách, công tác phí, tàu xe, khoản chi cho lao động nữ,...

1.3.5.2. Chứng từ sử dụng.

- + Hóa đơn GTGT
- + Phiếu chi, giấy báo nợ
- + Bảng tính lương
- + Bảng thanh toán tiền lương
- + Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- + Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ.
- + Bảng phân bổ tiền lương.
- + Biên lai nộp thuế, phí, lệ phí

1.3.5.3. Tài khoản sử dụng.

Tài khoản kế toán sử dụng ghi nhận chi phí quản lý kinh doanh là:

Tài khoản 642 – Chi phí quản lý kinh doanh.

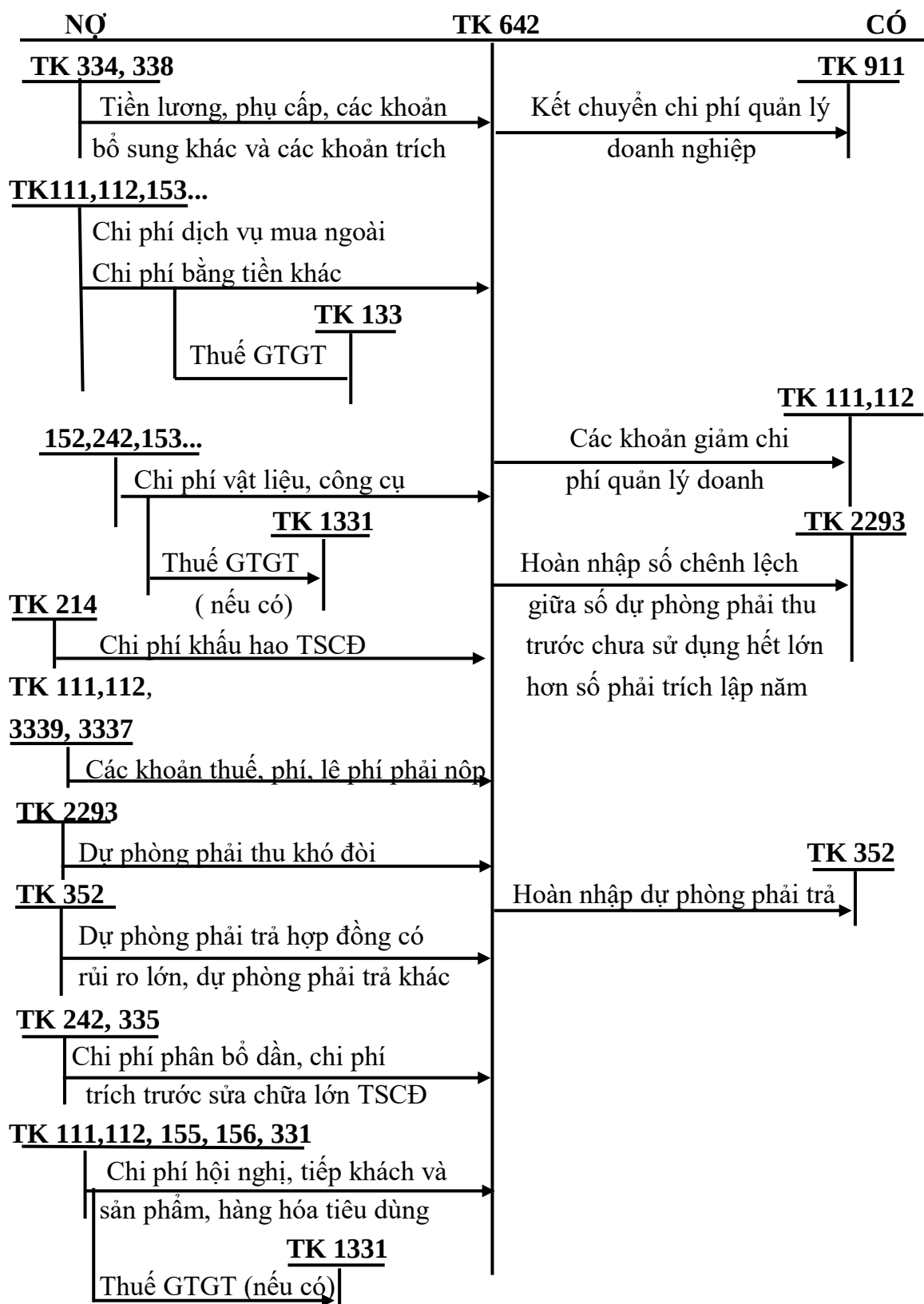
*Kết cấu tài khoản 642 – Chi phí quản lý kinh doanh:

NỢ	TK 642	CÓ
- Các chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ; - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);	- Các khoản được ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh; - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả. (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết); - Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".	

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.

- Tài khoản 642 có 2 tài khoản cấp 2:
 - + Tài khoản 6421 - Chi phí bán hàng: Phản ánh chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ trong kỳ của doanh nghiệp và tình hình kết chuyển chi phí bán hàng sang TK 911- Xác định kết quả kinh doanh.
 - + Tài khoản 6422 - Chi phí quản lý doanh nghiệp: Phản ánh chi phí quản lý chung của doanh nghiệp phát sinh trong kỳ và tình hình kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp sang TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh.

1.3.5.4. Phương pháp hoạch toán



Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh

1.3.6. Kế toán thu nhập khác

1.3.6.1. Nội dung

- Căn cứ tại khoản 1 Điều 65 Thông tư 133/2016/TT-BTC quy định nguyên tắc kế

toán đối với tài khoản 711 (thu nhập khác) như sau: Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, gồm:

- + Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định.
- + Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ hợp đồng hợp tác kinh doanh
cao hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát.
- + Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư khác.
- + Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được hoàn.
- + Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng.
- + Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất
- + Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ.
- + Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ.
- + Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có).
- + Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp.
- + Giá trị số hàng khuyến mại không phải trả lại nhà sản xuất.
- + Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

1.3.6.2. Chứng từ sử dụng

- + Hóa đơn GTGT
- + Phiếu thu
- + Giấy báo có
- + Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- + Các giấy tờ khác liên quan

1.3.6.3. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 711

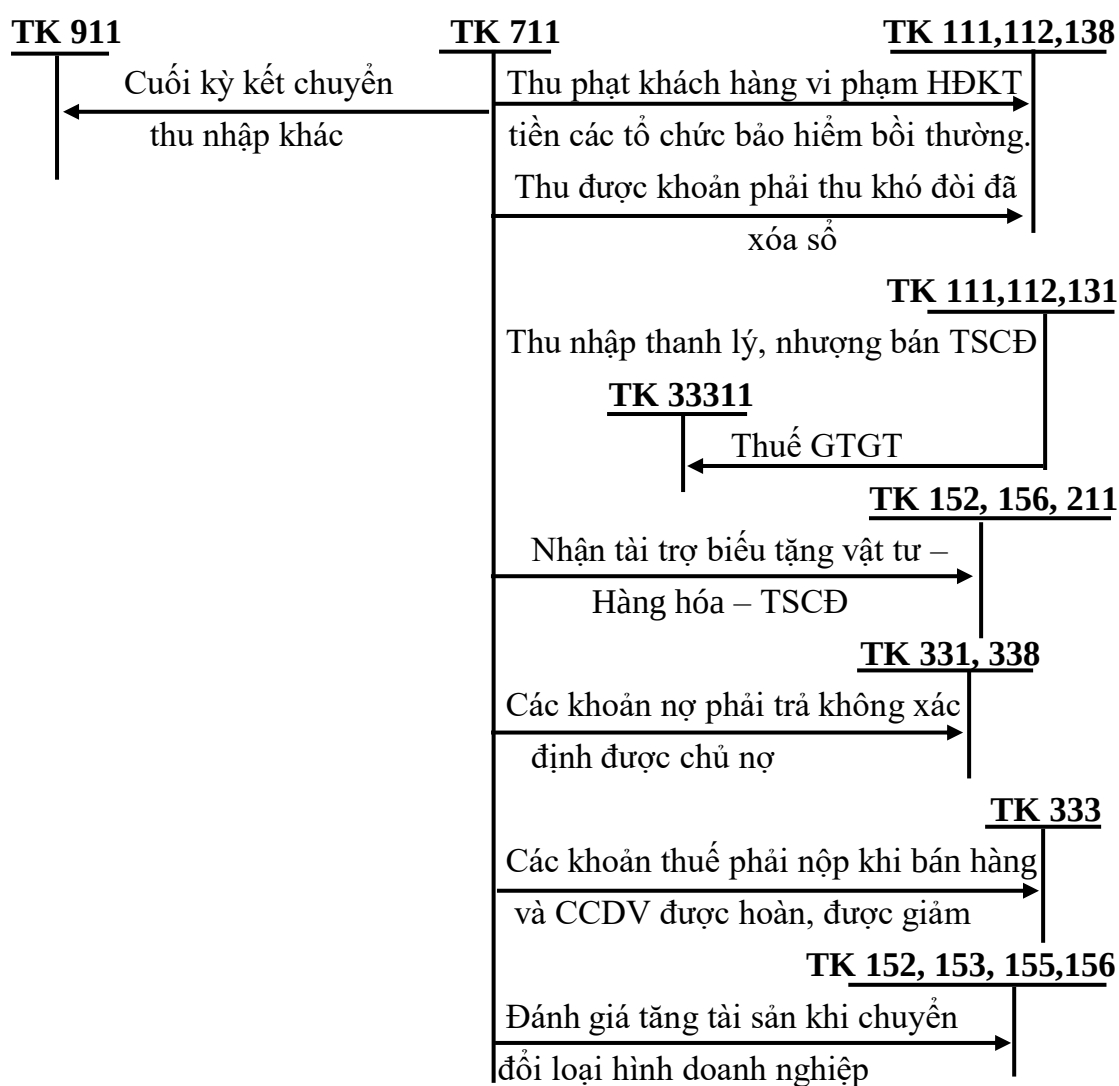
Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ

* Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 711 – Thu nhập khác

Nợ	Tài khoản 711	Có
- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp. - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.		- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ

1.3.6.4. Phương pháp kế toán



Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác

1.3.7. Kế toán chi phí khác

1.3.7.1. Nội dung

- Tài khoản 1 Điều 66 Thông tư 133/2016/TT-BTC quy định về nguyên tắc kế toán đối với tài khoản 811 (chi phí khác) như sau:

- Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các

nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gồm:

+ Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ (gồm cả chi phí đấu thầu hoạt động thanh lý). Số tiền thu từ bán hồ sơ thầu hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ được ghi giảm chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ;

+ Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ BCC nhỏ hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát;

+ Giá trị còn lại của TSCĐ bị phá dỡ;

+ Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có);

+ Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác;

+ Tiền phạt phải trả do vi phạm hợp đồng kinh tế, phạt vi phạm hành chính;

+ Các khoản chi phí khác.

- Các khoản chi phí không được coi là chi phí được trừ theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2008 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Đầu tư 2020, Luật sửa đổi các Luật về thuế 2014 và Luật thuế thu nhập doanh nghiệp sửa đổi năm 2013) nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp để làm tăng số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

1.3.7.2. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT

- Giấy chi

- Giấy báo nợ

- Biên bản thanh lý TSCĐ

- Biên bản vi phạm hợp đồng

- Giấy báo nộp chậm lệ phí môn bài...

1.3.7.3. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 811: Chi phí khác

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ

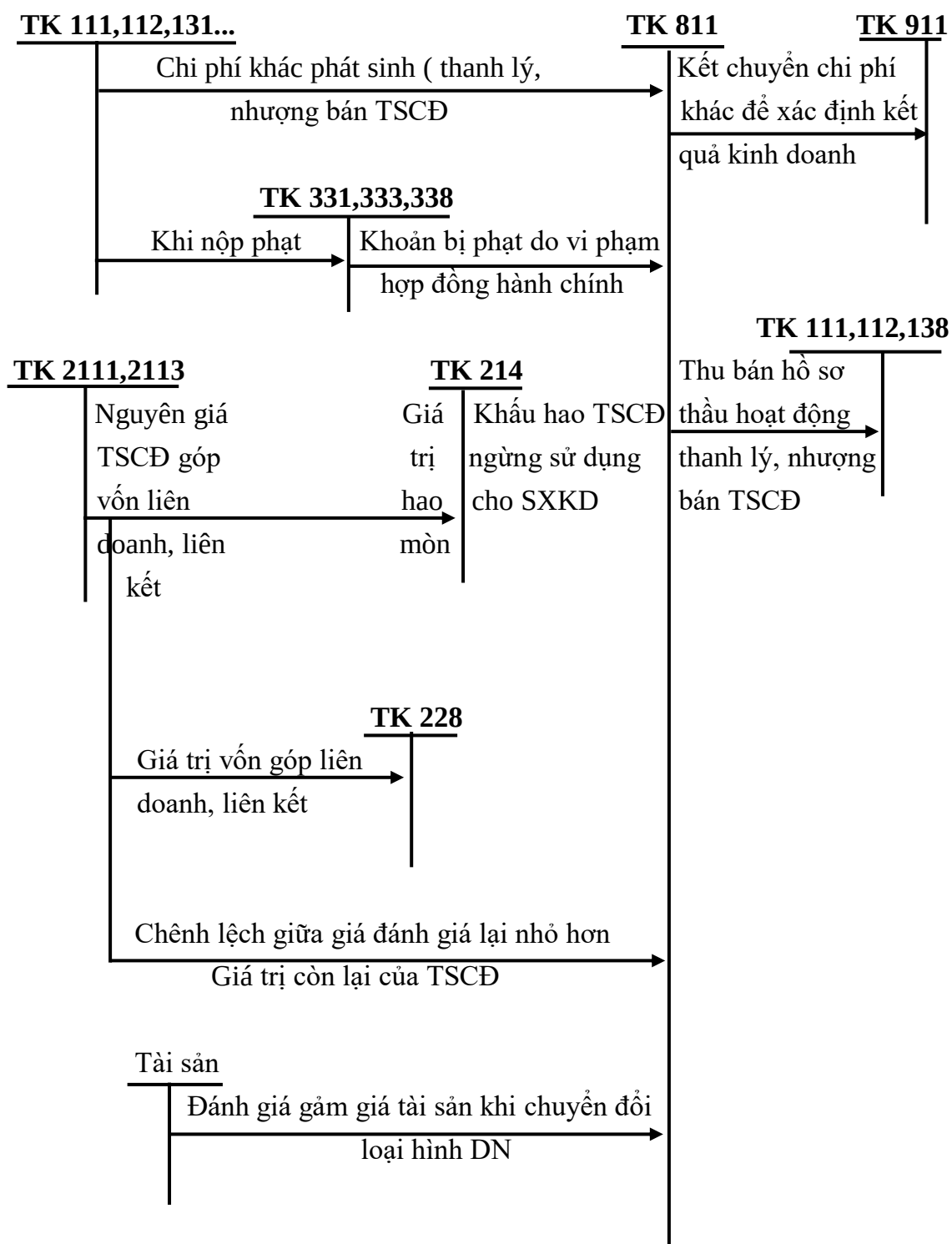
* Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 811 – Chi phí khác

Nợ	Tài khoản 811	Có
- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ - Tiền phạt phải trả do vi phạm hợp đồng kinh tế, phạt hành chính. - Giá trị còn lại của tài sản cố định bị phá dỡ. - Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán tài sản cố định. - Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, TSCĐ đưa đi góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác..... - Các khoản chi phí khác.		- Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”



Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ

1.3.7.4. Phương pháp kế toán



Sơ đồ 1.10: Sơ đồ hạch toán chi phí khác

1.3.8. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

1.3.8.1. Nội dung

- Theo quy định tại khoản 1 Điều 67 Thông tư 133/2016/TT-BTC, nguyên tắc kế toán đối với tài khoản 821 như sau:

- Tài khoản 821 dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận vào tài khoản này là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.
- Hàng quý, kế toán căn cứ vào chứng từ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp để ghi nhận số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp. Cuối năm tài chính, căn cứ vào tờ khai quyết toán thuế, nếu số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp trong năm nhỏ hơn số phải nộp cho năm đó, kế toán ghi nhận số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp thêm vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp. Trường hợp số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp trong năm lớn hơn số phải nộp của năm đó, kế toán phải ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là số chênh lệch giữa số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp trong năm lớn hơn số phải nộp.
- Trường hợp phát hiện sai sót không trọng yếu liên quan đến khoản thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước, doanh nghiệp được hạch toán tăng (hoặc giảm) số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm phát hiện sai sót
- Đối với các sai sót trọng yếu, kế toán điều chỉnh hồi tố.
- Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán phải kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh vào tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh” để xác định lợi nhuận sau thuế trong kỳ kế toán.

* Theo Thông tư 133/2016/TT-BTC về chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ,

chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) được tính dựa trên công thức sau:

$$\text{Thuế TNDN} = \left(\text{Thu nhập tính thuế} - \text{Phần trích lập quỹ KH \& CN (nếu có)} \right) \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

Trong đó:

- Thu nhập tính thuế được xác định như sau:

$$\text{Thu nhập tính thuế} = \text{Thu nhập chịu thuế} - \left(\text{Thu nhập được miễn thuế} + \text{Các khoản lỗ được kết chuyển} \right)$$

- Thu nhập chịu thuế được xác định như sau:

$$\text{Thu nhập chịu thuế} = \text{Doanh thu} - \text{Chi phí được trừ} + \text{Các khoản thu nhập khác}$$

1.3.8.2. Chứng từ sử dụng

- Phiếu chi.
- Tờ khai quyết toán thuế TNDN.
- Báo cáo kết quả HĐKD theo mẫu 03 – 01A/TNDN

1.3.8.3. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 821: Chi phí thuế TNDN

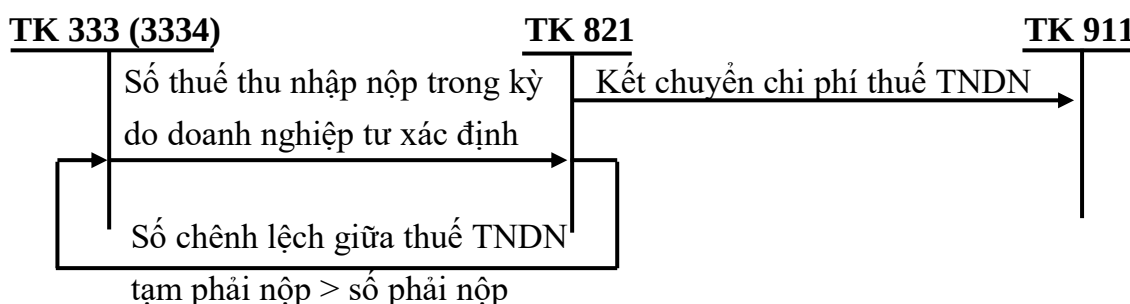
Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ

* Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 821 – Chi phí thuế TNDN.

Nợ	Tài khoản 821	Có
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm; - Thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện tại	- Số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp được - Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm vào tài khoản 911-“xác định kết quả kinh doanh” - Kết chuyển số chênh lệch giữa chi thuế chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm vào tài khoản 911-“xác định kết quả kinh doanh”	

Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ

1.3.8.4. Phương pháp kế toán



Sơ đồ 1.11: Sơ đồ hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

1.3.9. Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh

1.3.9.1. Nội dung

- Căn cứ khoản 1 Điều 68 Thông tư 133/2016/TT-BTC quy định nguyên tắc kế toán Tài khoản 911 Xác định kết quả kinh doanh theo Thông tư 133 cho doanh nghiệp nhỏ và vừa như sau:
 - Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.
 - Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh xác định như sau:
 - + Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ = Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ – Giá vốn hàng bán
 - + Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh = Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ + Doanh thu hoạt động tài chính – Chi phí tài chính – Chi phí quản lý kinh doanh.
 - + Lợi nhuận khác = Thu nhập khác – Chi phí khác.
 - + Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế = Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh + Lợi nhuận khác.
 - + Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp = Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế - Chi phí thuế TNDN.

1.3.9.2. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 911: Xác định kết quả kinh doanh

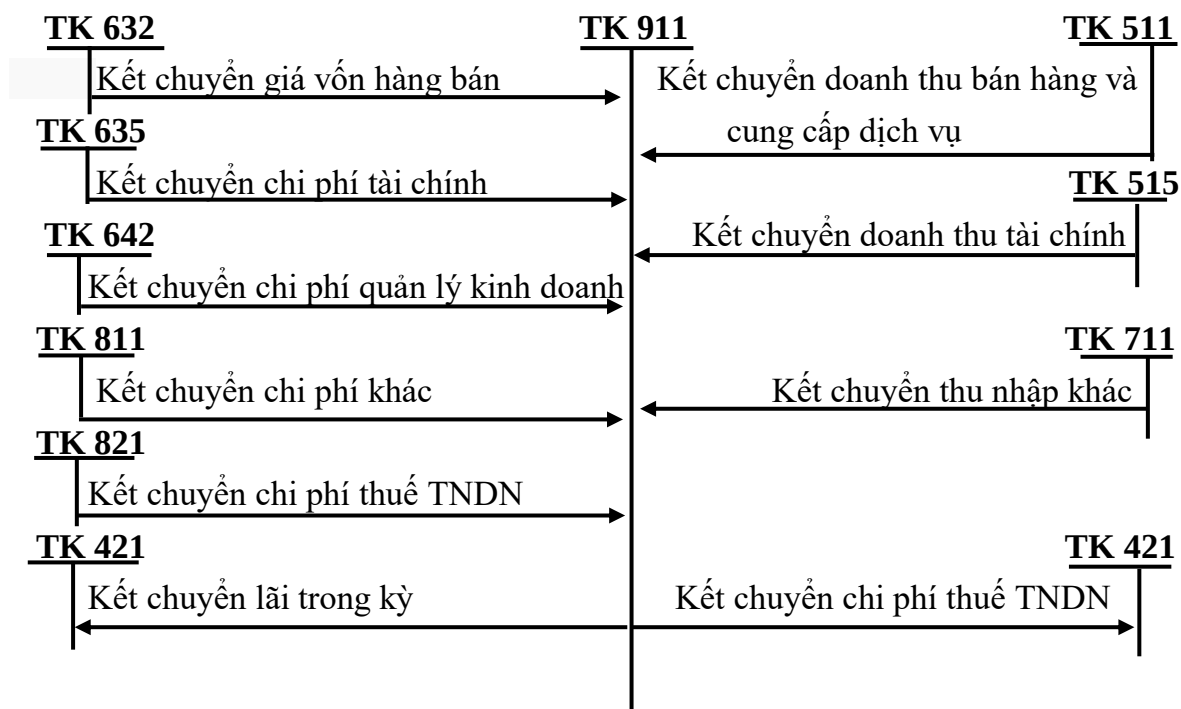
Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

* Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

NỢ	TK 911	CÓ
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán; - Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác; - Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp; - Kết chuyển lãi.		- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ; - Doanh thu hoạt động tài chính, các thu nhập khác và khoản kết chuyển giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp; - Kết chuyển lỗ.

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ

1.3.9.3. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.12: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI HẢI ÂU

2.1. Khái quát chung về Doanh nghiệp tư nhân thương mại Hải Âu

2.1.1. Giới thiệu chung về doanh nghiệp tư nhân thương mại Hải Âu

- Tên doanh nghiệp: Doanh nghiệp tư nhân thương mại Hải Âu
- Địa chỉ: 696 Điện Biên Phủ, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
- Loại hình doanh nghiệp: Doanh nghiệp tư nhân
- Mã số thuế: 0400519167
- Người đại diện: Đặng Thị Lý
- Thời gian thành lập: 08 – 12 – 2005
- Doanh nghiệp tư nhân thương mại Hải Âu hoạt động trong lĩnh vực buôn bán kim loại và quặng kim loại, đại lý, mô giới, đấu giá, bán buôn đồ dùng khác cho gia đình, bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác, bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

2.1.2. Quá trình hình thành và phát triển của doanh nghiệp tư nhân thương mại Hải Âu

- Năm 2005 đánh dấu sự ra đời của Doanh nghiệp tư nhân thương mại Hải Âu theo giấy phép đăng ký kinh doanh do cơ quan có thẩm quyền cấp. Doanh nghiệp chính thức đi vào hoạt động từ đầu năm 2006, với lĩnh vực kinh doanh chính là bán buôn kim loại và các loại vật liệu phục vụ xây dựng.
- Trong những năm đầu hoạt động, doanh nghiệp gặp không ít khó khăn về quy mô vốn, thị trường và nguồn khách hàng. Tuy nhiên, với sự nỗ lực của ban lãnh đạo cùng định hướng kinh doanh phù hợp, doanh nghiệp đã từng bước ổn định hoạt động và xây dựng được mối quan hệ với các đối tác.
- Trải qua quá trình hoạt động, doanh nghiệp dần mở rộng quy mô kinh doanh, đa dạng hóa ngành nghề như kinh doanh vật liệu xây dựng, thiết bị, máy móc và vận tải hàng hóa, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường.
- Đến nay, doanh nghiệp vẫn duy trì hoạt động ổn định, từng bước khẳng định vị thế trong lĩnh vực thương mại tại địa phương. Với phương châm kinh doanh uy tín, chất lượng, doanh nghiệp luôn chú trọng nâng cao hiệu quả hoạt động và phục vụ khách hàng ngày càng tốt hơn.

2.1.3. Chức năng, nhiệm vụ của Doanh nghiệp tư nhân thương mại Hải Âu

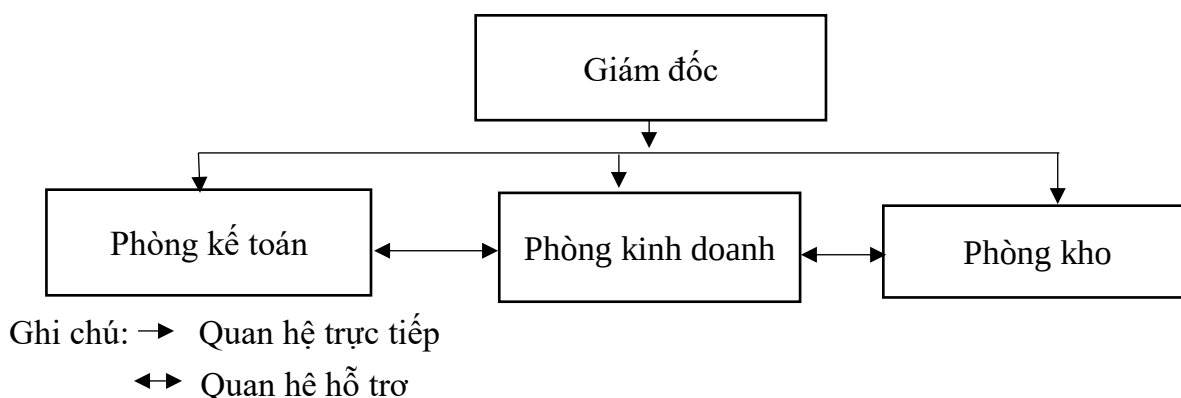
- * Chức năng

- Doanh nghiệp có chức năng tổ chức hoạt động kinh doanh thương mại, với ngành nghề chính là bán buôn kim loại và quặng kim loại.
- Thực hiện hoạt động mua bán và phân phối hàng hóa, bao gồm kim loại, vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị và hàng hóa tiêu dùng khác theo ngành nghề đã đăng ký.
- Thực hiện chức năng trung gian thương mại, thông qua các hoạt động đại lý, môi giới hàng hóa trên thị trường.
- Tổ chức vận tải hàng hóa bằng đường bộ nhằm phục vụ hoạt động kinh doanh và lưu thông hàng hóa.

*** Nhiệm vụ**

- Hoạt động kinh doanh đúng với ngành nghề đã đăng ký và tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.
- Tổ chức tìm kiếm, duy trì và phát triển hệ thống khách hàng, nhà cung cấp trong lĩnh vực thương mại hàng hóa.
- Quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn vốn, tài sản và lao động trong doanh nghiệp.
- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước như thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và các khoản phí, lệ phí liên quan.
- Đảm bảo chất lượng hàng hóa, uy tín trong kinh doanh và nâng cao hiệu quả hoạt động thương mại.
- Thực hiện công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính theo quy định.

2.1.4. Cơ cấu tổ chức tại Doanh nghiệp tư nhân thương mại Hải Âu



Sơ đồ 2.1: Sơ đồ bộ máy quản lý tại Doanh nghiệp tư nhân thương mại Hải Âu

*** Nhiệm vụ của từng bộ phận.**

- Giám đốc:
 - + Là người đại diện pháp luật, chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

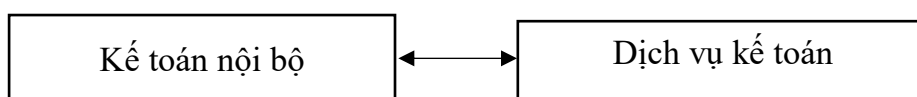
- + Xây dựng định hướng phát triển, chiến lược kinh doanh ngắn hạn và dài hạn phù hợp với tình hình thị trường và năng lực của doanh nghiệp.
 - + Tổ chức, điều hành và kiểm soát toàn bộ hoạt động của các bộ phận trong doanh nghiệp nhằm đảm bảo hoạt động hiệu quả và đúng mục tiêu đề ra.
 - + Trực tiếp ký kết các hợp đồng kinh tế với khách hàng và nhà cung cấp; quyết định các vấn đề liên quan đến tài chính, đầu tư, mua bán hàng hóa.
 - + Quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn vốn, tài sản; chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.
 - + Ban hành các quy định nội bộ, phân công nhiệm vụ cho từng bộ phận, đảm bảo sự phối hợp nhịp nhàng trong công việc.
- Phòng kế toán
- + Phòng kế toán có nhiệm vụ giúp Giám Đốc quản lý toàn bộ công tác kế toán tại công ty. Tổ chức công tác kế toán của công ty một cách đầy đủ, kịp thời và chính xác đúng với chế độ chính sách hiện hành của Nhà nước.
 - + Hướng dẫn, giám sát, lập sổ sách kế toán, hạch toán, ghi chép tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh, phản ánh tình hình kinh doanh, kế hoạch thu chi trên cơ sở chấp hành chính sách nhà nước, theo dõi hiệu quả kinh tế trong mọi hoạt động kinh doanh của công ty.
 - + Kiểm tra thường xuyên tài chính và mọi hoạt động kinh doanh của công ty. Báo cáo định kỳ hàng tuần, hàng tháng, hàng quý, hàng năm. Cuối quý hoặc cuối mỗi năm lập bảng cân đối kế toán, phân tích kết quả kinh doanh của công ty từ đó tìm phương hướng khắc phục.
- Phòng kinh doanh
- + Tổ chức thực hiện hoạt động mua – bán hàng hóa theo đúng ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp (kim loại, vật liệu xây dựng, thiết bị...).
 - + Chủ động tìm kiếm khách hàng mới, duy trì mối quan hệ với khách hàng hiện có; mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hóa.
 - + Nghiên cứu thị trường, thu thập thông tin về giá cả, nhu cầu, đối thủ cạnh tranh để tham mưu cho giám đốc trong việc xây dựng kế hoạch kinh doanh.
 - + Thực hiện đàm phán, ký kết hợp đồng mua bán; theo dõi tiến độ thực hiện hợp đồng và phối hợp với các bộ phận liên quan để đảm bảo giao hàng đúng thời hạn.
 - + Theo dõi tình hình tiêu thụ, doanh thu, công nợ khách hàng; đơn đốc thu hồi công nợ đúng hạn.
 - + Giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình giao dịch như khiếu nại, đổi trả hàng hóa.

- Phòng kho

- + Tổ chức tiếp nhận, kiểm tra số lượng và chất lượng hàng hóa khi nhập kho; thực hiện thủ tục nhập kho theo quy định.
- + Sắp xếp, bảo quản hàng hóa trong kho một cách khoa học, đảm bảo an toàn, tránh hư hỏng, mất mát.
- + Thực hiện xuất kho hàng hóa theo yêu cầu của bộ phận kinh doanh và đúng chứng từ hợp lệ.
- + Theo dõi tình hình tồn kho, thường xuyên kiểm kê, đối chiếu số liệu với bộ phận kế toán để đảm bảo chính xác.
- + Tổ chức vận chuyển, giao hàng cho khách hàng đúng thời gian, địa điểm và đảm bảo chất lượng hàng hóa trong quá trình vận chuyển.
- + Phối hợp xử lý các vấn đề phát sinh như thiếu hàng, hư hỏng, sai lệch số lượng trong quá trình giao nhận.

2.1.5. Đặc điểm tổ chức tại Doanh nghiệp tư nhân thương mại Hải Âu

2.1.5.1. Tổ chức bộ máy kế toán



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán tại Doanh nghiệp tư nhân thương mại Hải Âu

- Kế toán nội bộ

- + Quản lý và theo dõi các khoản thu chi nội bộ của công ty.
- + Kiểm tra và đối chiếu số liệu giữa các bộ phận, đảm bảo tính chính xác và hợp lệ.
- + Lưu trữ, quản lý chứng từ, sổ sách kế toán.
- + Hỗ trợ kế toán dịch vụ khi có yêu cầu.

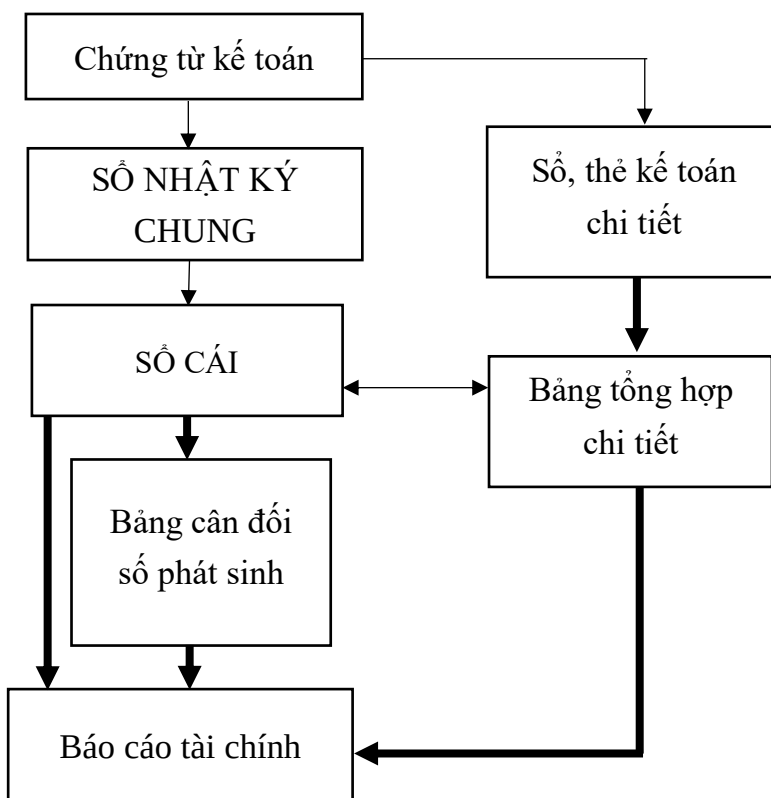
- Dịch vụ kế toán:

- + Lập hóa đơn, chứng từ hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.
- + Lập báo cáo thuế, báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán thuế và thực hiện nộp báo cáo tài chính hàng năm, lập và nộp báo cáo với cơ quan thống kê đều được đơn vị kế toán thay mặt doanh nghiệp thực hiện.

2.1.5.2. Hình thức kế toán tại công ty

Doanh nghiệp tư nhân thương mại Hải Âu đang sử dụng hình thức ghi sổ kế toán nhật ký chung với sự hỗ trợ của Phần mềm kế toán SIVIP. Đối với kế toán, việc áp dụng phần mềm SIVIP sẽ giúp công việc kế toán viên trở nên đơn giản hơn

và giảm đi đáng kể, xử lý số liệu một cách nhanh chóng với độ chính xác cao. Đối với phần mềm, kế toán chỉ cần khai báo chính xác số liệu ban đầu khi có nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ kế toán vào phần mềm đúng nội dung, đối tượng, số liệu như trên chứng từ gốc của kế toán, chương tính sẽ tự động chuyển vào Nhật ký chung, sổ chi tiết, sổ cái các tài khoản,....



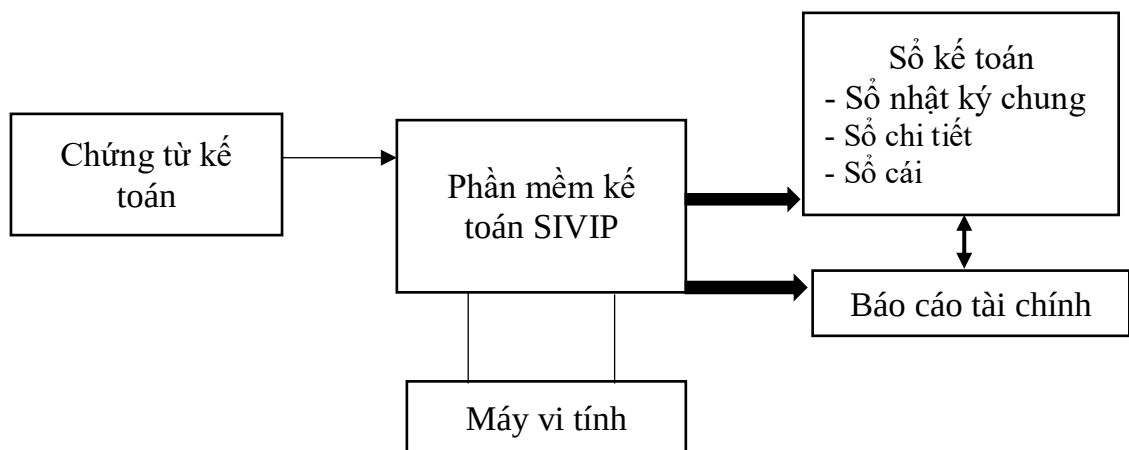
Sơ đồ 2.3: Sơ đồ trình tự ghi sổ theo hình thức kế toán nhật ký chung tại công ty

Ghi chú: $\longrightarrow$: Ghi hàng ngày

$\longrightarrow$: Ghi cuối tháng

$\longleftrightarrow$: Đối chiếu, kiểm tra

- Hàng ngày kế toán nội bộ và kế toán dịch vụ dựa vào các chứng từ do các bộ phận khác cung cấp, tiến hành kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp của chứng từ.
- Kế toán dịch vụ sẽ dựa trên các chứng từ thu nhập được hạch toán vào đúng phần hành trên phần mềm kế toán SIVIP. Sau khi ghi nhận đầy đủ các nghiệp vụ phát sinh sẽ tự động cập nhật trên sổ sách kế toán. Kế toán tiến hành in và xem sổ sách để đối chiếu và kiểm tra để xem có sai sót ở nghiệp vụ nào không. Cuối kì kế toán, kế toán sẽ thực hiện khóa sổ, sau đó sẽ thực hiện lập báo cáo tài chính.

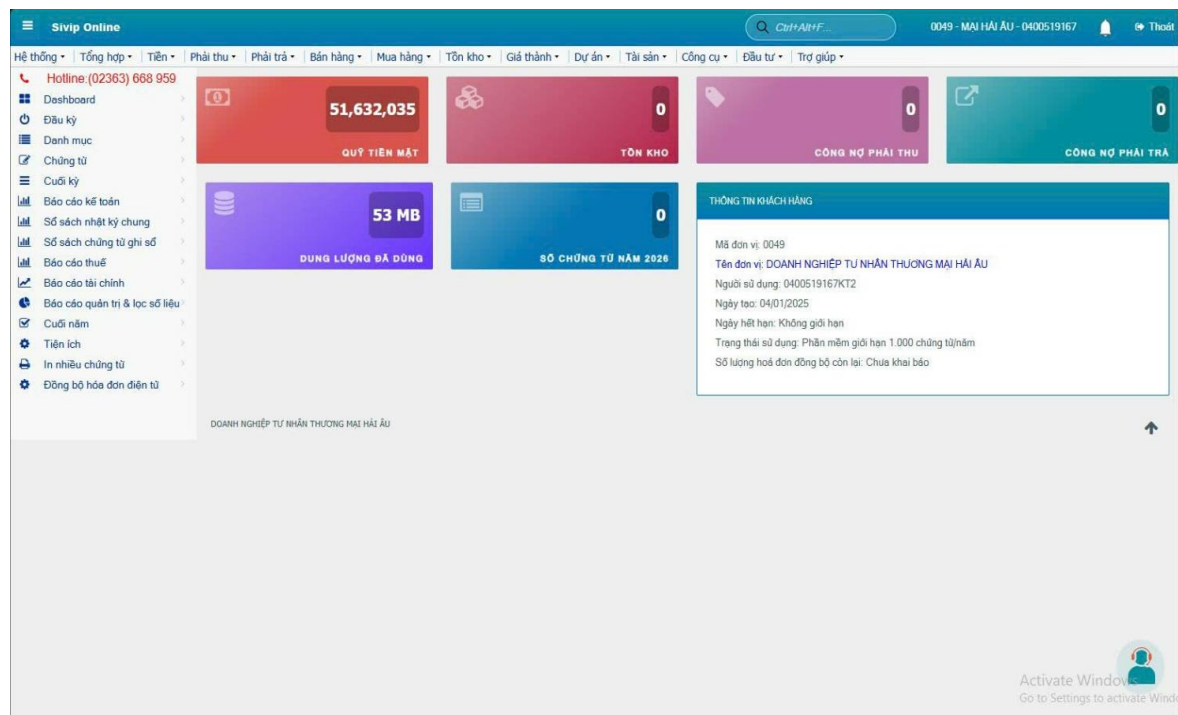


Sơ đồ 2.4: Sơ đồ tổ chức kế toán máy tại Doanh nghiệp tư nhân thương mại Hải Âu

Ghi chú:

- > Nhập số liệu hàng ngày
- > In và xem sổ sách, báo cáo tài chính
- > Kiểm tra – đối chiếu

- Doanh nghiệp tư nhân thương mại Hải Âu sử dụng phần mềm SIVIP có giao diện như sau:



Hình 2.1. Giao diện phần mềm kế toán SIVIP

2.1.5.3. Chế độ kế toán và một số chính sách kế toán áp dụng tại doanh nghiệp tư nhân thương mại Hải Âu

- Chế độ kế toán: Doanh nghiệp tư nhân thương mại Hải Âu áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính.
- Niên độ kế toán: bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 dương lịch hàng năm.
- Kỳ kế toán: Theo năm
- Đơn vị tiền tệ: Đồng Việt Nam (VND).
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.
- Phương pháp tính giá hàng tồn kho: Bình quân gia quyền cuối kỳ.
- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Giá gốc.
- Phương pháp khấu hao TSCĐ: Phương pháp đường thẳng.
- Phương pháp tính thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ.

2.1.5.4. Các phần hành kế toán tại doanh nghiệp

- Kế toán vốn bằng tiền
 - + Theo dõi, phản ánh tình hình thu – chi tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.
 - + Lập phiếu thu, phiếu chi; kiểm tra tính hợp lệ của chứng từ trước khi thanh toán.
 - + Ghi chép sổ quỹ, sổ tiền gửi ngân hàng; đối chiếu số liệu với thủ quỹ và ngân hàng.
 - + Kiểm soát việc sử dụng tiền nhằm đảm bảo đúng mục đích và tiết kiệm.
- Kế toán hàng hóa (hàng tồn kho)
 - + Theo dõi tình hình nhập – xuất – tồn kho hàng hóa (kim loại, vật liệu xây dựng...).
 - + Kiểm tra chứng từ nhập, xuất kho; ghi chép sổ kho và đối chiếu với thủ kho.
 - + Xác định giá trị hàng tồn kho theo phương pháp phù hợp (thường là FIFO).
 - + Tham gia kiểm kê định kỳ, xử lý chênh lệch nếu có.
- Kế toán bán hàng và công nợ phải thu
 - + Ghi nhận doanh thu bán hàng, lập hóa đơn và chứng từ liên quan.
 - + Theo dõi các khoản phải thu của khách hàng, tình hình thanh toán và công nợ.
 - + Đôn đốc thu hồi công nợ, hạn chế tình trạng nợ quá hạn.
 - + Phản ánh các khoản giảm trừ doanh thu (chiết khấu, giảm giá, hàng bán bị trả lại nếu có).

- Kế toán mua hàng và công nợ phải trả
 - + Ghi nhận các nghiệp vụ mua hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động kinh doanh.
 - + Theo dõi các khoản phải trả cho nhà cung cấp.
 - + Kiểm tra chứng từ mua hàng, hợp đồng, hóa đơn đầu vào.
 - + Thực hiện thanh toán đúng hạn, đảm bảo uy tín với đối tác.
- Kế toán chi phí và xác định kết quả kinh doanh
 - + Tập hợp và phân loại các khoản chi phí phát sinh trong kỳ (chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp...).
 - + Xác định doanh thu, chi phí và tính toán lợi nhuận của doanh nghiệp.
 - + Lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phục vụ quản lý.
- Kế toán thuế
 - + Thực hiện kê khai các loại thuế: thuế GTGT, thuế TNDN, thuế TNCN...
 - + Lập tờ khai thuế theo tháng/quý và quyết toán thuế theo năm.
 - + Theo dõi tình hình nộp thuế, đảm bảo đúng hạn và đúng quy định.
 - + Cập nhật chính sách thuế mới để áp dụng kịp thời.
- Kế toán tổng hợp
 - + Tổng hợp số liệu từ các phần hành kế toán chi tiết.
 - + Lập báo cáo tài chính (Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh...).
 - + Phân tích tình hình tài chính, cung cấp thông tin cho giám đốc.
 - + Lưu trữ chứng từ, sổ sách theo quy định.

2.2. Thực trạng công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Doanh nghiệp tư nhân thương mại Hải Âu

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

2.2.1.1. Quy trình kế toán

Doanh nghiệp tư nhân thương mại Hải Âu hoạt động trong lĩnh vực buôn bán và vận chuyển nên doanh thu chính Doanh nghiệp tư nhân thương mại Hải Âu là doanh thu từ bán hàng (Kim loại, hàng tiêu dùng, vật tư, thiết bị...) và doanh thu cung cấp dịch vụ (vận chuyển).

a) Chứng từ - tài khoản - sổ sách sử dụng

*** Chứng từ sử dụng**

- + Hóa đơn GTGT
- + Phiếu xuất kho
- + Phiếu thu / Giấy báo có

*** Tài khoản sử dụng**

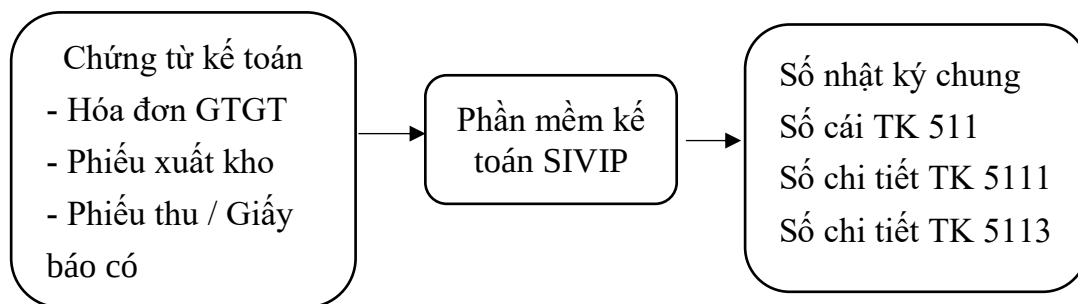
- Tài khoản 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.
 - + Tài khoản 5111: Dùng để theo dõi doanh thu bán hàng hóa của doanh nghiệp như: bán kim loại và quặng kim loại, đại lý, mô giới, đấu giá, bán buôn đồ dùng khác cho gia đình, bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác, bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.
 - + Tài khoản 5113: Dùng để theo dõi doanh thu cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp như: vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ

* Sổ sách sử dụng:

- Sổ cái TK 511: Phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong công ty.
- Sổ chi tiết TK 5111: Phản ánh doanh thu bán hàng hoá trong công ty.
- Sổ chi tiết TK 5113: Phản ánh doanh thu cung cấp dịch vụ trong công ty.

b) Quy trình luân chuyển chứng từ:

- Sau khi nhận được đơn đặt hàng của khách hàng, bộ phận kho sẽ kiểm tra kho hàng. Nếu còn hàng bộ phận kinh doanh sẽ báo giá cho khách hàng. Khi khách hàng đồng ý mua hàng kế toán dịch vụ sẽ lập phiếu xuất kho và hóa đơn GTGT điện tử (được kí bằng chữ kí số).
- Sau khi lập xong kế toán sẽ gửi phiếu xuất kho giám đốc ký và lưu dùng nội bộ. Đối với hoá đơn giá trị gia tăng điện tử bộ phận kế toán sẽ gửi qua email cho khách hàng.
- Khi khách hàng thanh toán bằng tiền mặt cho công ty, bộ phận kế toán sẽ tiến hành lập phiếu thu (liên 1 và liên 2). Phiếu thu liên 2 kế toán giao cho khách hàng.
- Trường hợp khách hàng thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng. Cuối tháng kế toán nhận giấy báo có từ ngân hàng để hạch toán vào phần mềm.
- Kế toán sẽ ghi nhận doanh thu vào phần mềm căn cứ trên hóa đơn GTGT đã phát hành. Phiếu xuất kho sẽ được xuất ra trên cơ sở hóa đơn đã được nhập. Phần mềm kế toán sẽ tự động ghi nhận vào sổ nhật ký chung, sổ cái, sổ chi tiết các tài khoản có liên quan.



Sơ đồ 2.5: Sơ đồ Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng tại doanh nghiệp tư nhân thương mại Hải Âu

- Hàng ngày kế toán kiểm tra chứng từ sau đó căn cứ vào chứng từ: hoá đơn giá trị gia tăng, phiếu thu, giấy báo có để ghi chép các nghiệp vụ bán hàng phát sinh vào phần mềm kế toán SIVIP. Sau khi ghi chép các nghiệp vụ sẽ tự động cập nhập vào sổ nhật ký chung, sổ chi tiết tài khoản 5111, sổ chi tiết tài khoản 5113, sổ cái TK 511. Kế toán thực in và xem sổ sách để đối chiếu kiểm tra.

2.2.1.2. Kế toán chi tiết doanh thu

a) Trường hợp ghi nhận doanh thu bán hàng:

* Nghiệp vụ 1: Ngày 20 tháng 08 năm 2025 Doanh nghiệp tư nhân thương mại Hải Âu bán hàng cho Công ty cổ phần Xuyên Việt với tổng giá trị chưa thuế 37.171.217, thuế 10%

DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI HẢI ÂU



Mã số thuế (Tax code): **0400519167**

Địa chỉ (Address): 696 Điện Biên Phủ, Phường Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 0236.2248.161

Số tài khoản (Bank account): 2003 2010 86612 tại Ngân hàng Agribank

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT Invoice)
Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(E-Invoice viewer)
 Ngày (Date) 20 tháng (month) 8 năm (year) 2025
 Mã CQT (Code): 00AEEB2096E7704FE8B7208AB4E7409E5A

Ký hiệu (Sign): 1C25THA

Số (No): **00000055**

Họ tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company's name): **CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN VIỆT**

Mã số thuế (Tax code): 0400551675

Địa chỉ (Address): 228 Tôn Đức Thắng, Phường Hòa Khánh, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản Số tài khoản (Bank account):

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods and services)	DVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Thép hộp mạ kẽm 20 x 40	cây	72,00	126.545	9.111.240
2	Thép hộp mạ kẽm 30 x 30	cây	253,00	110.909	28.059.977
Cộng tiền hàng (Total before VAT):					37.171.217
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10 % Tiền thuế GTGT (VAT amount):					3.717.122
Tổng tiền thanh toán (Total amount):					40.888.339
Số tiền viết bằng chữ (Total amount in words):					Bốn mươi triệu tám trăm tám mươi tám nghìn ba trăm ba mươi chín đồng chẵn.

Người mua hàng (Buyer)
(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

Người bán hàng (Seller)
(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

Ký bởi: **DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI HẢI ÂU**

Ký ngày: 20/08/2025

Hình 2.2. Hóa đơn GTGT bán ra số 00000055

NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM

AGRIBANK

LỆNH THANH TOÁN Số tham chiếu đi: 10000578

LỆNH CÓ Số tham chiếu đến: 25090500000002722411843

Mẫu IFX01 theo VB số 559/QĐ-NHNo-TC/CT ngày 19/04/2017

NH gửi lệnh: NH TNHH MTV Public Việt Nam (VID PUBLIC BANK) - Loại chuyển tiền: Chuyển tiền đến (CITAD-GT Thấp)	
NH nhận lệnh: NHNo & PTNT Việt Nam	Ngày lập lệnh: 05/09/2025
Người phát lệnh: CÔNG TY CỔ PHẦN XUYEN VIỆT	
CMT/CCCD:	Mã số thuế:
Địa chỉ:	
Số tài khoản: 0405000001503	Tại: 01501001 - Hội sở T VID PUBLIC Bank
Người nhận lệnh: DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI HAI AU	
CMT/CCCD:	Mã số thuế:
Địa chỉ:	
Số tài khoản: 2003201086612	Tại: 48204001 - NHNo và PTNT VN - CN Đà Nẵng
Số tiền (bằng số): 40.888.339 VND	
Số tiền (bằng chữ): Bốn mươi triệu tám trăm tám mươi tám nghìn ba trăm ba mươi chín đồng	
Chương, loại, hạn, mục:	
Nội dung: TT TIEN HANG CT	

Giao dịch viên (Mã GDV: TNNHI) nhitrphanthiai

Kiểm soát

Trần Phan Thị Ái Nhi

Hình 2.3. Giấy báo có thanh toán hóa đơn GTGT số 00000055

- * Kế toán thực hiện nhập liệu vào phần mềm kế toán SIVIP theo hóa đơn GTGT số 00000055 và giấy báo có
- Quy Trình hoạch toán vào phần mềm
- + Đối với nghiệp vụ bán hàng tại giao diện phần mềm Sivip của doanh nghiệp, kế toán thực hiện các bước sau:
 - B1: Vào menu Chứng từ -> chọn Hoá đơn bán hàng
 - B2: Sau đó điền các thông tin như: Khách hàng, mã giao dịch, ngày chứng từ, ngày hoạch toán
 - B3: Kế toán bắt đầu nhập dữ liệu nội dung vào phần mềm
 - B4: Nhập chi tiết tài khoản 5111 từng mặt hàng theo hóa đơn GTGT số 00000055
 - B5: Sau khi nhập xong kế toán chọn Lưu để hoàn tất

S Xem hóa đơn

Mã khách

KH0032

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN VIỆT

Số hóa đơn

55

Người mua

Ký hiệu

C25THA

Mã giao dịch

3

Hóa đơn

Ngày lập

20/08/2025

Tài khoản nợ

131111

Phải thu ngắn hạn khách hàng: Hở SXKD (VND)

Ngày hạch toán

20/08/2025

Mã thanh toán

Tỷ giá

VND

1.00

Diễn giải

Bán hàng

Trạng thái

2. Chuyển số cái

Chi tiết

Thông tin xuất khẩu

Ct gốc và thu tiền

Hóa đơn điện tử

Khác

Thêm

Chèn

↑ Lên

↓ Xuống

Chép

Xóa

Kết xuất

Khóa cột

	Mã hàng	Tên mặt hàng	Đvt	Mã kho	Mã lô	Tồn	Số lượng	Giá chuẩn
1	HH0028	Thép hộp mạ kẽm 20x40	Kg	0049CTY		16 674.420	465.120	0.000
2	HH0034	Thép hộp mạ kẽm các loại	Kg	0049CTY		13 532.780	1 634.800	0.000

Tài khoản thu

Thu tiền

0

Mã thuế

Tổng cộng

2 099.920

37 171 217

Tk thuế

131111

33311

Tiền thuế

3 717 122

Cục thuế

Tổng thanh toán

40 888 339

Ngày tạo/sửa

21/12/2025 20:22:52

25/12/2025 20:33:26

Chép

Mới

Sửa

Đóng

Hình 2.4. Giao diện hạch toán doanh thu vào phần mềm theo hóa đơn số 00000055

- Sau khi nhập xong dữ liệu phần mềm sẽ tự động cập nhập vào sổ sách kế toán: sổ nhật ký chung, sổ cái tài khoản 511, sổ chi tiết tài khoản 5111.

- Quy trình và giao diện mở sổ chi tiết tài khoản.

+ Để mở sổ chi tiết tài khoản trên phần mềm kế toán Sivip, kế toán thực hiện các bước sau:

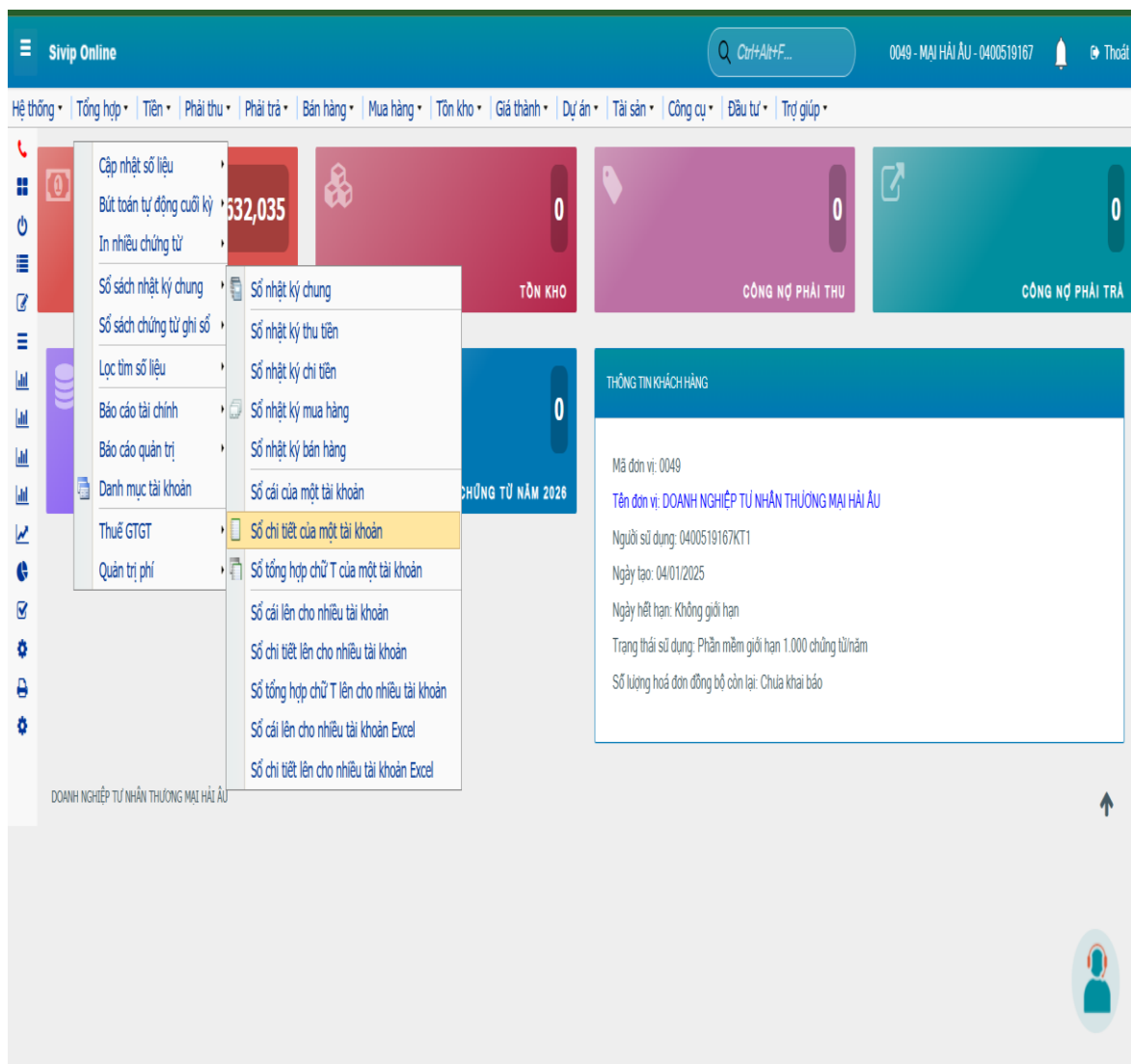
B1: Tại màn hình giao diện phần mềm nhấn chọn Tổng hợp

B2: Sau đó tại mục tổng hợp chọn Sổ sách nhật ký chung.

B3: Tại mục sổ sách nhật ký chung chọn Sổ cái một tài khoản

B4: Chọn tài khoản chi tiết cần xem, chu kỳ theo tháng, quý, hoặc cả năm.

B5: Cuối cùng chọn nhận



Hình 2.5. Giao diện mở sổ chi tiết tài khoản.

* Sổ chi tiết tài khoản 5111

DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI HẢI ÂU
606 Điện Biên Phủ, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Tp Đà Nẵng

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 5111 - Doanh thu bán hàng hóa
Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	Tk đối ứng	Số dư đầu kỳ:	
Ngày	Số				Nợ	Có
09/01/2025	HD 1	CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN VIỆT	Bán hàng	131111		12.208.368
28/02/2025	HD 9	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG	Bán hàng	131111		9.540.684
05/03/2025	HD 11	CÔNG TY CỔ PHẦN LÊ LAN HƯƠNG	Bán hàng	131111		2.386.375
20/04/2025	HD 26	CÔNG TY TNHH VIỆT NAM ZERO WASTE	Bán hàng	131111		11.568.188
28/05/2025	HD 40	CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY THÀNH CÔNG II	Bán hàng	131111		1.272.727
12/06/2025	HD 42	CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MINH LỢI	Bán hàng	131111		4.090.902
01/07/2025	HD 46	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG	Bán hàng	131111		6.129.097
20/08/2025	HD 55	CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN VIỆT	Bán hàng	131111		37.171.217
30/09/2025	HD 1	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG	Bán hàng	131111		2.588.616
01/10/2025	HD 2	CÔNG TY TNHH PHỤ TÙNG Ô TÔ Q.BA	Bán hàng	131111		1.272.727
18/11/2025	HD 14	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG	Bán hàng	131111		1.968.995
31/12/2025	PKT 202512		Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KOKD - 5111, 911	911	2.320.464.931	

Tổng phát sinh nợ: 2.320.464.931
Tổng phát sinh có: 2.320.464.931
Số dư cuối kỳ: 0

Ngày.....tháng.....năm.....
GIÁM ĐỐC
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

NGƯỜI LẬP
(Ký, họ tên)

b) Trường hợp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ.

***Nghệp vụ:** Ngày 25 tháng 07 năm 2025, Doanh nghiệp tư nhân thương mại Hải Âu vận chuyển hàng hóa cho Công ty cổ phần Thủy Điện A Vương, với tổng giá trị 14.000.000, thuế suất 8%.

DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI HẢI ÂU



Mã số thuế (Tax code): **0 4 0 0 5 1 9 1 6 7**

Địa chỉ (Address): 696 Điện Biên Phủ, Phường Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 0236.2248.161

Số tài khoản (Bank account): 2003 2010 86612 tại Ngân hàng Agribank

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT Invoice)
Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(E-Invoice viewer)
 Ngày (Date) 25 tháng (month) 7 năm (year) 2025
 Mã QGT (Code): 00D2A4816B96924208BC9A75688548C282

Ký hiệu (Sign): 1C25THA

Số (No): **00000049**

Họ tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company's name): **CÔNG TY CP THỦY ĐIỆN A VƯƠNG**

Mã số thuế (Tax code): 4000478435

Địa chỉ (Address): Tổ dân phố Dung, Xã Thanh Mỹ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK Số tài khoản (Bank account):

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods and services)	DVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Thuê xe vận chuyển thiết bị từ NMTĐ sông Bung 4 đến TP. Đà Nẵng và ngược lại. Biển số xe: 43C-18060	chuyến	2,00	7.000.000	14.000.000
Cộng tiền hàng (Total before VAT):					14.000.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8 %					
Tiền thuế GTGT (VAT amount):					1.120.000
Tổng tiền thanh toán (Total amount):					15.120.000
Số tiền viết bằng chữ (Total amount in words): Mười lăm triệu một trăm hai mươi nghìn đồng chẵn.					

Người mua hàng (Buyer)
(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

Người bán hàng (Seller)
(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

Ký bởi: **DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI HẢI ÂU**

Ký ngày: 25/07/2025

(Cần kiểm tra, đối chiếu trước khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Mã tra cứu hóa đơn (Invoice code): 4RHHUNDEX1P7

Truy cứu tại Website (Search on Website): <https://www.metrainvoice.vn/tra-cuu/>

Phát hành bởi phần mềm Metrainvoice.vn - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.com.vn) - MST: 0101243150

Hình 2.6. Hóa đơn GTGT bán ra số 00000049

BANK NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM
AGRIBANK
 Mạng phân phối dịch vụ tài chính hàng đầu

LỆNH THANH TOÁN
 LỆNH CÓ

Số tham chiếu đi: 560A2580ZBJA6JWN
 Số tham chiếu đến: 250821000000002642703902

NH gửi lệnh: NHTMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải
 NH nhận lệnh: NHNo&PTNT Việt Nam
 Ngày lập lệnh: 21/08/2025

Loại chuyển tiền: Chuyển tiền đến (SPNH thường)
 Người phát lệnh: CTY CP THUY DIỆN A VUONG
 CMT/CCCD: Mã số thuế:
 Địa chỉ: Tại: 48202002 - CN NH ĐTPT Hải Vân
 Số tài khoản: 5600006666
 Người nhận lệnh: DNTN TM Hải Âu
 CMT/CCCD: Mã số thuế:
 Địa chỉ: Tại: 01204001 - NHNo&PTNT Việt Nam - Hội sở chính
 Số tài khoản: 2003201086612

Số tiền (bằng số): 15.120.000 VND
 Số tiền (bằng chữ): Mười lăm triệu một trăm hai mươi nghìn đồng

Chương, loại, hạn, mục:
 Nội dung: THANH TOÁN TIỀN THUÊ XE VAN CHUYEN THIET BI NMTD SONG BUNG 4 HD 49

Giao dịch viên
 Kiểm soát

Hình 2.7. Giấy báo có thanh toán hóa đơn GTGT số 00000049

- Kế toán thực hiện nhập liệu vào phần mềm kế toán Sivip theo Hoá đơn GTGT số 00000049.

+ Quy trình hạch toán vào phần mềm .

B1: Vào menu Chứng từ -> chọn Hoá đơn bán hàng

B2: Sau đó điền các thông tin như: Khách hàng, mã giao dịch, ngày chứng từ, ngày hoạch toán

B3: Kế toán bắt đầu nhập dữ liệu nội dung vào phần mềm

B4: Nhập chi tiết tài khoản 5113 từng mặt hàng theo hóa đơn GTGT số 00000049

B5: Sau khi nhập xong kế toán chọn Lưu để hoàn tất.

S Xem hóa đơn

Mã khách	KH0037	CÔNG TY CP THUỶ ĐIỆN A VƯƠNG	Số hóa đơn	49
Người mua			Ký hiệu	C25THA
Mã giao dịch	3	Hóa đơn	Ngày lập	25/07/2025
Tài khoản nợ	131111	Phải thu ngắn hạn khách hàng: Hđ SXKD (VND)	Ngày hạch toán	25/07/2025
Mã thanh toán			Tỷ giá	VND 1.00
Diễn giải	Bán hàng		Trạng thái	2. Chuyển số cái

Chi tiết Thông tin xuất khẩu Ct gốc và thu tiền Hóa đơn điện tử Khác

Mã hàng	Tên mặt hàng	Đvt	Mã kho	Mã lô	Tồn	Số lượng	Giá chuẩn
1 DV0001	Thuê xe vận chuyển thiết bị từ NMT	DV	0049CTY		1 785.000	2.000	0.000

Tài khoản thu		Thu tiền	0
Mã thuế		Tổng cộng	2.000 14 000 000
Tk thuế	131111 33311	Tiền thuế	1 120 000
Cục thuế		Tổng thanh toán	15 120 000
Ngày tạo/sửa	21/12/2025 20:20:54	21/12/2025 20:20:54	

Chép Mới Sửa Đóng

Hình 2.8. Giao diện hạch toán doanh thu vào phần mềm theo hóa đơn số 00000049

- Sau khi nhập xong dữ liệu phần mềm sẽ tự động cập nhật vào sổ sách kế toán: sổ nhật ký chung, sổ cái tài khoản 511, sổ chi tiết tài khoản 5113.

***Sổ chi tiết tài khoản 5113**

DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI HẢI ÂU
696 Điện Biên Phủ, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
Tài khoản: 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ
Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

Số dư đầu kỳ: 0

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	Tk đối ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
09/01/2025	HD 2	CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN VIỆT	Bán hàng	131111		277.778
19/02/2025	HD 7	CÔNG TY CP THUỶ ĐIỆN A VƯƠNG	Bán hàng	131111		18.000.000
05/04/2025	HD 18	CÔNG TY CP THUỶ ĐIỆN A VƯƠNG	Bán hàng	131111		18.000.000
25/07/2025	HD 49	CÔNG TY CP THUỶ ĐIỆN A VƯƠNG	Bán hàng	131111		14.000.000
04/09/2025	HD 60	CÔNG TY CP THUỶ ĐIỆN A VƯƠNG	Bán hàng	131111		16.000.000
...			...			...
13/10/2025	HD 7	CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN VIỆT	Bán hàng	131111		462.964
18/11/2025	HD 15	CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN VIỆT	Bán hàng	131111		324.074
10/12/2025	HD 25	CÔNG TY CP THUỶ ĐIỆN A VƯƠNG	Bán hàng	131111		27.000.000
31/12/2025	PKT 202512		Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 511, 911	911	102.675.927	

Tổng phát sinh nợ: 102.675.927
Tổng phát sinh có: 102.675.927
Số dư cuối kỳ: 0

Ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI LẬP (Ký, họ tên) KẾ TOÁN TRƯỞNG (Ký, họ tên) GIÁM ĐỐC (Ký, họ tên)

2.2.1.3. Kế toán tổng hợp doanh thu

- Quy trình và giao diện mở sổ cái.

+ Để mở sổ cái trên phần mềm kế toán Sivip, kế toán thực hiện các bước sau:

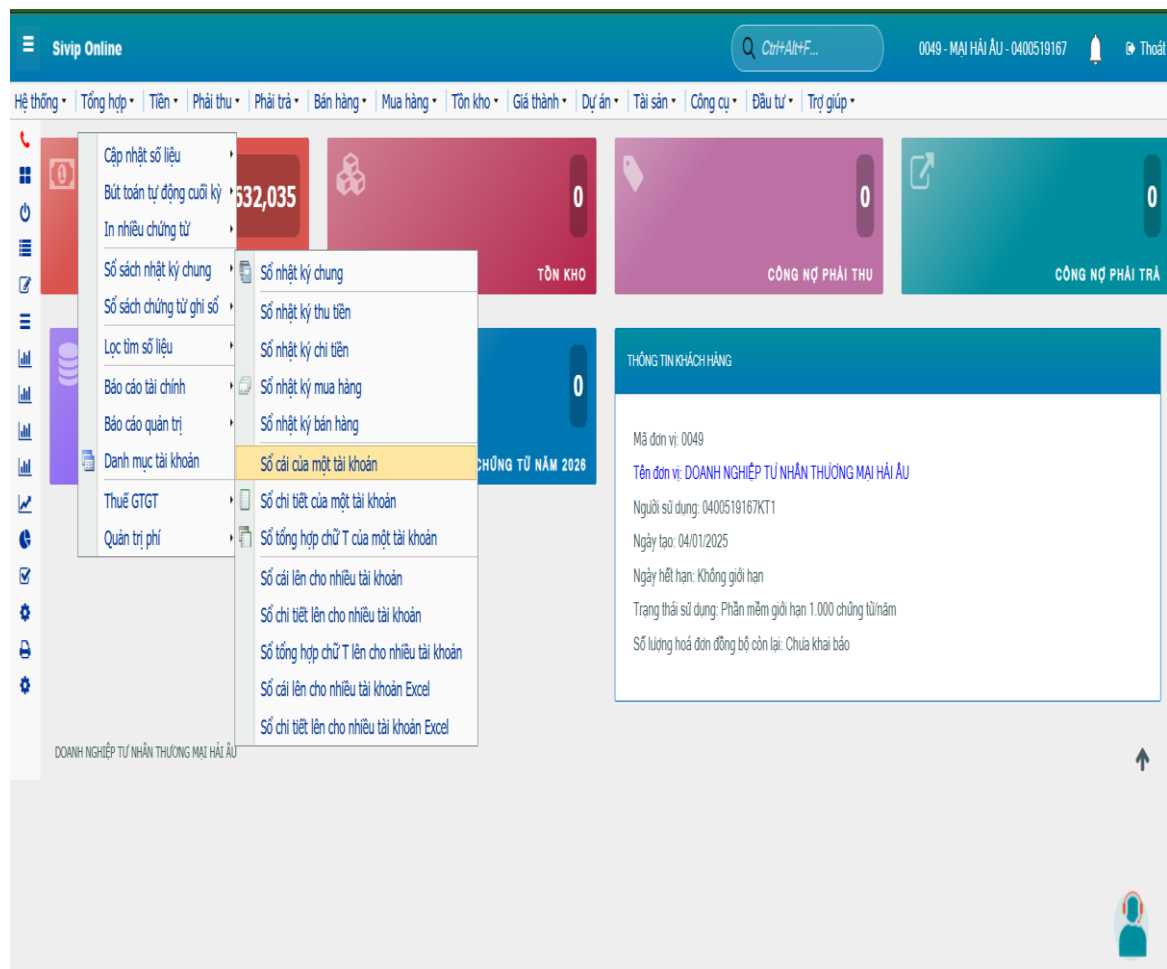
B1: Tại màn hình giao diện phần mềm nhấn chọn Tổng hợp

B2: Tại mục tổng hợp chọn Sổ sách nhật ký chung.

B3: Tại mục sổ sách nhật ký chung chọn Sổ cái một tài khoản.

B4: Chọn tài khoản cần xem, chu kỳ theo tháng, quý hoặc cả năm.

B5: Cuối cùng chọn nhận



Hình 2.9. Giao diện mở sổ cái tài khoản.

* Sổ cái tài khoản 511

DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI HẢI ÂU
696 Điện Biên Phủ, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Tp Đà Nẵng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI CỦA MỘT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Tk đối ứng	Số phát sinh	
	Số	Ngày		Trang số	Số		Nợ	Có
09/01/2025	HDA	1	09/01/2025	Bán hàng	...	131111	1	12.208.368
28/02/2025	HDA	9	28/02/2025	Bán hàng	...	131111		9.540.684
19/03/2025	HDA	15	19/03/2025	Bán hàng	...	131111		12.657.255
05/04/2025	HDA	18	05/04/2025	Bán hàng	...	131111		18.000.000
15/05/2025	HDA	34	15/05/2025	Bán hàng	...	131111		15.536.342
25/06/2025	HDA	45	25/06/2025	Bán hàng	...	131111		107.730.000
25/07/2025	HDA	49	25/07/2025	Bán hàng	...	131111		14.000.000
20/08/2025	HDA	55	20/08/2025	Bán hàng	...	131111		37.171.217
12/09/2025	HDA	64	12/09/2025	Bán hàng	...	131111		83.818.997
01/10/2025	HDA	2	01/10/2025	Bán hàng	...	131111		1.272.727
28/11/2025	HDA	17	28/11/2025	Bán hàng	...	131111		1.454.545
31/12/2025	PK3	202512	31/12/2025	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 511, 911	...	911	2.320.464.931	...
31/12/2025	PK3	202512	31/12/2025	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 511, 911	...	911	102.675.927	...

Tổng phát sinh nợ: 2.423.140.858
Tổng phát sinh có: 2.423.140.858
Số dư cuối kỳ: 0

Ngày mở sổ: 11/04/2026

Ngày.....tháng.....năm.....
GIÁM ĐỐC
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

NGƯỜI LẬP
(Ký, họ tên)

2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán

2.2.2.1. Quy trình kế toán

a) Đối với hàng hóa:

- Công ty quản lý hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và sử dụng phương pháp giá bình quân gia quyền cuối kỳ để xác định giá xuất kho hàng hóa. Theo phương pháp này cuối tháng, kế toán vào phần mềm chọn lập bảng tính giá xuất kho -> phần mềm sẽ tự động tính và chạy lại giá xuất kho.

* Chứng từ - tài khoản – sổ sách sử dụng:

- Chứng từ sử dụng:

+ Phiếu xuất kho

- Tài khoản sử dụng:

+ Tài khoản 632: Giá vốn hàng bán

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ

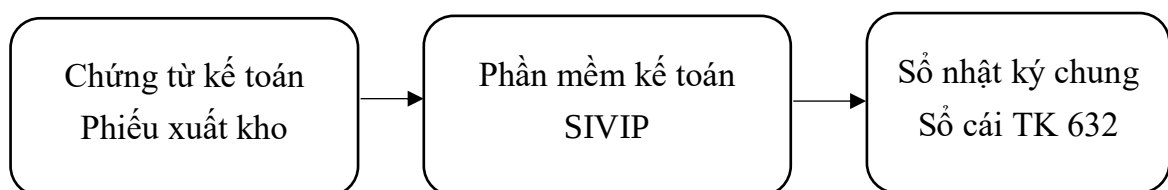
- Sổ sách sử dụng:

+ Sổ nhật ký chung: Ghi nhận lại tất cả nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong công ty.

+ Sổ cái TK 632: Phản ánh giá vốn bán hàng trong công ty.

- Quy trình luân chuyển chứng từ:

+ Căn cứ theo hóa đơn GTGT được lập, kế toán tiến hành xuất phiếu xuất kho theo hóa đơn GTGT đã được hạch toán vào phần mềm. Phần mềm sẽ tự động cập nhập đơn giá lên số. Phiếu xuất kho được lập dựa trên cơ sở hóa đơn GTGT đã được nhập.



Sơ đồ 2.6: Sơ đồ quy trình hoạch toán giá vốn hàng hóa tại doanh nghiệp tư nhân thương mại Hải Âu

- Phần mềm kế toán SIVIP sẽ tự động cập nhập vào sổ nhật ký chung, sổ cái TK 632. Kế toán thực hiện in và xem sổ sách để đối chiếu kiểm tra.

b) Đối với dịch vụ

Hao mòn, kiểm định, xăng, dầu, sửa chữa phương tiện vận tải.

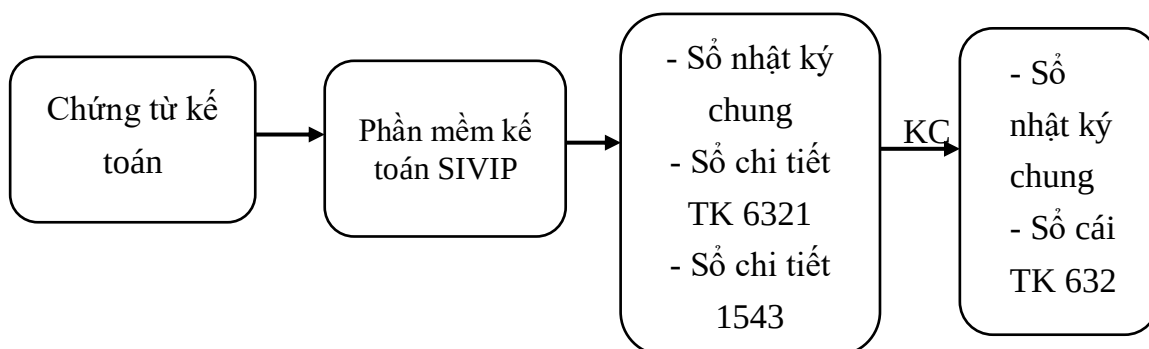
* Chứng từ - tài khoản – sổ sách sử dụng

- Chứng từ sử dụng

- + Phiếu xuất kho
- Tài khoản sử dụng
 - + Tài khoản 154: Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang
 - + Tài khoản 632: Giá vốn hàng bán
 - Tài khoản 1543: Chi phí máy thi công dở dang
- Sổ sách sử dụng
 - + Sổ nhật ký chung: Ghi lại tất cả nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong doanh nghiệp.
 - + Sổ cái 154: Phản ánh chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang trong doanh nghiệp.
 - + Sổ cái 632: Phản ánh giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp.
 - + Sổ chi tiết TK 1543: Phản ánh chi tiết nhân công trong doanh nghiệp.

c) Quy trình luân chuyển chứng từ

- Căn cứ theo chứng từ được lập, Phần mềm tự động cập nhật đơn giá lên sổ: sổ chi tiết tài khoản 1543, sổ nhật ký chung, sổ cái tài khoản 154



Sơ đồ 2.7: Sơ đồ quy trình hoạch toán giá vốn dịch vụ tại doanh nghiệp tư nhân thương mại Hải Âu

- Cuối tháng, kế toán thực hiện bút toán kết chuyển từ tài khoản 1543 sang tài khoản 632 để xác định giá vốn dịch vụ.

2.2.2.2. Kế toán chi tiết giá vốn hàng bán

a) Đối với hàng hóa

- + Nghiệp vụ: Ngày 20 tháng 08 năm 2025 Doanh nghiệp tư nhân thương mại Hải Âu bán hàng cho Công ty cổ phần Xuyên Việt với tổng giá trị xuất kho của lô hàng là 34.910.007 đồng.
- Phần mềm tự động cập nhật phiếu xuất kho và vào sổ sách kế toán: sổ nhật ký chung, sổ cái tài khoản 632, sổ chi tiết 6321

DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI HẢI ÂU
696 Điện Biên Phủ, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Tp Đà Nẵng

Mẫu số 02-VT
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-
BTC ngày 26/08/2016
của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 20 tháng 08 năm 2025

Số: 55

Họ và tên người nhận hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN VIỆT
Địa chỉ (bộ phận): 228 Tôn Đức Thắng, Phường Hòa Khánh, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Nợ: 131111

Có: 1561

Lý do xuất kho: Bán hàng

Xuất tại kho (ngăn lô): 0049CTY

Địa điểm:

Stt	Tên vật tư	Mã vật tư	Dvt	Số lượng		Giá	Tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Thép hộp mạ kẽm 20x40	HH0028	Kg		465,120	15.566,398	7.240.243
2	Thép hộp mạ kẽm các loại	HH0034	Kg		1.634,800	16.925,473	27.669.764
Tổng cộng							34.910.007

Số tiền (viết bằng chữ): Ba mươi bốn triệu, chín trăm mười nghìn, không trăm linh bảy đồng chẵn

Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 20 tháng 08 năm 2025

NGƯỜI LẬP

NGƯỜI NHẬN HÀNG

THỦ KHO

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hình 2.10. Phiếu xuất kho theo hóa đơn số 00000055

* Sổ chi tiết tài khoản 6321

DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI HẢI ÂU
696 Điện Biên Phủ, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Tp Đà Nẵng

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
Tài khoản: 6321 - Giá vốn hàng bán: hàng hoá, thành phẩm
Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	Tk đối ứng	Số dư đầu kỳ:	
Ngày	Số				Nợ	Có
09/01/2025	HD 1	CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN VIỆT	Bán hàng	1561	11.033.317	
...			...		...	
28/02/2025	HD 9	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG	Bán hàng	1561	7.960.919	
...			...			
05/03/2025	HD 11	CÔNG TY CỔ PHẦN LÊ LAN HƯƠNG	Bán hàng	1561	2.961.348	
...			...			
29/04/2025	HD 30	XÍ NGHIỆP THI CÔNG CỐ GIỚI 630 - TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG	Bán hàng	1561	4.018.023	
...			...			
12/05/2025	HD 33	CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT XÂY DỰNG DINCO	Bán hàng	1561	3.069.668	
...			...			
25/06/2025	HD 44	CÔNG TY CỔ PHẦN LÊ LAN HƯƠNG	Bán hàng	1561	14.709	
...			...			
11/07/2025	HD 47	CÔNG TY TNHH PHÚ MINH CÁT	Bán hàng	1561	91.562.553	
...			...			
20/08/2025	HD 55	CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN VIỆT	Bán hàng	1561	34.910.007	
...			...			
30/09/2025	HD 1	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG	Bán hàng	1561	964.574	
...			...			
01/10/2025	HD 2	CÔNG TY TNHH PHỤ TÙNG Ô TÔ Q.BA	Bán hàng	1561	1.014.380	
...			...			
29/11/2025	HD 20	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TIẾN PHI LONG	Bán hàng	1561	21.811.550	
...			...			
31/12/2025	PKT 202512		Kết chuyển giá vốn hàng bán vào KOKD - 911, 632	911		1.934.590.316

Tổng phát sinh nợ:	1.934.590.316
Tổng phát sinh có:	1.934.590.316
Số dư cuối kỳ:	0
Ngày.....tháng.....năm.....	
NGƯỜI LẬP	GIÁM ĐỐC
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)
KẾ TOÁN TRƯỞNG	
(Ký, họ tên)	

b) Đối với dịch vụ.

+ Nghiệp vụ: minh họa giá vốn dịch vụ, ngày 14 tháng 07 năm 2025. Công ty tư nhân thương mại Hải Âu mua dầu Đêzen 0,05S Mức 2 của công ty TNHH MTV PETROLIMEX Đà Nẵng, theo hóa đơn giá trị gia tăng số 533639, tổng giá trị là 759.285 đồng.

CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC V TNHH MỘT THÀNH VIÊN		HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Ký hiệu: 1K25TTC Số: 533639	
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC V - TNHH MỘT THÀNH VIÊN		Ngày 14 tháng 07 năm 2025 10:50		Mã số thuế: 0400101683	
Địa chỉ: Số 122 Đường 2/9, P. Hòa Cường, TP Đà Nẵng, Việt Nam					
Cửa hàng số: PETROLIMEX-Cửa hàng 14					
Người mua hàng:					
Đơn vị mua hàng: DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI HẢI ÂU					
Địa chỉ: 696 Điện Biên Phủ, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam					
Biển số xe: 43C-180.60					
MST/Mã QHNS: 0400519167					
Phương thức thanh toán: TM/CK					

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Dầu Đêzen 0,05S Mức 2	Lít	43,549	17.435,19	759.285
Cộng tiền hàng:					759.285
Tiền thuế GTGT (8%)					60.743
Tiền phí khác:					
Tổng số tiền thanh toán:					820.028

Tổng số tiền thanh toán bằng chữ: Tám trăm hai mươi nghìn không trăm hai mươi tám đồng

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY XĂNG DẦU
KHU VỰC V - TNHH MỘT THÀNH
VIÊN
Ký ngày: 14/07/2025

Mã tra cứu: 2BR6WMIDE*

Website tra cứu: <https://hoadon.petrolimex.com.vn>

Giải pháp hóa đơn điện tử được cung cấp bởi Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông (VNPT-Vinaphone)
MST: 0106869738 - Tel: 18001260

Hình 2.11. Hóa đơn giá trị gia tăng số 533639

- Kế toán thực hiện nhập vào phần mềm kế toán SIVIP căn cứ theo hóa đơn GTGT số 533639

+ Quy trình hạch toán vào phần mềm.

• Tại giao diện phần mềm SIVIP của công ty, kế toán thực hiện các bước sau:

- B1: Chọn chứng từ sau đó chọn giấy báo nợ, chọn mới để hạch toán
- B2: Tiếp theo điền các thông tin mã khách hàng, loại phiếu chi, ngày lập và ngày hạch toán
- B3: Kế toán bắt đầu nhập dữ liệu nội dung vào phần mềm.
- B4: Nhập chi tiết tài khoản 1543 từng mặt hàng theo hóa đơn GTGT số 533639.
- B5: Sau khi nhập xong kế toán nhấn Lưu.

S Xem phiếu chi

Mã khách

KH0096

CÔNG TY TNHH MTV PETROLIMEX ĐÀ NẴNG

Số phiếu chi

SIVIPBOT

Địa chỉ

Số 122 Đường 2/9, P. Hòa Cường, TP Đà Nẵng, Việt Nam

Ngày lập

14/07/2025

Người nhận tiền

Ngày hạch toán

14/07/2025

Lý do chi

Chi tiền hóa đơn số 533639-K25TTC

Tỷ giá

VND

1.00

Loại phiếu chi

9

Chi kèm hóa đơn GTGT

Tỷ giá gs

1.00

Tài khoản có

111101

Tiền mặt Việt Nam

Trạng thái

2. Chuyển số cái

Chi tiết

Thuế

Thanh toán

Chứng từ gốc

Thêm

↑ Lên

↓ Xuống

Chép

Xóa

Kết xuất

	Tk nợ	Tên tài khoản	Tiền	Diễn giải
1	1543	Chi phí máy thi công dở dang	759 285	Dầu Diesel 0,05S Mức 2

☐ Theo dõi thanh toán
 ☐ Sửa tỷ giá ghi sổ

Tiền

759 285

Tiền thuế

60 743

Tổng thanh toán

820 028

Chép

Mới

Sửa

Đóng

Hình 2.12. Giao diện hạch toán phiếu chi theo hóa đơn 533639

* Sổ chi tiết tài khoản 1543

DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI HẢI ÂU

696 Điện Biên Phủ, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Tp Đà Nẵng

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 1543 - Chi phí máy thi công dở dang

Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

Số dư đầu kỳ:0

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	Tk đối ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
14/07/2025	PC SIVIPBOT	CÔNG TY TNHH MTV PETROLIMEX ĐÀ NẴNG	Dầu Diesel 0,05S Mức 2	111101	759.285	
30/08/2025	PC SIVIPBOT	CÔNG TY TNHH MTV PETROLIMEX ĐÀ NẴNG	Dầu Diesel 0,05S Mức 2	111101	462.963	
12/09/2025	PC SIVIPBOT	CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VẬN TẢI XĂNG DẦU VẠN LỢI TẠI ĐÀ NẴNG	Dầu Diesel 0,05S Mức 2	111101	925.926	
01/10/2025	PC SIVIPBOT	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP HÒA KHÁNH	Dầu Diesel 0,05S Mức 2	111101	462.963	
23/11/2025	PC SIVIPBOT	CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VẬN TẢI XĂNG DẦU VẠN LỢI TẠI ĐÀ NẴNG	Dầu Diesel 0,05S Mức 2	111101	277.778	
31/12/2025	PKT 202512		Kết chuyển 154 sang 632 - 6321,154	6321		14.092.842

Tổng phát sinh nợ:14.092.842

Tổng phát sinh có:14.092.842

Số dư cuối kỳ:0

Ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI LẬPGIẤM ĐÓC

(Ký, họ tên)(Ký, họ tên)(Ký, họ tên)

2.2.2.3. Kế toán tổng hợp giá vốn

* Sổ cái tài khoản 632

DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI HẢI ÂU

696 Điện Biên Phủ, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Tp Đà Nẵng

Mẫu số S03b-DN

an hành theo Thông tư số 133/2016/T

BTC ngày 26/08/2016

của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI CỦA MỘT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 632 - Giá vốn hàng bán

Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

00

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Tk đối ứng	Số phát sinh	
	Số	Ngày		Trang số	Stt dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
09/01/2025	HDA	1	09/01/2025	Bán hàng		1561	11.033.317	
...			...	...			...	
27/02/2025	HDA	8	27/02/2025	Bán hàng		1561	11.237.661	
...			...	...			...	
11/03/2025	HDA	12	11/03/2025	Bán hàng		1561	486.905	
...			...	...			...	
25/04/2025	HDA	29	25/04/2025	Bán hàng		1561	5.827.303	
...			...	...			...	
02/05/2025	HDA	31	02/05/2025	Bán hàng		1561	10.556.484	
...			...	...			...	
12/06/2025	HDA	42	12/06/2025	Bán hàng		1561	3.718.414	
...			...	...			...	
01/07/2025	HDA	46	01/07/2025	Bán hàng		1561	2.289.770	
...			...	...			...	
20/08/2025	HDA	55	20/08/2025	Bán hàng		1561	34.910.007	
...			...	...			...	
30/09/2025	HDA	1	30/09/2025	Bán hàng		1561	964.574	
...			...	...			...	
06/10/2025	HDA	5	06/10/2025	Bán hàng		1561	61.481.900	
...			...	...			...	
18/11/2025	HDA	14	18/11/2025	Bán hàng		1561	1.055.558	
...			...	...			...	
31/12/2025	PK3	202512	31/12/2025	Kết chuyển 154 sang 632 - 6321, 154		1543	14.092.842	
31/12/2025	PK3	202512	31/12/2025	Kết chuyển giá vốn hàng bán vào KQKD - 911, 632		911		1.934.590.316

Tổng phát sinh nợ:1.934.590.316

Tổng phát sinh có:1.934.590.316

Số dư cuối kỳ:0

Ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI LẬPGIẤM ĐÓC

(Ký, họ tên)(Ký, họ tên)(Ký, họ tên)

Ngày mở sổ: 18/04/2026

2.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

2.2.3.1. Quy trình kế toán

Doanh thu hoạt động tài chính của công ty gồm: lãi tiền gửi ngân hàng

* Chứng từ - tài khoản – sổ sách sử dụng

- Chứng từ sử dụng

+ Sao kê tài khoản

+ Giấy báo nợ / có

- Tài khoản sử dụng

+ Tài khoản 515: Doanh thu hoạt động tài chính

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ

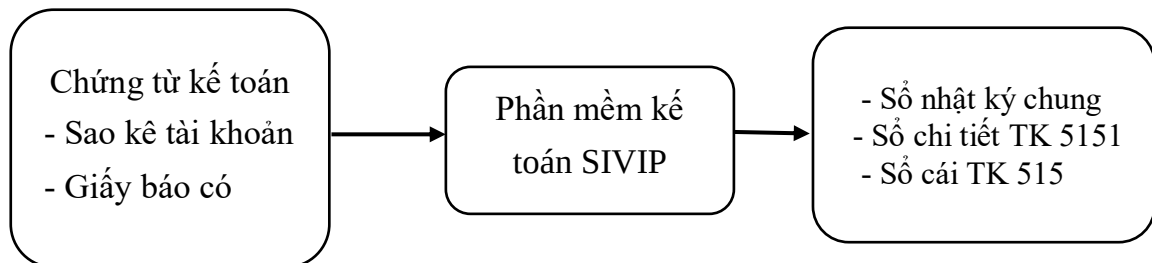
- Sổ sách sử dụng

+ Sổ nhật ký chung: ghi nhận lại tất cả nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong doanh nghiệp.

+ Sổ cái tài khoản 515: Phản ánh doanh thu hoạt động tài chính trong doanh nghiệp.

* Quy trình luân chuyển chứng từ:

- Cuối tháng, kế toán sẽ nhận sổ phụ kèm giấy báo nợ - giấy báo có từ ngân hàng về để tiến hành nhập liệu vào phần mềm.



Sơ đồ 2.8: Sơ đồ quy trình hạch toán doanh thu tài chính tại doanh nghiệp

2.2.3.2. Kế toán chi tiết doanh thu tài chính.

- Nghiệp vụ: Ngày 20/04/2025: Doanh nghiệp nhận sổ phụ tiền gửi không kỳ hạn kèm giấy báo có từ ngân hàng Agribank Chi nhánh Thanh Khê Đà Nẵng với số lãi tiền gửi ngân hàng là 1.575 đồng.



NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM
Agribank Chi nhánh Thanh Khê Đà Nẵng
Mã số thuế của CN : 0100686174-587

CHỨNG TỪ GIAO DỊCH

Liên 2 : Trả khách hàng

Số Seri:

(Bản sao)

Tên khách hàng (Customer Name) DNTN TM Hải Âu	Ngày giao dịch (Date) 20/04/2026
Địa chỉ: 696 Điện Biên Phủ, Thanh Khê, TPĐN	
Mã số thuế của KH 0400519167	

Thông báo với quý khách hàng (This is to certify that)

- ☐ Chúng tôi đã ghi nợ vào TK của quý khách hoặc nhận bằng tiền mặt số tiền sau.
(We have debited the following amount from your account/ or received by cash.)
- ☒ Chúng tôi đã ghi có vào TK của quý khách hoặc đã trả bằng tiền mặt số tiền sau.
(We have credited the following amount to your account/ or paid by cash.)

Diễn giải (Description)	Biên lai lãi tiền gửi		
Số TK (A/C No.)	2003201086612	Số GD (Ref)	

Chi tiết (Item)	Số tiền (Amount)		Diễn giải (Remark)
Lãi nhập gốc	D	VND	1,575 31/10/2025
Total		VND	1,575

First interest amount : 1,575
Term : 01/10/2025 - 31/10/2025
Base rate : 0.2 + Interest rate : 0 = 0.2 %

Người in	Trần Phan Thị ái Nhi	Đã Ng. C: Có	Trang: 1/1
Ngày in:	20/04/2026	Khách hàng	Giao dịch viên
Giờ in:	09:02:46	Kiểm soát	Giám đốc
TEL:	(84) 0236 3813455		
FAX:	(84) 0236 3722258		

Hình 2.13. Giấy báo có lãi tiền gửi từ ngân hàng

Chi nhánh: Agribank Chi nhánh Thanh Khê Đà Nẵng
 Địa chỉ: 249 Điện Biên Phủ, Phường Thành Khê, TP. Đà Nẵng
 Điện thoại/Fax: (84) 0236 3813455/(84) 0236 3722258



Ngày Date	Ghi chú Remark	Nợ Dr	Có Cr	Số dư Balance	Số tham chiếu Ref. no
30/10/2025	LAI AU CT THEP	22,000		597,802	001491363
31/10/2025	TTT MUA THEP CAC LOAI HD 03		13,114,388	13,712,190	2000OTT251037903
31/10/2025	Lãi tiền gửi		1,575	13,713,765	

Hình 2.14. Sao kê tài khoản ngân hàng

- Quy trình hạch toán vào phần mềm

+ Tại giao diện phần mềm SIVIP của doanh nghiệp, kế toán thực hiện các bước sau:

B1: Chọn chứng từ, sau đó chọn giấy báo có, chọn mới để hạch toán.

B2: Tiếp theo điền các thông tin mã khách hàng, loại phiếu thu, ngày lập và ngày hạch toán

B3: Kế toán bắt đầu nhập dữ liệu nội dung vào phần mềm.

B4: Sau khi nhập xong kế toán nhấn Lưu.

S Xem giấy báo có

Mã khách NH01 NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN \ Số phiếu thu 64

Địa chỉ Ngày lập 31/10/2025

Người nộp tiền Ngày hạch toán 31/10/2025

Lý do nộp Nhập lãi tiền gửi Tỷ giá VND 1.00

Loại phiếu thu 2 Thu của khách hàng Trạng thái 2. Chuyển số cái

Tài khoản nợ 1121003 Tiền VND gửi ngân hàng - Agribank

Chi tiết Thanh toán Chứng từ gốc

Thêm Lên Xuống Chép Xóa Kết xuất

	Tk có	Tên tài khoản	Tiền	Diễn giải
1	5151	Lãi tiền cho vay, tiền gửi	1 575	Nhập lãi tiền gửi

☐ Theo dõi thanh toán ☐ Sửa tỷ giá ghi sổ Tiền 1 575

Chép Mới Sửa Đóng

Hình 2.15. Giao diện hạch toán doanh thu hoạt động tài chính

- Sau khi nhập liệu vào phần mềm dữ liệu sẽ tự động cập nhật vào sổ nhật ký chung, sổ chi tiết 5151 và sổ cái TK 515

* Sổ chi tiết tài khoản 5151

DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI HẢI ÂU
696 Điện Biên Phủ, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Tp Đà Nẵng

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 5151 - Lãi tiền cho vay, tiền gửi
Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	Số dư đầu kỳ: 0	
Ngày	Số			Tk đối ứng	Số phát sinh
					NợCố
31/01/2025	BC 4	NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM - CHI NHÁNH QUẬN THANH KHÊ ĐÀ NẴNG	Nhập lãi tiền gửi	1121003	721
28/02/2025	BC 8	NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM - CHI NHÁNH QUẬN THANH KHÊ ĐÀ NẴNG	Nhập lãi tiền gửi	1121003	234
31/03/2025	BC 10	NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM - CHI NHÁNH QUẬN THANH KHÊ ĐÀ NẴNG	Nhập lãi tiền gửi	1121003	748
30/04/2025	BC 13	NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM - CHI NHÁNH QUẬN THANH KHÊ ĐÀ NẴNG	Nhập lãi tiền gửi	1121003	1.409
31/05/2025	BC 15	NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM - CHI NHÁNH QUẬN THANH KHÊ ĐÀ NẴNG	Nhập lãi tiền gửi	1121003	160
30/06/2025	BC 25	NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM - CHI NHÁNH QUẬN THANH KHÊ ĐÀ NẴNG	Nhập lãi tiền gửi	1121003	3.119
31/07/2025	BC 29	NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM - CHI NHÁNH QUẬN THANH KHÊ ĐÀ NẴNG	Nhập lãi tiền gửi	1121003	469
31/08/2025	BC 33	NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM - CHI NHÁNH QUẬN THANH KHÊ ĐÀ NẴNG	Nhập lãi tiền gửi	1121003	1.176
30/09/2025	BC 45	NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM - CHI NHÁNH QUẬN THANH KHÊ ĐÀ NẴNG	Nhập lãi tiền gửi	1121003	2.494
31/10/2025	BC 64	NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM - CHI NHÁNH QUẬN THANH KHÊ ĐÀ NẴNG	Nhập lãi tiền gửi	1121003	1.575
30/11/2025	BC 67	NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM - CHI NHÁNH QUẬN THANH KHÊ ĐÀ NẴNG	Nhập lãi tiền gửi	1121003	514
31/12/2025	BC 51	NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM - CHI NHÁNH QUẬN THANH KHÊ ĐÀ NẴNG	Nhập lãi tiền gửi	1121003	5.472
31/12/2025	PKT 202512		Kết chuyển thu nhập tài chính - 515, 911	911	18.091

Tổng phát sinh nợ: 18.091
Tổng phát sinh có: 18.091
Số dư cuối kỳ: 0
Ngày.....tháng.....năm.....

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký, họ tên)

2.2.3.3. Kế toán tổng hợp doanh thu tài chính.

* Sổ cái tài khoản 515

DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI HẢI ÂU						Mẫu số S03b-DN		
696 Điện Biên Phủ, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Tp Đà Nẵng						(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)		
SỔ CÁI CỦA MỘT TÀI KHOẢN								
Tài khoản: 515 - Doanh thu hoạt động tài chính								
Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025								
00								
Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Tk đối ứng	Số phát sinh	
	Số	Ngày		Trang số	Stt dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
31/01/2025	BC1	4	31/01/2025	Nhập lãi tiền gửi		1121003		721
28/02/2025	BC1	8	28/02/2025	Nhập lãi tiền gửi		1121003		234
31/03/2025	BC1	10	31/03/2025	Nhập lãi tiền gửi		1121003		748
30/04/2025	BC1	13	30/04/2025	Nhập lãi tiền gửi		1121003		1.409
31/05/2025	BC1	15	31/05/2025	Nhập lãi tiền gửi		1121003		160
30/06/2025	BC1	25	30/06/2025	Nhập lãi tiền gửi		1121003		3.119
31/07/2025	BC1	29	31/07/2025	Nhập lãi tiền gửi		1121003		469
31/08/2025	BC1	33	31/08/2025	Nhập lãi tiền gửi		1121003		1.176
30/09/2025	BC1	45	30/09/2025	Nhập lãi tiền gửi		1121003		2.494
31/10/2025	BC1	64	31/10/2025	Nhập lãi tiền gửi		1121003		1.575
30/11/2025	BC1	67	30/11/2025	Nhập lãi tiền gửi		1121003		514
31/12/2025	BC1	51	31/12/2025	Nhập lãi tiền gửi		1121003		5.472
31/12/2025	PK3	202512	31/12/2025	Kết chuyển thu nhập tài chính - 515, 911		911	18.091	
Tổng phát sinh nợ:							18.091	
Tổng phát sinh có:							18.091	
							00	
Ngày mở sổ: 11/05/2026								
NGƯỜI LẬP			KẾ TOÁN TRƯỞNG			GIÁM ĐỐC		
(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên)		

2.2.4. Kế toán chi phí tài chính

- Trong năm 2025, Doanh nghiệp không phát sinh chi phí tài chính.

2.2.5. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.

- Trong năm 2025, Doanh nghiệp không phát sinh tài khoản 6421

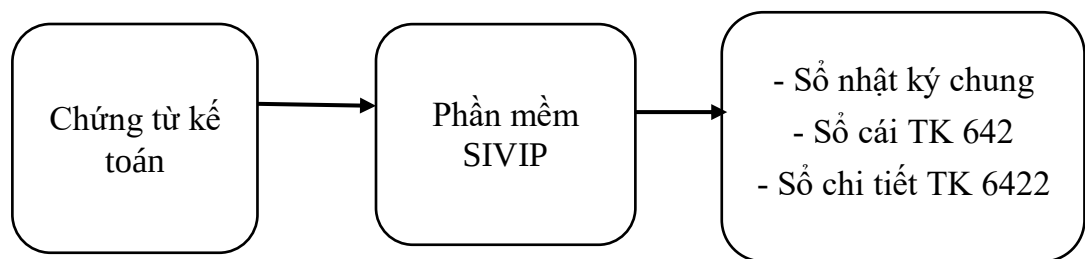
2.2.5.1. Quy trình kế toán:

Chi phí quản lý kinh doanh của công ty gồm: Phí, lệ phí, phí dịch vụ ngân hàng, xăng dầu, chi phí phân bổ, khấu hao tài sản cố định, sửa chữa-kiểm định xe, tiền phạt chậm nộp thuế, chi phí lương, chi phí trả trước.

* Chứng từ - tài khoản – sổ sách sử dụng:

- Chứng từ sử dụng:
 - + Hóa đơn GTGT
 - + Sổ phụ ngân hàng
 - + Giấy báo nợ có / phiếu chi
 - + Bảng thanh toán tiền lương

- + Bảng chấm công
- + Bảng phân bổ khấu hao
- Tài khoản sử dụng:
 - + Tài khoản 642: Chi phí quản lý kinh doanh
 - Tài khoản 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp
 - Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.
- Sổ sách sử dụng
 - + Sổ nhật ký chung: ghi nhận tất cả nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong doanh nghiệp.
 - + Sổ cái tài khoản 642: Phản ánh chi phí kinh doanh trong doanh nghiệp.
 - + Sổ chi tiết tài khoản 6422: Phản ánh chi phí quản lý trong doanh nghiệp.
- * Quy trình luân chuyển
 - + Căn cứ theo hóa đơn GTGT được lập, kế toán tiến hành hạch toán phiếu chi vào phần mềm. Phần mềm sẽ tự động cập nhập vào sổ chi tiết tài khoản 6422, sổ nhật ký chung, sổ cái tài khoản 642



Sơ đồ 2.9: Sơ đồ quy trình hạch toán chi phí kinh doanh tại doanh nghiệp

- Cuối tháng, kế toán thực hiện bút toán kết chuyển từ tài khoản 6422 sang tài khoản 642 để xác định chi phí kinh doanh của doanh nghiệp.

2.2.5.2. Kế toán chi tiết chi phí kinh doanh

- Nghiệp vụ: Ngày 01 tháng 01 năm 2025 Doanh nghiệp tư nhân thương mại Hải Âu nhận được hóa đơn của Trung tâm kinh doanh VNPT-Đà Nẵng-Chi nhánh tổng công ty dịch vụ viễn thông, số hóa đơn 12727 với giá trị 200.000 thuế suất 10%.

+ Quy trình hạch toán vào phần mềm.

- Tại giao diện phần mềm SIVIP của công ty, kế toán thực hiện các bước sau:

B1: Chọn chứng từ sau đó chọn giấy báo nợ, chọn mới để hạch toán

B2: Tiếp theo điền các thông tin mã khách hàng, loại phiếu chi, ngày lập và ngày hạch toán

B3: Kế toán bắt đầu nhập dữ liệu nội dung vào phần mềm.

B4: Sau khi nhập xong kế toán nhấn Lưu.

S Xem phiếu chi

Mã khách: KH0057 TRUNG TÂM KINH DOANH VNPT - ĐÀ NẴNG - CHI NHÁNH Số phiếu chi: SIV1P80T

Địa chỉ: Ngày lập: 01/01/2025

Người nhận tiền: Ngày hạch toán: 01/01/2025

Lý do chi: Chi tiền hóa đơn số 12727-K25THA Tỷ giá VND: 1.00

Loại phiếu chi: 9 Chi kèm hóa đơn GTGT Tỷ giá gs: 1.00

Tài khoản có: 111101 Tiền mặt Việt Nam Trạng thái: 2. Chuyển số cái

Chi tiết Thuế Thanh toán Chứng từ gốc

Thêm ↑ Lên ↓ Xuống Chép Xóa Kết xuất

	Tk nợ	Tên tài khoản	Tiền	Diễn giải
1	6422	Chi phí dịch vụ mua ngoài	200 000	Cước dịch vụ Viễn thông-Công nghệ th

☐ Theo dõi thanh toán ☐ Sửa tỷ giá ghi sổ

Tiền	200 000
Tiền thuế	20 000
Tổng thanh toán	220 000

Chép Mới Sửa Đóng

Hình 2.17. Giao diện hạch toán chi phí dịch vụ mua ngoài

* Sổ chi tiết tài khoản 6422

DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI HẢI ÂU

696 Điện Biên Phủ, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 6422 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

Chung từ		Khách hàng	Diễn giải	Số dư đầu kỳ:	
Ngày	Số			Tk đối ứng	Số phát sinh
01/01/2025	PC SIVIPBOT	TRUNG TÂM KINH DOANH VNPT - ĐÀ NẴNG - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY DỊCH VỤ VIỄN THÔNG	Cước dịch vụ Viễn thông-Cong nghệ thông tin tháng 12 năm 2024	111101	Nợ 200.000
...	...	...	...	...	...
28/02/2025	UNC 9	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI HẢI ÂU	Nợ tiền vào TK NH	1121003	5.000
...	...	...	...	...	...
26/03/2025	PC SIVIPBOT	CHI NHÁNH CÔNG TY CP XĂNG DẦU DẦU KHÍ PV OIL MIỀN TRUNG TẠI QUẢNG NAM	Dầu DO 0,05S-II	111101	909.091
...	...	...	...	...	...
10/04/2025	PC SIVIPBOT	TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI ĐÀ NẴNG	Xe ô tô có khối lượng hàng chuyển chờ cho phép tham gia giao thông trên 2 lần đến 7 lần	111101	330.000
...	...	...	...	...	...
16/05/2025	UNC 21	NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM - CHI NHÁNH QUẬN THANH KHÊ ĐÀ NẴNG	Tin phi DV SMS tháng 04/2025	1121003	50.000
...	...	...	...	...	...
26/06/2025	PC SIVIPBOT	CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VẠN TÀI XĂNG DẦU VẠN LỢI TẠI ĐÀ NẴNG	Xăng Ron 95 - III	111101	454.545
...	...	...	...	...	...
25/07/2025	UNC 34	CÔNG TY CỔ PHẦN TECHNO DYNAMICS	Phi CK	1121003	22.000
...	...	...	...	...	...
29/09/2025	UNC 47	NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM - CHI NHÁNH QUẬN THANH KHÊ ĐÀ NẴNG	Phi rút tiền	1121003	10.560
...	...	...	...	...	...
06/10/2025	UNC 65	NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM - CHI NHÁNH QUẬN THANH KHÊ ĐÀ NẴNG	Tin phi 2 cuốn sec	1121003	40.000
...	...	...	...	...	...
24/11/2025	PC SIVIPBOT	Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội	...	111101	53.561
...	...	...	...	...	...
31/12/2025	PKT 202512	...	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642	911	445.096.232
Tổng phát sinh nợ: 445.096.232				Số dư cuối kỳ: 0	
Tổng phát sinh có: 445.096.232				Số dư cuối kỳ: 0	

NGƯỜI LẬP

(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

Ngày:.....tháng.....năm.....

GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên)

2.2.5.3. Kế toán tổng hợp chi phí kinh doanh

* Sổ cái tài khoản 642

DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI HẢI ÂU 696 Điện Biên Phủ, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Tp Đà Nẵng				Mẫu số S03b-DN Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng (BTC)				
SỔ CÁI CỦA MỘT TÀI KHOẢN Tài khoản: 642 - Chi phí quản lý kinh doanh Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025								
Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Tk đối ứng	Số phát sinh	
	Số	Ngày		Trang số	Stt dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	I	2
01/01/2025	PC1	SIVIPBOT	01/01/2025	Cước dịch vụ Viễn thông-Công nghệ thông tin tháng 12 năm 2024		111101	200.000	
...			...					...
28/02/2025	BN1	9	28/02/2025	Nộp tiền vào TK NH		1121003	5.000	
...			...					...
13/03/2025	BN1	11	13/03/2025	Phí DV SMS tháng 03/2025		1121003	50.000	
...			...					...
10/04/2025	PC1	SIVIPBOT	10/04/2025	Xe ô tô tài có khối lượng hàng chuyển chờ cho phép tham gia giao thông trên 2 lần đến 7 lần		111101	330.000	
...			...					...
29/04/2025	PC1	SIVIPBOT	29/04/2025	Kiểm định cần trục ô tô Tadano TM-ZE304MH		111101	1.200.000	
...			...					...
27/05/2025	PC1	SIVIPBOT	27/05/2025	Dầu DO 0.05%S-II		111101	909.091	
...			...					...
26/06/2025	PC1	SIVIPBOT	26/06/2025	Xăng Ron 95 - III		111101	454.545	
...			...					...
25/07/2025	BN1	34	25/07/2025	Phí CK		1121003	22.000	
...			...					...
25/08/2025	BN1	42	25/08/2025	Thu phí quản lý TK tháng 08/2025		1121003	11.000	
...			...					...
29/09/2025	BN1	47	29/09/2025	Phí rút tiền		1121003	10.560	
...			...					...
06/10/2025	BN1	65	06/10/2025	Thu phí 2 cuốn sec		1121003	40.000	
...			...					...
24/11/2025	PC1	SIVIPBOT	24/11/2025			111101	53.561	
...			...					...
31/12/2025	PK3	202512	31/12/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642		911	...	445.096.232
Tổng phát sinh nợ:							445.096.232	
Tổng phát sinh có:							445.096.232	
Số dư cuối kỳ:							0	
Ngày mở sổ: 09/05/2026							Ngày.....tháng.....năm.....	
NGƯỜI LẬP				KẾ TOÁN TRƯỞNG				
(Ký, họ tên)				(Ký, họ tên)				
				GIÁM ĐỐC				
				(Ký, họ tên)				
				Ngày.....tháng.....năm.....				

2.2.6. Kế toán thu nhập khác

- Trong năm 2025, công ty không phát sinh thu nhập khác

2.2.7. Kế toán chi phí khác

- Trong năm 2025, công ty không phát sinh chi phí khác

2.2.8. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

2.2.8.1. Quy trình kế toán:

Thuế thu nhập doanh nghiệp là loại thuế trực thu, đánh vào thu nhập chịu thuế của doanh nghiệp, gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ

* Chứng từ - tài khoản - sổ sách sử dụng:

- Chứng từ sử dụng:

- + Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp (mẫu số 03/TNDN).

- + Phụ lục kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (mẫu 03-1A/TNDN).

- Tài khoản sử dụng:

- + Tài khoản 821: Chi phí thuế TNDN

Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ.

- Sổ sách sử dụng:

- + Sổ nhật ký chung: ghi nhận lại tất cả nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong doanh

- nghiệp.

- + Sổ cái tài khoản 821: Phản ánh chi phí thuế TNDN trong doanh nghiệp.

* Quy trình luân chuyển chứng từ:

- Cuối kỳ kế toán, sau khi hoàn thành lập báo cáo tài chính kế toán tiến hành lập tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Kế toán vào phần mềm HTKK => chọn mục thuế thu nhập doanh nghiệp => chọn tờ khai Quyết toán thuế TNDN (03/TNDN)(TT80/2021) => chọn thời gian => nhập từ XML.

* Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp (mẫu số 03/TNDN)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Mẫu số: 03/TNDN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (MẪU SỐ 03/TNDN)
(Áp dụng đối với phương pháp doanh thu - chi phí)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2025 Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025
[02] Lần đầu: [] [03] Bổ sung lần thứ: [1]

[04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất: G47 - Bán lẻ
[05] Tỷ lệ (%): 100,00 %
[06] Tên người nộp thuế: DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN TM HẢI ÂU
[07] Mã số thuế: 0400519167

[08] Tên đại lý thuế (nếu có):
[09] Mã số thuế:
[10] Hợp đồng đại lý thuế: Số Ngày:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Mã chi tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
A	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính	A	
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	A1	43.472.401
B	Xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp	B	
1	Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B1= B2+B3+B4+B5+B6+B7)	B1	0
1.1	Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu	B2	0
1.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh giảm	B3	0
1.3	Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	B4	0
1.4	Thuế thu nhập đã nộp cho phần thu nhập nhận được ở nước ngoài	B5	0
1.5	Điều chỉnh tăng lợi nhuận do xác định giá thị trường đối với giao dịch liên kết	B6	0
1.6	Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế khác	B7	0
2	Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B8=B9+B10+B11+B12)	B8	0
2.1	Giảm trừ các khoản doanh thu đã tính thuế năm trước	B9	0
2.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh tăng	B10	0
2.3	Chi phí lãi vay không được trừ kỳ trước được chuyển sang kỳ này của doanh nghiệp có giao dịch liên kết	B11	0
2.4	Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế khác	B12	0
3	Tổng thu nhập chịu thuế (B13=A1+B1-B8)	B13	43.472.401
3.1	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	B14	43.472.401
3.2	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	B15	0
C	Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh		
1	Thu nhập chịu thuế (C1 = B14)	C1	43.472.401
2	Thu nhập miễn thuế	C2	0
			0
	Loại thu nhập miễn thuế		
3	Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ (C3=C3a+C3b)	C3	0
	Trong đó:		
3.1	+ Lỗ từ hoạt động SXKD được chuyển trong kỳ	C3a	0
3.2	+ Lỗ từ chuyển nhượng BĐS được bù trừ với lãi của hoạt động SXKD	C3b	0

69

4	Thu nhập tính thuế (TNTT) (C4=C1-C2-C3)	C4	43.472.401
5	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	C5	0
6	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (C6=C4-C5=C7+C8)	C6	43.472.401
	Trong đó:		
6.1	+ Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất 15%	C7	43.472.401
6.2	+ Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất không ưu đãi khác	C8	0
6.3	+ Thuế suất không ưu đãi khác (%)	C8a	0
7	Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất không ưu đãi(C9=(C7 x 15%) + (C8 x C8a))	C9	6.520.860
8	Thuế TNDN được ưu đãi theo Luật thuế TNDN(C10 = C11 + C12 + C13)	C10	0
	Trong đó:		
8.1	+ Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi	C11	0
8.2	+ Thuế TNDN được miễn trong kỳ	C12	0
8.3	+ Thuế TNDN được giảm trong kỳ	C13	0
9	Thuế TNDN được miễn, giảm theo Hiệp định thuế	C14	0
10	Thuế TNDN được miễn, giảm theo từng thời kỳ	C15	0
11	Thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế	C16	0
12	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh(C17=C9-C10-C14-C15-C16)	C17	6.520.860
D	Thuế TNDN phải nộp từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	D	
1	Thu nhập chịu thuế (D1 = B15)	D1	0
2	Lỗ từ hoạt động chuyển nhượng BĐS được chuyển trong kỳ	D2	0
3	Thu nhập tính thuế (D3=D1-D2)	D3	0
4	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	D4	0
5	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (D5=D3-D4)	D5	0
6	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS trong kỳ	D6	0
7	Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua	D7	0
8	Thuế TNDN của hoạt động chuyển nhượng BĐS còn phải nộp kỳ này (D8=D6-D7)	D8	0
E	Số thuế TNDN phải nộp quyết toán trong kỳ (E=E1+E2+E5)	E	6.520.860
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh	E1	6.520.860
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản (E2=E3+E4)	E2	0
2.1	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	E3	0
2.2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	E4	0
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có)	E5	0
3.1	Trong đó thuế TNDN từ xử lý Quỹ phát triển khoa học công nghệ	E6	0
G	Số thuế TNDN đã tạm nộp (G=G1+G2+G3+G4+G5)	G	0
1	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh		0
1.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	G1	0
1.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm	G2	0
2	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS		0
2.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G3	0
2.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G4	0
2.3	Thuế TNDN đã tạm nộp các kỳ trước và trong năm quyết toán của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	G5	0

H	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp	H	
1	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động sản xuất kinh doanh ($H1=E1+E5-G2$)	H1	6.520.860
2	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS ($H2=E3-G4$)	H2	0
3	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ ($H3=E4-G5$)	H3	0
I	Số thuế TNDN còn phải nộp đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán thuế ($I=E-G=I1+I2$)	I	6.520.860
1	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh	$I1=E1+E5-G1-G2$	6.520.860
2	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS	$I2=E2-G3-G4-G5$	0

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./...

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

Ngày 31 tháng 03 năm 2026

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP
THUẾ**

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Đặng Thị Lý

Ghi chú:

1. TNDN: Thu nhập doanh nghiệp; BĐS: Bất động sản;
2. Chi tiêu G1, G3: NNT kê khai số thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang bù trừ với số thuế TNDN phải nộp kỳ này
3. Chi tiêu D11, G2, G4, G5: NNT kê khai số thuế TNDN đã tạm nộp vào NSNN tính đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán. Ví dụ: NNT có kỳ tính thuế từ 01/01/2021 đến 31/12/2021 thì số thuế TNDN đã tạm nộp trong năm là số thuế TNDN đã nộp cho kỳ tính thuế năm 2021 tính từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/3/2022.
4. Trường hợp NNT là doanh nghiệp xổ số có hoạt động sản xuất kinh doanh khác hoạt động kinh doanh xổ số thì NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp của hoạt động kinh doanh xổ số vào chi tiêu E1, số thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh khác vào chi tiêu E2, E3.
5. Các chi tiêu E, G: NNT không kê khai số thuế TNDN phải nộp, đã tạm nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi khác tính đã kê khai riêng.
6. Chi tiêu E4, G5, H3: NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp, đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà được bàn giao kỳ này và có thu tiền ứng trước của khách hàng theo tiến độ (bao gồm số tiền đã thu của các kỳ trước và kỳ này).
7. Hạch toán số tiền 6.520.860 vào tiểu mục 1052: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động sản xuất kinh doanh (gồm cả dịch vụ trong lĩnh vực dầu khí)
8. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1056: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu, khí thiên nhiên (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp thu theo hiệp định, hợp đồng thăm dò, khai thác dầu khí)
9. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1057: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động xổ số kiến thiết
10. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1053: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ chuyển nhượng bất động sản



Ký điện tử bởi: **DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI HẢI ÂU**
Ngày ký: 12/05/2026 08:31:53.

*Phụ lục kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (mẫu 03-1A/TNDN).

PHỤ LỤC KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH Áp dụng đối với ngành sản xuất, thương mại, dịch vụ (trừ công ty an ninh, quốc phòng) (Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)				Mẫu số: 03-1A/TNDN (Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)
[01] Kỳ tính thuế: Năm 2025				
[02] Tên người nộp thuế: DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN TM HẢI ÂU				
[03] Mã số thuế: 0400519167				
Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam				
STT	Chi tiêu	Mã chi tiêu	Số tiền	
(1)	(2)	(3)	(4)	
	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính:			
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	[04]	2.423.140.858	
	Trong đó: - Doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu	[05]	0	
2	Các khoản giảm trừ doanh thu ([06]=[07]+[08]+[09])	[06]	0	
a	Chiết khấu thương mại	[07]	0	
b	Giảm giá hàng bán	[08]	0	
c	Giá trị hàng bán bị trả lại	[09]	0	
3	Doanh thu hoạt động tài chính	[10]	18.091	
	Trong đó: Doanh thu từ lãi tiền gửi	[11]	18.091	
4	Chi phí sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ ([12]=[13]+[14]+[15])	[12]	2.379.686.548	
a	Giá vốn hàng bán	[13]	1.934.590.316	
b	Chi phí bán hàng	[14]	0	
c	Chi phí quản lý doanh nghiệp	[15]	445.096.232	
5	Chi phí tài chính	[16]	0	
	Trong đó: Chi phí lãi tiền vay	[17]	0	
6	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh([18]=[04]-[06]+[10]-[12]-[16])	[18]	43.472.401	
7	Thu nhập khác	[19]	0	
8	Chi phí khác	[20]	0	
9	Lợi nhuận khác ([21]=[19]-[20])	[21]	0	
10	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp ([22]=[18]+[21])	[22]	43.472.401	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai/...

Ngày 31 tháng 03 năm 2026

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:
Chứng chỉ hành nghề số:

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Đặng Thị Lý

Ghi chú: Số liệu chi tiêu [22] được tổng hợp vào chi tiêu A1 của Tờ khai 03/TNDN

 Ký điện tử bởi: DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI HẢI ÂU
Ngày ký: 12/05/2026 08:31:53.

*** Sổ cái tài khoản 821**

DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI HẢI ÂU 696 Điện Biên Phủ, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Tp Đà Nẵng						Mẫu số S03b-DN (Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)			
SỔ CÁI CỦA MỘT TÀI KHOẢN Tài khoản: 821 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025									
						Số dư đầu kỳ: 0			
Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Tk đối ứng	Số phát sinh		
	Số	Ngày		Trang số	Stt dòng		Nợ	Có	
A	B	C	D	E	G	H	1	2	
31/12/2025	PK1	6	31/12/2025	Ghi nhận thuế TNDN năm 2025		3334	6.520.860		
31/12/2025	PK3	202512	31/12/2025	Kết chuyển chi phí thuế TNDN hiện hành - 911, 821		911		6.520.860	
Tổng phát sinh nợ:							6.520.860		
Tổng phát sinh có:							6.520.860		
Số dư cuối kỳ:							0		
Ngày mở sổ: 09/05/2026									
NGƯỜI LẬP <i>(Ký, họ tên)</i>			KẾ TOÁN TRƯỞNG <i>(Ký, họ tên)</i>			Ngày.....tháng.....năm..... GIÁM ĐỐC <i>(Ký, họ tên)</i>			

2.2.9. Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh

2.2.9.1. Quy trình kế toán

Cuối kỳ kế toán, kế toán xác định kết quả kinh doanh: kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác để xác định lãi hay lỗ trong năm tài chính.

* Chứng từ - tài khoản - sổ sách sử dụng:

- Chứng từ sử dụng:

+ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu B02-DNN)

- Tài khoản sử dụng:

+ Tài khoản 911: xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

- Sổ sách sử dụng:

+ Sổ nhật ký chung: ghi nhận lại tất cả nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong doanh nghiệp.

+ Sổ cái tài khoản 911: Phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp.

* Quy trình luân chuyển chứng từ

- Cuối kỳ kế toán, kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển doanh thu, chi phí phát sinh từ hoạt động kinh doanh sang tài khoản 911. Sau khi thực hiện xong kế toán xác định lãi lỗ để kết chuyển sang tài khoản 421 để xác định kết quả kinh doanh trong năm tài chính. Khi hoàn thành kế toán xuất các báo cáo tài chính và hoàn thành dữ liệu trên HTKK để hoàn thành báo cáo tài chính.

* Sổ cái tài khoản 911

DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI HẢI ÂU						Mẫu số S03b-DN		
696 Điện Biên Phủ, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Tp Đà Nẵng						(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)		
SỔ CÁI CỦA MỘT TÀI KHOẢN								
Tài khoản: 911 - Xác định kết quả kinh doanh								
Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025								
							Số dư đầu kỳ:	0
Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Tk đối ứng	Số phát sinh	
	Số	Ngày		Trang số	Stt dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
31/12/2025	PK3	202512	31/12/2025	Kết chuyển giá vốn hàng bán vào KQKD - 911, 632		6321	1.934.590.316	
31/12/2025	PK3	202512	31/12/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642		6422	445.096.232	
31/12/2025	PK3	202512	31/12/2025	Kết chuyển chi phí thuế TNDN hiện hành - 911, 821		8211	6.520.860	
31/12/2025	PK3	202512	31/12/2025	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 511, 911		5111		2.320.464.931
31/12/2025	PK3	202512	31/12/2025	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 511, 911		5113		102.675.927
31/12/2025	PK3	202512	31/12/2025	Kết chuyển thu nhập tài chính - 515, 911		5151		18.091
31/12/2025	PK3	202512	31/12/2025	Kết chuyển lãi (lỗ) phát sinh trong kỳ - 911, 4212		4212	36.951.541	
							Tổng phát sinh nợ:	2.423.158.949
							Tổng phát sinh có:	2.423.158.949
							Số dư cuối kỳ:	0
Ngày mở sổ: 09/05/2026								
NGƯỜI LẬP			KẾ TOÁN TRƯỞNG			GIÁM ĐỐC		
(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên)		

- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

PHỤ LỤC		BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
Năm 2025				
[02] Tên người nộp thuế: DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN TM HẢI ÂU				
[03] Mã số thuế: 0400519167				
Đơn vị tiền: đồng Việt Nam				
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		2.423.140.858	4.374.211.208
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		2.423.140.858	4.374.211.208
4. Giá vốn hàng bán	11		1.934.590.316	4.037.596.043
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		488.550.542	336.615.165
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		18.091	22.550
7. Chi phí tài chính	22		0	0
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	0
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		445.096.232	407.821.334
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30		43.472.401	(71.183.619)
10. Thu nhập khác	31		0	50.853
11. Chi phí khác	32		0	0
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		0	50.853
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		43.472.401	(71.132.766)
14. Chi phí thuế TNDN	51		6.520.860	0
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	60		36.951.541	(71.132.766)

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, Ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, Ghi rõ họ tên)

Lập ngày 12 tháng 05 năm 2026

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP

LUẬT

(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)

Đặng Thị Lý

Ký điện tử bởi: DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI HẢI ÂU

Ngày ký: 12/05/2026 08:32:31.

* Sổ nhật ký chung

- Quy trình và giao diện mở sổ nhật ký chung.

+ Để mở sổ nhật ký chung phần mềm kế toán Sivip, kế toán thực hiện các bước sau:

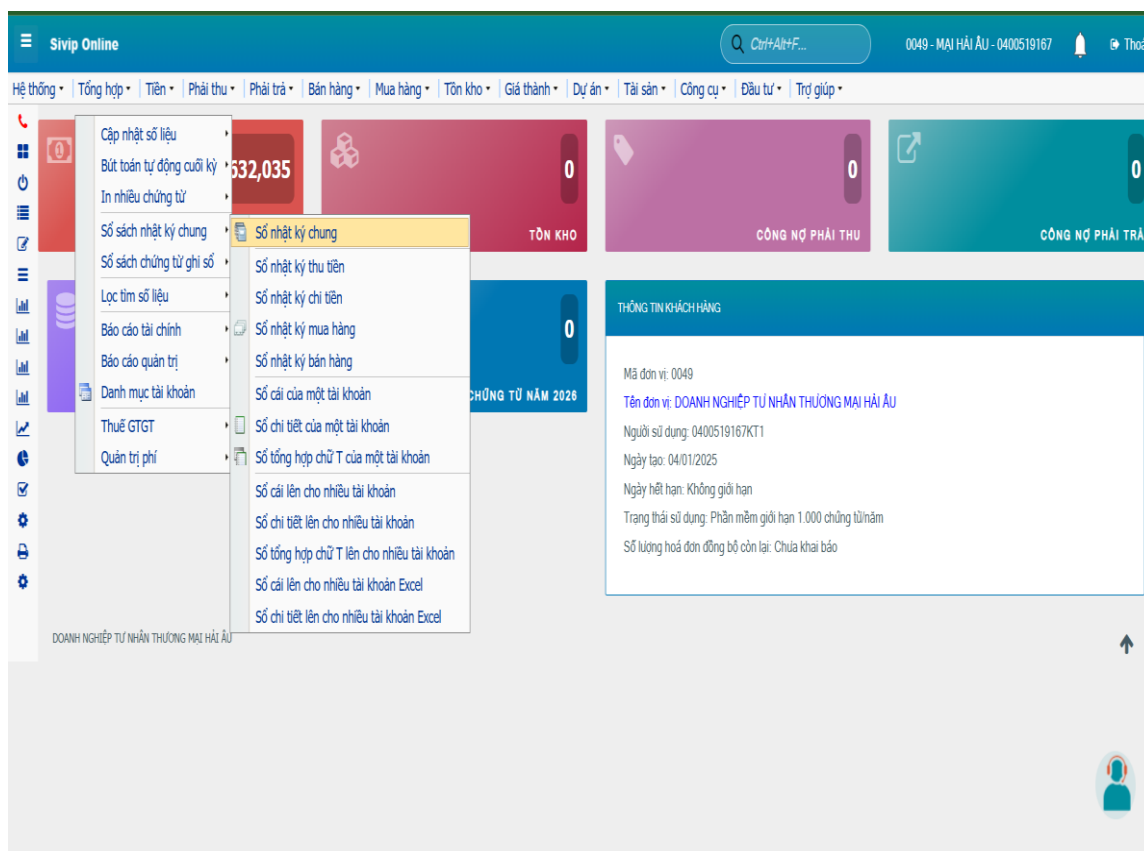
B1: Tại màn hình giao diện phần mềm nhấn chọn Tổng hợp

B2: Tại mục tổng hợp chọn Sổ sách nhật ký chung.

B3: Tại mục sổ sách nhật ký chung chọn Sổ nhật ký chung.

B4: Chọn chu kỳ theo tháng, quý hoặc cả năm.

B5: Cuối cùng chọn nhận



Hình 2.18. Giao diện mở sổ nhật ký chung.

DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI HẢI ÂU

696 Điện Biên Phủ, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng

Mẫu số S03a-DN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	Stt dòng	Số hiệu tk đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
01/01/2025	PC1	SIVIPBOT	01/01/2025				220.000	220.000
			Chi tiền hóa đơn số 12727-K25THA					
			- TRUNG TÂM KINH DOANH VNPT - ĐÀ NẴNG - CHI NHÁNH					
			TỔNG CÔNG TY DỊCH VỤ VIỄN THÔNG					
			Chi phí dịch vụ mua ngoài	✓		6422	200.000	
			Tiền mặt Việt Nam	✓		111101		200.000
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hoá dịch vụ	✓		13311	20.000	
			Tiền mặt Việt Nam	✓		111101		20.000
...			...			...		...
19/02/2025	HDA	7	19/02/2025				19.440.000	19.440.000
			Bán hàng					
			- CÔNG TY CP THUỶ ĐIỆN A VƯƠNG					
			Phải thu ngắn hạn khách hàng: Hđ SXKD (VND)	✓		131111	18.000.000	
			Doanh thu bán dịch vụ Nội địa	✓		5113		18.000.000
			Phải thu ngắn hạn khách hàng: Hđ SXKD (VND)	✓		131111	1.440.000	
			Thuế GTGT đầu ra phải nộp	✓		33311		1.440.000

...			...		...		...
28/03/2025	PNA	28/03/2025	Mua hàng nhập kho hóa đơn số 6193-C25IPT - CÔNG TY TNHH THANH PHÚ			1.403.716	1.403.716
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hoá dịch vụ	✓	13311	1.403.716	
			Phải trả ngắn hạn người bán: HĐ SXKD (VND)	✓	331111		1.403.716
...			...		...		...
04/04/2025	BN1	13 04/04/2025	CK Cty Tư Hưng - CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TƯ HƯNG			63.401.724	63.401.724
			Phải trả ngắn hạn người bán: HĐ SXKD (VND)	✓	331111	63.379.724	
			Tiền VND gửi ngân hàng - Agribank	✓	1121003		63.379.724
			Chi phí khác bằng tiền	✓	6422	22.000	
			Tiền VND gửi ngân hàng - Agribank	✓	1121003		22.000
...			...		...		...
31/05/2025	PK7	202505 31/05/2025	Bút toán phân bổ CCDC			2.714.283	2.714.283
			Chi phí khác bằng tiền	✓	6422	987.417	
			Chi phí trả trước ngắn hạn khác	✓	24218		987.417
			Chi phí khác bằng tiền	✓	6422	1.726.866	
			Chi phí trả trước dài hạn khác	✓	24228		1.726.866
...			...		...		...
30/06/2025	PK5	202506 30/06/2025	Bút toán phân bổ khấu hao TSCĐ			18.247.292	18.247.292
			Chi phí khấu hao TSCĐ	✓	6422	18.247.292	
			Hao mòn phương tiện vận tải	✓	21413		18.247.292
...			...		...		...
25/07/2025	HDA	49 25/07/2025	Bán hàng - CÔNG TY CP THUỶ ĐIỆN A VƯƠNG			15.134.524	15.134.524
			Giá vốn hàng bán: hàng hoá, thành phẩm	✓	6321	14.524	
			Chi phí NVL dở dang	✓	1541		14.524
			Phải thu ngắn hạn khách hàng: HĐ SXKD (VND)	✓	131111	14.000.000	
			Doanh thu bán dịch vụ: Nội địa	✓	5113		14.000.000
			Phải thu ngắn hạn khách hàng: HĐ SXKD (VND)	✓	131111	1.120.000	
			Thuế GTGT đầu ra phải nộp	✓	33311		1.120.000
...			...		...		...
20/08/2025	HDA	55 20/08/2025	Bán hàng - CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN VIỆT			75.798.346	75.798.346
			Giá vốn hàng bán: hàng hoá, thành phẩm	✓	6321	34.910.007	
			Giá mua hàng hóa	✓	1561		34.910.007
			Phải thu ngắn hạn khách hàng: HĐ SXKD (VND)	✓	131111	37.171.217	
			Doanh thu bán hàng hóa: Nội địa	✓	5111		37.171.217
			Phải thu ngắn hạn khách hàng: HĐ SXKD (VND)	✓	131111	3.717.122	
			Thuế GTGT đầu ra phải nộp	✓	33311		3.717.122
...			...		...		...
01/09/2025	PC1	SIVIPBOT 01/09/2025	Chi tiền hóa đơn số 1079273-K25THA - TRUNG TÂM KINH DOANH VNPT - ĐÀ NẴNG - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY DỊCH VỤ VIỄN THÔNG			220.000	220.000
			Chi phí dịch vụ mua ngoài	✓	6422	200.000	
			Tiền mặt Việt Nam	✓	111101		200.000
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hoá dịch vụ	✓	13311	20.000	
			Tiền mặt Việt Nam	✓	111101		20.000
...			...		...		...
31/10/2025	BC1	64 31/10/2025	Nhập lãi tiền gửi - NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM - CHI NHÁNH QUẬN THANH KHÊ ĐÀ			1.575	1.575
			Tiền VND gửi ngân hàng - Agribank	✓	1121003	1.575	
			Lãi tiền cho vay, tiền gửi	✓	5151		1.575
...			...		...		...
06/11/2025	PC1	IVIPBOT 06/11/2025	Chi tiền hóa đơn số 2560420-C25MXD			500.000	500.000
			Chi phí máy thi công dở dang	✓	1543	462.963	
			Tiền mặt Việt Nam	✓	111101		462.963
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hoá dịch vụ	✓	13311	37.037	
			Tiền mặt Việt Nam	✓	111101		37.037
...			...		...		...
31/12/2025	PK3	202512 31/12/2025	Kết chuyển lãi (lỗ) phát sinh trong kỳ - 911, 4212			36.951.541	36.951.541
			Xác định kết quả kinh doanh	✓	911	36.951.541	
			Lợi nhuận chưa phân phối năm nay	✓	4212		36.951.541
Tổng cộng						32.258.745.850	32.258.745.850
Sổ này có ... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...							
Ngày mở sổ: 12/05/2026							
NGƯỜI GHI SỔ				KẾ TOÁN TRƯỞNG		Ngày.....tháng.....năm.....	
(Ký, họ tên)				(Ký, họ tên)		GIÁM ĐỐC	
						(Ký, họ tên, đóng dấu)	

CHƯƠNG 3: ĐÁNH GIÁ VÀ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẠI DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI HẢI ÂU

3.1 Đánh giá chung

3.1.1 Đánh giá chung về công tác kế toán tại đơn vị

*** Tổ chức bộ máy kế toán**

- Doanh nghiệp tư nhân thương mại Hải Âu tổ chức bộ máy kế toán theo mô hình tương đối đơn giản, phù hợp với quy mô hoạt động của doanh nghiệp. Việc kết hợp giữa kế toán nội bộ và dịch vụ kế toán bên ngoài giúp doanh nghiệp vừa đảm bảo kiểm soát hoạt động tài chính, vừa tiết kiệm chi phí nhân sự.
- Kế toán nội bộ chịu trách nhiệm theo dõi các nghiệp vụ phát sinh hàng ngày, kiểm tra chứng từ và phối hợp với kế toán dịch vụ. Trong khi đó, kế toán dịch vụ đảm nhận việc lập báo cáo tài chính, báo cáo thuế và quyết toán theo quy định. Sự phân công này giúp nâng cao hiệu quả công việc và đảm bảo tuân thủ đúng chế độ kế toán hiện hành.

*** Hình thức ghi sổ kế toán**

- Doanh nghiệp áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung, đây là hình thức phổ biến, dễ thực hiện và phù hợp với các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Hình thức này giúp việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được thực hiện một cách hệ thống, logic và dễ kiểm tra, đối chiếu.
- Các nghiệp vụ sau khi được ghi nhận vào sổ Nhật ký chung sẽ tự động được cập nhật vào sổ cái và các sổ chi tiết liên quan, đảm bảo tính liên kết và chính xác của thông tin kế toán.

*** Tổ chức kế toán máy**

- Doanh nghiệp sử dụng phần mềm kế toán SIVIP để hỗ trợ công tác kế toán. Việc ứng dụng phần mềm giúp:
 - + Tự động hóa quá trình ghi sổ kế toán
 - + Giảm thiểu sai sót trong quá trình tính toán
 - + Nâng cao tốc độ xử lý thông tin
 - + Dễ dàng tra cứu, kiểm tra và lập báo cáo

3.1.2. Đánh giá về kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh

3.1.1.1. Ưu điểm

*** Hệ thống chứng từ**

Doanh nghiệp sử dụng hệ thống chứng từ tương đối đầy đủ và hợp lý như: hóa đơn GTGT, phiếu xuất kho, phiếu thu, giấy báo có,... Các chứng từ được lập đúng quy

định, có đầy đủ chữ ký và được lưu trữ khoa học, tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra và đối chiếu.

*** Phương pháp hoạch toán hàng tồn kho**

Doanh nghiệp áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên kết hợp với phương pháp tính giá xuất kho bình quân gia quyền cuối kỳ. Phương pháp này giúp phản ánh kịp thời tình hình biến động hàng tồn kho và phù hợp với đặc điểm kinh doanh của doanh nghiệp thương mại.

*** Nghiệp vụ bán hàng**

- Quy trình bán hàng được tổ chức chặt chẽ, từ khâu tiếp nhận đơn hàng, kiểm tra tồn kho, lập hóa đơn, xuất kho đến ghi nhận doanh thu. Các nghiệp vụ bán hàng được hạch toán kịp thời, chính xác thông qua phần mềm kế toán.

- Doanh thu bán hàng và doanh thu cung cấp dịch vụ được theo dõi riêng biệt trên các tài khoản 5111 và 5113, giúp doanh nghiệp dễ dàng phân tích hiệu quả từng hoạt động.

*** Chế độ kế toán áp dụng**

Doanh nghiệp áp dụng chế độ kế toán theo Thông tư 133/2016/TT-BTC, phù hợp với loại hình doanh nghiệp nhỏ và vừa. Việc áp dụng đúng chế độ kế toán giúp đảm bảo tính hợp pháp, minh bạch của thông tin tài chính và đáp ứng yêu cầu quản lý của Nhà nước.

3.1.1.2. Nhược điểm

Bên cạnh những ưu điểm đạt được, công tác kế toán tại doanh nghiệp vẫn còn một số hạn chế như sau:

DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI HẢI ÂU
696 Điện Biên Phủ, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Tp Đà Nẵng

Mẫu số 02-VT
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-
BTC ngày 26/08/2016
của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 20 tháng 08 năm 2025

Số: 55

Họ và tên người nhận hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN VIỆT
Địa chỉ (bộ phận): 228 Tôn Đức Thắng, Phường Hòa Khánh, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Nợ: 131111

Lý do xuất kho: Bán hàng

Có: 1561

Xuất tại kho (ngăn lỗ): 0049CTY

Địa điểm:

Stt	Tên vật tư	Mã vật tư	Dvt	Số lượng		Giá	Tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Thép hộp mạ kẽm 20x40	HH0028	Kg		465,120	15.566,398	7.240.243
2	Thép hộp mạ kẽm các loại	HH0034	Kg		1.634,800	16.925,473	27.669.764
Tổng cộng							34.910.007

Số tiền (viết bằng chữ): Ba mươi bốn triệu, chín trăm mười nghìn, không trăm linh bảy đồng chẵn

Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 20 tháng 08 năm 2025

NGƯỜI LẬP	NGƯỜI NHẬN HÀNG	THỦ KHO	KẾ TOÁN TRƯỞNG	GIÁM ĐỐC
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)

- Phần mềm kế toán của doanh nghiệp còn tồn tại sai sót trong việc tự động hạch toán trên Phiếu xuất kho. Cụ thể, đối với nghiệp vụ xuất kho bán hàng, hệ thống hiển thị bút toán Nợ TK 13111/Có TK 1561, trong khi theo chế độ kế toán hiện hành, bút toán phản ánh giá vốn hàng bán phải là Nợ TK 6321/Có TK 1561. Sai sót này có thể dẫn đến việc ghi nhận không chính xác giá vốn hàng bán, ảnh hưởng đến tính chính xác của số liệu kế toán và báo cáo tài chính.
- Bộ máy kế toán còn đơn giản, phụ thuộc nhiều vào dịch vụ kế toán bên ngoài, có thể ảnh hưởng đến tính chủ động trong công tác quản lý tài chính.
- Việc kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa các bộ phận đôi khi chưa được thực hiện thường xuyên, tiềm ẩn rủi ro sai sót.
- Một số quy trình kế toán vẫn mang tính thủ công, chưa khai thác tối đa các tính năng của phần mềm kế toán.

3.2. Khuyến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị

- Doanh nghiệp cần rà soát và thiết lập lại các tham số hạch toán tự động trên phần mềm kế toán để đảm bảo hệ thống tự động ghi nhận đúng tài khoản theo từng loại nghiệp vụ phát sinh. Đồng thời, kế toán viên nên thường xuyên kiểm tra, đối chiếu

bút toán sau khi phần mềm xử lý nhằm kịp thời phát hiện và điều chỉnh các sai sót, góp phần nâng cao độ chính xác và tin cậy của thông tin kế toán.

- Hoàn thiện bộ máy kế toán: Doanh nghiệp nên tăng cường vai trò của kế toán nội bộ, hạn chế phụ thuộc quá nhiều vào dịch vụ kế toán bên ngoài nhằm nâng cao tính chủ động và bảo mật thông tin.

- Tăng cường kiểm tra, đối chiếu số liệu: Cần thực hiện đối chiếu thường xuyên giữa kế toán và các bộ phận liên quan như kho, kinh doanh để đảm bảo số liệu chính xác, kịp thời phát hiện sai sót.

- Nâng cao hiệu quả sử dụng phần mềm kế toán: Khai thác tối đa các chức năng của phần mềm SIVIP, đặc biệt là các báo cáo phân tích nhằm hỗ trợ tốt hơn cho công tác quản lý và ra quyết định.

- Hoàn thiện quy trình kế toán bán hàng: Xây dựng quy trình kiểm soát chặt chẽ hơn từ khâu lập chứng từ đến ghi nhận doanh thu, đảm bảo tính minh bạch và chính xác.

- Nâng cao trình độ nhân viên kế toán: Thường xuyên cập nhật các quy định mới về kế toán, thuế và nâng cao kỹ năng sử dụng phần mềm nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong công tác kế toán.

KẾT LUẬN

Kế toán bán hàng là quá trình ghi nhận và phân tích toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến hoạt động tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp. Nội dung của công tác này bao gồm việc phản ánh doanh thu bán hàng, các khoản chi phí liên quan cũng như kết quả lợi nhuận đạt được từ hoạt động kinh doanh. Việc tổ chức tốt kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh không chỉ giúp cung cấp thông tin tài chính có độ chính xác và tin cậy cao mà còn là cơ sở quan trọng để doanh nghiệp đánh giá hiệu quả hoạt động, phát hiện những ưu điểm, hạn chế trong từng giai đoạn, từ đó đề ra các biện pháp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả và đảm bảo sự phát triển bền vững.

Trong quá trình học tập, nghiên cứu và đặc biệt là thời gian thực tập tại Doanh nghiệp tư nhân Thương mại Hải Âu, em đã có điều kiện vận dụng những kiến thức lý thuyết đã được trang bị vào thực tế công việc. Qua đó, em không chỉ hiểu rõ hơn về quy trình kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh mà còn tích lũy thêm nhiều kinh nghiệm thực tiễn hữu ích cho công việc sau này. Đồng thời, trên cơ sở quan sát và tìm hiểu thực tế, em cũng đã mạnh dạn đưa ra một số ý kiến nhằm góp phần hoàn thiện hơn công tác kế toán tại đơn vị.

Em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của giảng viên hướng dẫn Th.S Nguyễn Xuân Hiệp, cùng sự giúp đỡ của các anh chị trong doanh nghiệp đã tạo điều kiện thuận lợi để em hoàn thành đề tài này. Bên cạnh đó, em cũng rất mong nhận được những ý kiến đóng góp quý báu từ quý thầy cô để bài khóa luận được hoàn thiện hơn, đồng thời giúp em nâng cao kiến thức và kỹ năng cho quá trình làm việc trong tương lai.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên thực hiện

Nguyễn Thị Liễu

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thông tư 133/2016/TT-BTC ban hành ngày 26 tháng 8 năm 2016 của Bộ Tài Chính ban hành
2. Tham khảo các trang website
 - <https://thuvienphapluat.vn/>
 - <https://baocaotaichinh.vn/>
 - <https://ketoanthienung.net/>

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 05 năm 2026

MẪU ĐƠN KHAI BÁO SỬ DỤNG AI

Khai báo của Sinh viên về việc Sử dụng Trí tuệ Nhân tạo Tạo sinh có Trách nhiệm

Tôi, Nguyễn Thị Liễu, cam đoan rằng tôi đã sử dụng có trách nhiệm các công cụ Trí tuệ Nhân tạo Tạo sinh (GenAI) trong quá trình chuẩn bị Khoá luận này.

Bằng việc ký vào đơn này, tôi xác nhận các nội dung sau:

1. Khai báo sử dụng AI

Vui lòng cho biết bạn có sử dụng bất kỳ công cụ AI tạo sinh nào (ví dụ: ChatGPT, Gemini, v.v.) trong việc tạo ra bài làm này hay không:

- ☒ **Có**, tôi có sử dụng các công cụ AI trong bài đánh giá này.
- ☐ **Không**, tôi không sử dụng bất kỳ công cụ AI nào.

2. Chi tiết về việc sử dụng AI (Nếu bạn chọn "Có" ở trên)

- Các công cụ AI đã sử dụng:**

Chat GPT

- Mục đích sử dụng AI** (ví dụ: tìm ý tưởng, soạn thảo, tóm tắt, chỉnh sửa):

Tìm ý tưởng

- Các phần cụ thể có sự hỗ trợ của AI:**

Nhiệm vụ của Doanh Nghiệp Tư Nhân Thương Mại Hải Âu

- Tôi xác nhận rằng tôi đã xem xét kỹ lưỡng và xác thực tất cả nội dung do AI tạo ra về tính chính xác, tính nguyên bản và sự phù hợp.**

☒ Có

3. Liêm chính, Trách nhiệm Học thuật và Tuân thủ Đạo đức và Pháp luật

- Tôi chịu trách nhiệm hoàn toàn về nội dung của bài nộp này và xác nhận rằng AI chỉ được sử dụng như một công cụ hỗ trợ, không phải là tác giả chính cho bài làm của tôi.
- Tôi xác nhận rằng AI không được sử dụng để ngụy tạo, làm giả hoặc thao túng dữ liệu.

- Tôi đã đảm bảo rằng không có dữ liệu bí mật hoặc riêng tư nào được chia sẻ với các công cụ AI mà không có sự cho phép thích hợp.
- Tôi đã tuân thủ tất cả các yêu cầu pháp lý liên quan đến bảo vệ dữ liệu và sở hữu trí tuệ, đồng thời đã trích dẫn nguồn một cách thích hợp.
- Bài đánh giá này phản ánh nỗ lực trí tuệ cá nhân của tôi, và trách nhiệm đối với bài làm này hoàn toàn thuộc về cá nhân tôi.

Cam kết

- Tôi hiểu rằng bất kỳ sự thiếu tuân thủ nào đối với việc sử dụng AI có trách nhiệm, bao gồm việc không khai báo sử dụng AI hoặc trình bày sai sự thật, có thể dẫn đến việc Khoá luận tốt nghiệp của tôi bị từ chối mà không cần xem xét thêm.
- Bằng việc ký vào đơn này, tôi khẳng định rằng bài nộp này phản ánh trung thực bài làm của tôi và tôi đã tuân thủ các nguyên tắc sử dụng AI có trách nhiệm.

Chữ ký: Lieu
Nguyễn Thị Liễu

Ngày: 29/05/2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHẬN XÉT CỦA ĐƠN VỊ THỰC TẬP

1. Thông tin chung

- Họ và tên sinh viên: Nguyễn Thị Liễu
- Trường: Đại học Kiến trúc Đà Nẵng
- Chuyên ngành: Kế toán
- MSSV: 2254010117
- Đơn vị thực tập: Doanh nghiệp tư nhân thương mại Hải Âu

2. Nhận xét của đơn vị về quá trình thực tập của sinh viên

Trong thời gian thực tập tại đơn vị, sinh viên Nguyễn Thị Liễu đã chấp hành tốt nội quy, quy định và thời gian làm việc tại công ty. Sinh viên có thái độ nghiêm túc, lễ phép và luôn chủ động trong quá trình thực tập. Trong quá trình làm việc, sinh viên thể hiện tinh thần trách nhiệm, cần thận và hoàn thành khá tốt các công việc được giao. Chăm chỉ học hỏi và hòa đồng với mọi người trong đơn vị. Ngoài ra, sinh viên luôn có ý thức phối hợp với các anh chị trong bộ phận để hoàn thành công việc đúng thời gian, quy định. Kết thúc quá trình thực tập, chúng tôi hài lòng với những đóng góp và tinh thần làm việc của sinh viên đến với doanh nghiệp trong suốt thời gian thực tập.

Người nhận xét

(Chữ ký và tên, ký và đóng dấu)



Đặng Thị Lý